

NGUYỄN - TỬ - SIÊU
và Cử-nhân Thường Sơn, Lương-sỹ Hạnh hợp soạn

GIA-LỄ CHI-NAM

gồm có

Tang-lễ, Hôn-lễ; Thọ-lễ,
Khân giỗ tết, Quan-chê, Cầu-đòi
mừng, phúng, Thơ, thiếp hỏi
thăm và giấy cáo-phó v.v.

cùng cách

chép gia phả

do các sách :

Thọ - Mai Gia - Lễ - Chu - Văn - Công gia - lễ.
Văn - Học minh - châu, Tang - lễ lễ nghĩa v. v.

In lần thứ ba

GIA 1p20

nhà xuất - ban

Nhat - Nam Thu - Quan

DAI DUOC-PHONG

Số nhà 19, Phố hàng Điều, Hà Nội, xuất-bản giữ, bản-quyền



các danh y và cụ Nguyễn An - Nhân sẽ mở

TRƯỜNG DẠY LÀM THUỐC giỏi cả chữ Hán bằng lời gọi thơ

Hạn học rất ngắn sẽ trở nên các danh y

Người học chỉ biết Quốc ngữ mà làm ngay lấy thuốc để dùng hoặc bán, dạy từng bệnh một nên biết ngay (Lại có các vị thuốc gọi kèm đi với bài học và dạy cách xem mạch, nghe, trông v.v., các lệnh rất kỹ) Khi học đủ sẽ có bằng chứng nhận. Học phí hạn học, cách học, nói rõ ở chương trình. Viết thơ kèm tem thơ đề gọi chương trình. Thơ đề cho Nhật Nam Thư Quán số 10 phố Hàng Điều Hanoi (góc phong bì bên trái thơ đề bằng mực đỏ: « **HỌC THUỐC HÀM THƯ** »). Nên biết: Cụ Nguyễn - An - Nhân là bác danh-y danh-kin này vì cụ soạn ra các sách thuốc bằng Quốc-ngữ có cả chữ Hán (Tần đã in lại đến 3 4 lần)

Các Sách Thuốc Của Cụ:

1- « **Bộ Y học từng thư** » Y học T.T. đã ra trọn bộ từ cuốn 1 đến cuốn 10, bộ sách này gồm Cả Đông, Tây y-lý, có đủ hình vẽ thân thể người cùng các vị thuốc, cây thuốc, nói rõ chất thuốc Có thêm chữ Hán các vị thuốc và đồng các (chỉ) đồng lạng đề ai cũng có thể làm ông thầy thuốc trừ danh, hoặc tự chữa bệnh kẻ đơn lăm. Đã in lần thứ ba 1 Trọn bộ đóng bìa dày Giá 6p00. (tục y Học t I II III IV chuyên chữa các bệnh thổ huyết nổi cuốn 0p80).

2 **Sách thuốc Nhật bản Trung hoa** — Chỉ dùng có ít vị thuốc Bắc của Tàu mà người Nhật chữa được bao bệnh nguy hiểm. Có tên các vị thuốc bằng chữ Hán và Quốc ngữ ai kẻ đơn chữa lấy bệnh cũng được, giá 0p80.

3 - **Bộ Y dược đại toàn** — Bộ sách thuốc này hay, dễ thể nào xem ngay các cuốn sách « **Sách thuốc Đàn bà** 1p60, « **Sách thuốc Trẻ con** 1p60, « **Ngọc Khoa chữa bệnh Đậu, bệnh Sởi** (lên trái ban, trái mùa) giá 1p50.

4- **Bộ thuốc Kinh Nghiệm** Sách thuốc kinh nghiệm 10p80 đã phải in lại thứ tư cũng lại gần hết, bộ này về kinh nghiệm được bao nhiêu sẽ in ra, **Sách thuốc Kinh - Nghiệm** cuốn II 0p80. 5 - **Sách thuốc chuyên chữa bệnh Thương Hàn**. Giá 3p00.

Hai cuốn sách cần cho mọi gia đình:

1.) **Sách dạy Xem Tướng Bàn Tay và Chữ Viết lời Âu-Tây** đã in lần thứ hai. Giá 1p50. Muốn làm thầy tướng giỏi và không bị ai lừa-rối thì mua ngay kéo hết.

2.) **Sách dạy Lấy Số Tử Vi theo Khoa học** (chỉ nam) đã in lần thứ hai Có thể n cách lấy được **Lá số Tử vi** trong 1 giờ. Giá 1p20 Các sách kể trên đây

ai gọi mua phải thêm tiền cước. Thơ và mandat chỉ đề cho nhà xuất bản như vậy: « **Nhật - Nam Thư - Quán 10 Hàng Điều, Hanoi** »

Từ nhà kho của Quán Văn Đường

GIA--LỄ CHI-NAM

In lần thứ ba

(Có thêm GIA PHẢ v. v.)



nhà in nhât-nam

(AN, THU', HOA - QUAN, DU'OC - PHONG)

SO 102 PHO HANG GAI — HANOI XUAT - BAN

TỰA

Nước ta từ xưa, vốn có tiếng là một nước văn-hiến. Hai chữ « văn hiến » bao-hàm rất rộng, nào là văn-chương, pháp-luật, lễ-nghi, chế-độ, cương-thường, phong-hóa phàm nhất - thiết những các điều hay, điều tốt, các điều phải, điều khôn, các điều có thể phân-biệt với loài dã-man, các điều có thể tự-phụ là giống thần-thánh, đều có thể gọi chung bằng một tiếng « văn-hiến ». Còn những các cái thói điều-ngoàn, thói bạc-bẽo, thói phóng-dãng, thói dạn-tham, thói thị-cường lẳng nhược, thói thị-phú khinh bần, thói chái ngược với luân-thường, thói mờ ám cả nhân-đạo, thói đều là thù-địch với văn-hiến, hai bên đối với nhau có cái thể bất-lưỡng-lập. Đã là văn-hiến thời quyết không có những cái thói ấy. Đã có những cái thói ấy, thời quyết không được gọi là « văn-hiến ».

Trời đất có cổ, kim ; vận đời có thăng, giáng ; trải qua chưa được bao nhiêu xuong nằng, mà vất lay nằm nghỉ, đối với hai chữ « văn-hiến » đã hầu như một giấc chiêm-bao !

Nghĩ như vậy, tôi không lượng tài hèn mà góp nhặt lặt những lễ tục đời xưa, vừa khảo-cứu, vừa luận-bàn, mong muốn một đề bồi đắp cho nền cũ. Tuy quyền này mới chỉ là

4. — Quyền gia lễ này về thiên thứ nhất, Bĩ-nhân do ở mấy quyền Chu-vấn-công gia lễ Tang-lễ tiểu ký, Thọ mai gia lễ, vạn học minh-châu Văn lâm gia lễ và thông lễ mà lựa chọn biên dịch ra. Dem mà so sánh với từng quyền thời hình như không dùng, nếu so với tất cả bấy nhiêu quyền thời vẫn toàn là nguyên ý của cổ-nhân vậy.

5. — Phong tục mỗi ngày mỗi khác, thời lễ nghi tất cũng phải tùy theo phong tục mà đổi thay. Bởi thế bĩ-nhân có những điều dự nghĩ, ở thiên thứ hai, là ý muốn cho hợp với phong tục đời nay vậy.

6. — Lễ-liết của cổ-nhân tuy phiền, mà «lễ-y» của cổ-nhân thời rất hay rất phải, dù cho đến muôn đời cũng không sao đổi được, vậy tuy có những điều dự nghĩ ở thiên thứ hai mà vẫn phải lấy thiên thứ nhất làm gốc.

7. — Thiên thứ nhất tuy là dịch - thuật của cổ - nhân, nhưng những điều nào không hợp với phong tục ngày nay, thời xuống dưới Bĩ-nhân đều có câu bàn cho người xem dễ hiểu. Ở những lời bàn hoặc có lộ ý gì chê bai bĩ-bác, là Bĩ-nhân đối với phong-tục mà nói, chứ thật không có ý gì bác cổ-nhân, mong rằng dayệt-giả chư-tôn cũng đừng trách Bĩ-nhân là «âm - thủy vong - nguyên» vậy.

8. — Cổ nhân có nói rằng: «không phải là bậc thánh - nhân, ngồi thiêu-tử không giảm chế lễ tác nhạc». Bĩ-nhân là người thế nào mà dám cả gan đổi thay cổ lễ! Đó cũng chẳng qua là «ngu giả nhất đắc», mong rằng các bậc đại kiến thức trong quốc dân sẽ lượng tình mà chỉ bảo những chỗ khuyết điểm cho.

Dịch-giả cần-chỉ

GIA LỄ CHỈ - NAM

MỤC LỤC

THIÊN THỨ NHẤT

TANG LỄ

Tổng nghi-tiết chế-lễ của cử-nhân

— Tiết thứ nhất.

Nói về các lễ từ lúc trong nhà có người thác đến lúc người thác đã nhập quan.

— Tiết thứ hai.

Nói về các lễ từ sau lúc đã nhập quan đến lúc đã an táng xong.

— Tiết thứ ba.

Nói về các nghi tiết cùng lễ thuộc về việc tang.

— Tiết thứ tư.

Nói về cách để trở.

Bản-dồ ngũ-phục trở về bản-tôn (họ nhà mình).

Bản-dồ để trở về họ nội nhà chồng.

Bản-dồ người thiếp để trở về nhà chồng.

Bản-dồ con gái để trở về họ nhà mình.

Bản-dồ để trở họ ngoại.

Bản-dồ tam - phụ bát - mẫu.

Bản-dồ di làm con nuôi để trở về họ nhà mình.

Phụ: Bản-dồ các thứ đại, tiểu - liệm.

Bản-dồ hành-nghi lúc phát-dẫn. (đồ đưa đám)

Bản-dồ thần-cử. (đề tên người thác)

— Tiết thứ năm.

Các văn-tế thuộc về việc tang .

THIÊN THỨ HAI TANG - LỄ

Dự nghĩ những điều nên thay đổi về Tang - lễ

— **Tiết thứ nhất.**

Kê đại lược những cái tục lễ của ta (18 điều)

— **Tiết thứ Hai ,**

- 1, Nghĩa đối với người chết.
2. Từ lúc cha mẹ chết đến lúc nhập quan (4 điều)
3. Từ sau lúc nhập quan đến lúc an táng xong .
4. Các nghi tiết sau khi an táng .
5. Những việc phụ thuộc về việc tang.(3 điều)
- 6, Cách thức giấy cáo phó (giấy báo cho mọi người biết)
7. Kê thăm viếng.

Tiết thứ ba

Nói về tục cải táng.

Bàn về tục cải táng và địa-lý.

— **Tiết thứ tư.**

Lễ cát-ky và lễ lúc cải táng .

Phụ-lục : Lễ cáo thiên (phụ lời bàn).

Lễ phần-hoàng.

Lễ cáo-miếu (lễ thổ-thần chỗ để mộ)

Quan-chế.

Nghi-tiết tế thần.

Thọ-lễ.

THIÊN THỨ BA HÔN - LỄ

1. Cờ-lễ.
2. Dự nghĩ.
3. Mười điều nên trừ bỏ thuộc về việc hôn .
4. Một điều nên chú ý về việc hôn.
5. Tế to-hồng.
6. Tư-tướng mới về việc kết hôn.
7. Một cái hại sa-sĩ về việc kết hôn ở xã hội ta ngày nay.

THIÊN THỨ TƯ

Cách chép Gia-phả.

GIA-LỄ CHỈ-NHƯM

TANG-LỄ

Thiên Thứ Nhất

Tổng thuật về nghi tiết chế lễ của cô-nhân.

Phàm làm con thờ cha mẹ, lúc sống đã phải hết lòng hiếu-dưỡng, thì khi thác tất phải hết dạ bi-ai. Song nếu chỉ biết bi-ai mà không có lễ để hạn chế, thì có khi đến u-mê lẫn-lộn, mà sai lạc mất nghĩa-kính thành. Bởi vậy cô-nhân có đặt ra Tang-lễ. Tang-lễ tức là một cái lễ-tiết của người sống đối với kẻ thác vậy.

Nay xin theo nghi-tiết cô, mà tường thuật như sau :

TIẾT THỜ NHẤT

Nói về các lễ từ lúc trong nhà có người thác,

Đến lúc người thác đã nhập quan,

I

RƯỚC RA CHÍNH-TÂM (nhà giữa)

Trong khi ngài (cha, mẹ) bị đau, tất là nằm trong phòng, hay là ở gian bên, không mấy khi nằm gian giữa. Vậy đến khi ngài sắp hấp-hối, thì phải rước ngài ra chính-tâm, nghĩa là cái giường ở giữa nhà, để tỏ ra ngài thác về lễ tự nhiên chánh-đáng vậy.

II

RĂN BẢO TRONG NGOÀI

Lúc ngài đã sắp tắt hơi, phải khuyên bảo người nhà không ai được khóc lóc huyên-náo, cho ngài được định-lĩnh tinh-thần, mà thuận thác theo lẽ tự-nhiên.

III

CHÉP LỜI DẶN

Lúc ngài sắp mất, thời phải sẽ hỏi xem ngài có dặn bảo gì không ... Nếu có thời người làm con phải ghi chép lấy lời dặn bảo ấy. (1)

IV

ĐẶT TÊN THỤY (hiệu)

Phải đặt tên Thụy tên hiệu cho ngài, (Tục gọi là tên hèm, tên cúng cơm). Đại-khai đàn ông thời đặt những chữ (Trực), chữ (Chính), đàn bà thời đặt những chữ (Từ), chữ (Huệ), vân v... Nhưng cần phải thưa rõ cho ngài biết, nếu ngài đặt lấy được thời càng hay. Những người có tên thụy sẵn, không cần phải đặt tên khác nữa. (2)

V

NGANG ĐŨA

Ngang một chiếc đũa ở ngang miệng ngài để phòng sau này Phạn-hàm. (3)

VI

ĐỀ BÔNG

Lấy bông đề lên mũi ngài, để xem ngài đã tắt hơi thật chưa. (4)

VII

ĐỀ XUỐNG ĐẤT

Khi ngài đã tắt hơi rồi, giải một chiếc chiếu xuống đất, rước ngài xuống một lát, rồi lại rước ngài lên. Đó là ý muốn cho ngài được hấp-thụ cái sinh khí, họa may ngài có phục-hồi nữa chẳng. (5)

VIII

PHỤC-HỒN

Sai một người cầm cái áo của ngài mặc trước, tay tả cầm cổ áo, tay hữu cầm lưng áo, từ đằng trước trèo lên nóc nhà, đứng mà gọi tên tục của ngài ba lần. (Tục thường gọi rằng: Hú ba hồn bấy vĩa (bà thời chín vĩa) ông hoặc bà) .. Ở đâu thời về! Song rồi theo đằng sau nhà mà xuống, đắp áo ấy vào bụng ngài. Cách làm thế là mong họa ngài có phục hồi chăng?... (6)

Bấy giờ con cháu mới khóc hết tình thương sót, và thay bỏ nốt đồ trang sức y-phụ thường, mà quần tóc, đi chân không, kém ăn, hoặc là ăn cháo. Là có ý để ng vậy. (Vì chưa làm lễ thành-phục, nên chưa thật dễ tang), (7)

*
* *

Cứ xem từ điều thứ 1, đến điều thứ 8, biết cô-nhân đối với lúc cha mẹ thác, cần thận, trân-trọng là dường nào? Song cũng có mấy điều ta nên chú ý, nên suy nghĩ:

— *Tức như điều thứ 3, chép lời dặn bảo.* .. Cứ tình, cứ lý thời phạm người làm con có biết thế, mới gọi là theo hết lòng, mới gọi là có hiếu. Song cũng phải nên tùy theo ở lòng người con, nếu là người con lúc sống cũng còn không chịu nghe lời, thời nó còn tưởng chi đến mấy lời dặn bảo lúc sắp chết! biên chép mà làm chi?..

— *Điều thứ 4, đặt tên thụy.* Nếu là người có phẩm hàm có sẵn tên thụy ở trong quan chế, không phải đặt nữa đã đành. còn người thường thời đặt như thế có nên chăng?.. Vốn cái phép đặt tên thụy, tên hiệu, là cứ tùy theo cái đức-tính của vong nhân lúc bình-nhật mà đặt, lấy cái chữ tên ấy để làm tên cúng cơm thường, khiến cho người sau cứ nghe thấy một chữ tên ấy cũng đủ hiểu được vong-nhân lúc sinh-thời là người thế nào...

Vậy thời nếu gặp dân-ông là người ngu-si tàn ngược, dân-bà là kẻ dâm-don lẳng lơ, thời đặt tên hiệu bằng những chữ gì?.. Hay là cũng cứ theo tục mà dân-ông thời đặt bằng chữ Chính, chữ Trục, dân-bà thời đặt bằng chữ Huệ chữ Lữ?... Nghĩ như ta

là người hèn, mà ta mặc bộ áo sang, ta cũng tự lấy làm ngượng thay, giả sử linh-hồn người thác mà có thiêng, nghe thấy những tiếng sư hô như thế, có an tâm được chẳng?... Hay là cứ theo đúng sự thực mà đặt?... Nhưng ai là người nở đặt?? Cứ suy một lẽ đó, thời đến cả thuy, hiệu của người có phẩm hàm, tướng cũng là phiền...

—*Điều thứ năm là ngáng dĩa; Điều thứ sáu là đề bông . . .*
Hai điều này, theo lẽ thời cần thận như thế cũng là phải. Nhưng ta thử tưởng tượng cái tình hình người sắp chết, mà ta đem ngáng một cái dĩa vào mồm, để một ít bông lên mũi, ta cứ đứng mà trông, có đáng lấy làm thương tâm không?! Thường thấy có người hơi hầy còn thở khò khè, lưỡi hầy còn dầy ra dầy vào, họ đã đem ngáng một chiếc dĩa ngang mồm, Ôi người sắp chết kia tội tình chi... không biết rằng lương tâm của họ đề đâu?.. Và chỉ trong khi người chết dương hấp hối, ta còn không giám khóc lóc luyến náo, e ngại không được yên tâm mà khó chết chẳng? giờ lại đem một chiếc dĩa mà ngáng vào như thế, có khác gì gọi cho ngại một cái mồi không được yên tâm không? Huống hồ cái phép «phan-hàm» cũng chưa đã là hay, thời tưởng cũng nên giảm bớt sự ngáng dĩa ấy đi vậy còn thử bông cũng nên

—*Điều thứ 7 là đề xuống đất, điều thứ 8 là phục hồn . . .*
Hai điều này thật lộ ra cái tâm tình người con có hiếu. Song có thực tình như thế hầy nên làm, chứ chỉ làm đề theo nghi-tiết che mắt với người ngoài. thời tưởng cũng nên giảm bớt vậy. (Tục cho việc đặt xuống đất là để cho cứng, tuy trái với ý nghĩa của cổ nhân, nhưng có phần đúng sự thực hơn.

IX

LẬP NGƯỜI TANG-CHỦ VÀ NGƯỜI CHỦ-PHỤ

Tang-chủ thời lập người con trưởng hay người cháu trưởng thừa trọng là khi ông bà chết mà người con trưởng cũng chết rồi, thời cháu trưởng thay mặt cha mẹ để tang ông hoặc bà ba năm gọi là thừa trọng. Chủ phụ là vợ người chết hoặc vợ người tang chủ.

Nếu cha còn mà má con có tang mẹ, hoặc tang vợ, thời người

cha làm tang chủ, hoặc còn ông thì ông làm tang-chủ Tang chủ mà lập người con hoặc cháu, là cốt về việc tế-điện; còn như cha hoặc ông làm chủ là chủ về việc tiếp khách, và sai bảo cất cử mọi việc, một đảng thuộc về lễ-nghi, một đảng thuộc về trật-tự vậy.) (1)

X

Lập người tương-lễ, người hộ-tang, người tiếp-tân, người tư-thư, người tư-hóa.

Tương-lễ là người giúp lễ, thì chọn người thân-thuộc, hoặc người hàng xóm đã có am-biêu lễ-nghi, phàm các việc tang đến do người ấy sắp đặt. Người hộ-tang thì phụ vào với người tương lễ. Tiếp-tân là người chuyên về việc tiếp khách, thì chọn các bậc tôn trưởng trong họ, hoặc người thân hữu. Tư-thư là người coi về việc giấy má sổ-sách. Tư-hóa là người coi về tiền nong tiêu dùng trong việc tang. Những người này đều phải kén người thân thích mới có thể đương được. (2)

XI

TRỊ-QUAN

Trị-quan là sơn sấn sắp đặt trong quan tài. Trước khi trị quan thì phải dự bị một cái quan bằng gỗ tốt, như ngọc-am, đồi, dâu, vàng-lâm v. v. mà sơn gấm mạch trong ngoài quan cho kỹ. Đến khi trị quan thì phải sắp sẵn các đồ như sơn sớng mặt cửa, gio, giấy, gạo nếp rang, đànb, và bản thất-tĩnh vân vân...

Dưới lòng quan thì giải bột bồng, hoặc gio, giấy độ 4 tấc ta, trên giải mấy lượt giấy, và đề văn thất tĩnh. (Văn thất-tĩnh thì dùng văn gỗ mỏng đề vừa lọt vào trong quan, khoét thủng bảy chỗ đề tượng bảy sao Bắc-dầu.) (3)

XII

CAO-PHÓ

Người tư-thư phải làm tờ cáo phó cho các thân-thích liên hữu biết tin là vong nhân mất ngày tháng nào, và đến ngày t húng rào-sẽ an táng tại đâu... (Thư sẽ có ở sau.)

XIII

THIỆT HỒN BẠCH

Từ lúc ngài sắp tắt hơi, đã phải lấy 7 thước lụa trắng, (bằng vải ta cũng được) gấp lại để lên ngực ngài. Sau khi ngài tắt hơi rồi lấy lụa ấy ra kết làm hồn bạch. Kết làm như hình người một đầu hai tay, thừa làm hai chân, kết song lại để lên trên ngực ngài. Đến khi nhập quan thời để hồn bạch ấy lên linh sàng hoặc linh tọa để sớm tối rước ra rước vào và cúng lễ. Làm như thế là có ý coi cái hồn bạch như ngài. Một là để cho thần hồn ngài được y-ý vào đó, hai là khiến các người làm con trông thấy đó cho đỡ lòng thương. (4)

XIV

MỘC-DỤC (tắm gội)

Trước khi sắp mộc dục thì phải sắm sẵn những đồ như sau này.

—Một cái giải bằng lụa hay vải để buộc tóc.

—Một con dao nhỏ.

+Hai cái khăn vải trắng, một cái lau mặt 1 cái lau mình).

Một cái lược thưa

Một cái chậu đựng nước và mặt cái gáo .

Một nồi nước ngũ vị hương .

Một cái chậu để chứa nước thừa.

Khi sắp mộc dục thời phải che màn cho kín đáo và làm theo nghi tiết như sau này :

Trước hết người tang chủ và mọi con cháu vào trước giường mà cử ai hót, rồi người chấp sự vào mộc dục. Cứ phép, cha thời con giải mộc dục, mẹ thời con gái mộc dục hoặc các con vì đau thương quá không thể không nỡ làm thời cắt người khác vào thay cũng được .

Trước lấy một cái khăn đắp nước hương lau mặt ngài cho sạch. Thử lấy lược chải tóc cho sáng, lấy giải buộc tóc cho ngay. Rồi lấy khăn khác cũng đắp nước hương lau qua mình, và hai tay hai chân. Lấy giao cắt móng tay móng chân. Song cả rồi sửa sang áo quần ngài lại cho ngay ngắn chỉnh-tề .

Những tóc rụng và móng tay móng chân thời gói cả lại, để sau bỏ vào quan tài.

Còn khăn, lược, dao, và nước thừa, thời đem ra chỗ đất sạch đào mà chôn đi. (5)

XV

PHẠN-HÀM

Trước khi sắp phạn hàm thì lấy một chén con gạo nếp vo cho kỹ, ba đồng tiền đồng mài cho sáng, đựng vào cái đĩa, để đó. (Nhà giàu sang hoặc dùng vàng ngọc trâu bầu, song làm thế chỉ tỏ làm mồi cho kẻ trộm, vô ích).

Khi phạn-hàm thì làm theo nghi-tiết như sau này :

Người tang chủ vào cử ai qui xuống, một người chấp sự bưng đĩa đựng đồ phạn hàm theo vào cũng quỳ xuống mà khấn rằng :

Giờ đã đến giờ phạn hàm, cúi xin hàm nạp

Khấn xong, tang chủ lễ xuống một lễ, đứng dậy, rồi ngồi bên hữu vong nhân, sẽ mở một ít cái khăn dây mặt ra, bỏ đĩa ngang miệng đi, hạ gối thấp xuống :

Chấp sự sớng .

Sơ phạn hàm.

Thì tang chủ lấy cái thìa súc một ít gạo và một đồng tiền bỏ vào bên hữu.

Chấp sự sớng :

Tái phạn hàm.

Thì bỏ vào bên tả.

Chấp sự sớng :

Tam phạn-hàm.

Thì bỏ vào chính giữa miệng. Mỗi lần ba hạt gạo với 1 đồng tiền, làm như thế là có ý không nỡ để cho miệng đứng thân mình không hư vậy. Phạn hàm xong, nặn cầm ngải lại cho khít, rồi lại đắp khăn dây mặt lên như trước. (lục quẻ giờ ừ làm bằng một tờ giấy) trắng. (6)

XVI

THAY QUẦN ÁO

Trước khi thay quần áo, phải sắm sẵn những đồ như sau này:

- 1.—Một cái khăn để chít đầu. Gọi là bức-cân.
- 2.— Một ít bông để nút lỗ tai, gọi là Sung-nhĩ.
- 3.— Một cái khăn để phủ-diện, gọi là khăn Minh-mục. Khăn này làm bằng một vuông lụa mùi thâm, trong lót lụa đỏ, giữa giải một ít bông mỏng, 4 góc có 4 cái giải để phủ-diện rồi buộc ra đằng sau (bằng vải ta cũng được).
- 4.— Một đôi lụa bao tay, gọi là ác-thủ-bạch. Lấy hai vuông lụa mùi huyền, rộng hơn hai bàn tay, rồi buộc khăn ấy vào hai bàn tay cho chặt, cho khỗi cong ngón tay vào. Cốt giữ lấy ngón tay cái đừng trở vào ngón khác (7) vải cũng được.
- 5.— Một chiếc áo thâm, đơn kép tùy ý.
- 6.— Một chiếc áo trắng,
- 7.— Một chiếc quần trắng,
- 8.— Một chiếc giày lưng.
- 9.— Lại một chiếc nữa gọi là đại-đái, để rồi thắt ra ngoài.
- 10.— Một đôi tất
- 11.— Một đôi giày,

Các thứ ấy đã có đủ rồi, đến khi mặc thời theo nghi-tiết sau này: Trước hết đội khăn bọc đầu cho ngay, rồi đặt cái gối đầu cho thẳng. Thử đến lấy bông nút hai lỗ tai; thử lấy khăn minh-mục phủ lên mặt rồi buộc giải ra đằng sau. Thử đến lấy bông hoặc giấy đệm vào trong lòng bàn tay ngài, rồi lấy khăn bao tay buộc lại cho chặt. Thử đến lồng tất hai chân.

Song rồi mặc quần áo như lúc sinh thời. Theo thết tục thì áo cắt bỏ khuy đi, đặc lẽ không nên mặc chần. Khép vạt cả vào trước vạt con vào sau, lấn cho thật chặt.

Bấy giờ mới thắt đại-đái. Trước hãy để hai tay ngài ập vào vế, lấy đại-đái thắt ngang bụng cho thật chặt. Rồi lấy giày só vào chân ngài cho chỉnh-tề.(7)

XVII

TIÊU LIỆM ĐẠI-LIỆM

Tiêu-liệm.... Tiêu-liệm làm bằng một đoạn vải giải 14 thước. (Thước kinh). Ngang 3 đoạn vải, mỗi đoạn giải 6 thước. Ở hai đầu các đoạn ngang dọc ấy đều sẽ nhóm làm 3, để phòng khi buộc. (Sẽ có vẽ ở sau).

Đại-liệm. — Đại liệm thì ngang dọc giải ngắn cũng thế. Nhưng một đoạn dọc thì đôi đầu sẽ nhóm làm ba, ngang thì năm đoạn, mỗi đoạn làm bằng nửa khổ vải mà không sẽ nhóm.

Khâm (chấn). -- Chấn để liệm thì mỗi cái 5 khổ; giải 12 thước. (Đại-liệm một chấn, tiêu-liệm một chấn, hoặc dùng đơn hay may kép cũng được).

Tạ-quan. — Tạ-quan là cái vải lót quan, làm 8 khổ, dọc ngang bằng nhau, đặt ngang can lại. Đùng can dọc, e khi vộ; vàng khâu không được kỹ mà buộc đường chỉ chằng.

Ngoài những thứ ấy, lại phải sắm những đồ bồi-khuyết (nghĩa là vá vào chỗ thiếu) như sau này :

1). — Một tấm gối lót đầu, khoát 4 tấc, trường 6 tấc 5 phân, dày một tấc, giữa làm lõm xuống một lỗ tròn.

2). — Hai tấm ép tai, trường 6 tấc 5 phân, dày 2 tấc 5 phân cao 5 tấc.

3). — Đệm đầu và chân hai tấm, dày 1 tấc, cao 5 tấc. Đầu bề ngang 9 tấc, chân bề ngang 8 tấc 5 phân.

4). — Một tấm che mặt, dày một tấc, trường khoát cũng vừa bằng mặt.

5). — Một tấm đệm vẽ đùi, trường một thước 3 tấc, đầu trên khoát 6 tấc, mỏng 5 phân; dưới khoát 4 tấc, dày ba tấc 5 phân.

6). — Hai tấm đệm vẽ chân, trường một thước 5 tấc, cao 5 tấc, đầu trên mỏng 5 phân, dưới dày hai mươi nhăm phân.

Những đồ trên này đều làm bằng giấy bồi, hoặc trong nhồi bấc.

Sắp đến giờ liệm thì giải chiếu ra giữa gian nhà, đặt đồ đại liệm xuống trước. Trước đặt 5 đoạn ngang, do từ đầu đến chân cho vừa khoảng, rồi giải cái dọc lên trên, lại giải chấn đại-liệm

lên trên đoạn dọc ấy. Hễ giải lần nào thì lấy bút đánh dấu cho chính giữa, khâu chỉ lại cho chặt, rồi sẽ giải đồ tiểu liệm lên trên, cũng trước đặt ba cái ngang, thứ đến cái dọc, rồi đến cái chẵn. Đại, Tiểu liệm khâu vào làm một, rồi thu gấu bốn bề lại cho gọn dề chờ buộc liệm.

Khi liệm, thì tang chủ vào cử ai, quỳ, người chấp-sự cũng vào quỳ bên hữu tang chủ mà cáo rằng :

«Nay được ngày tốt, xin làm lễ liệm. Cần cáo».

Rồi tang chủ lễ xuống, đứng dậy.

Bấy giờ các người giúp việc vào hai bên, rước ngai ra đặt lên trên đồ khâm liệm cho thật ngay ngắn. Rồi đặt tấm gối đầu thứ đặt đến hai tấm ép tai, thứ đặt đến tấm tiếp trên đầu, tấm tiếp dưới chân và kê vế, lại đem giấy hũ và vào cho thật vuông Song rồi, sẽ gập hai bên chừa tiểu-liệm lại, bên tả trước, bên hữu sau. Rồi gập đầu dưới chầu lên và gập đầu trên chầu xuống. Thứ đến buộc giải dọc, rồi buộc giải ngang. Tiểu-liệm song rồi, xem có khuyết đầu thì lại cứ bù cho vuông, rồi lại cứ lần lượt buộc đồ đại-liệm cũng như buộc tiểu-liệm.

Liệm song rồi thì giải cái tạ quaa ra, rước ngai lên cho ngay ngắn. (8). — (Đợi đến lúc làm lễ nhập quan rồi, sẽ rước). Tiếp luôn đó thời đến lễ nhập quan. Bấy giờ con cháu lấy gai, hoặc vải buộc tóc lại. (Trở ba năm thời buộc bằng gai, trở một năm thời bằng vải trắng, chờ đến lúc làm lễ thành phục sẽ bỏ đi).

XVIII

NHẬP-QUAN (sau khi chết 3 ngày).

Khi sắp nhập quan thì các con vào tự lập, giai bên tả, gái bên hữu. Đều cử-ai. Mọi người chấp-sự vào quỳ cáo rằng :

«Nay được ngày tốt, làm lễ nhập quan. Cần cáo».

Phủ phục, hưng, bình thân. (Lạy xuống, đứng dậy, đứng ngay ngắn lại. Sau này có dùng đến những chữ này, đều một nghĩa như thế cả),

Bấy giờ người giúp việc vào đều cầm lấy 4 góc cái vải tạ quan nâng lên đưa ngai vào quan cho êm ái.

Các con đều khóc hết lòng thương.

Người giúp việc xem trong quan còn có khuyết chỗ nào thì lấy áo cũ của ngài hoặc lấy giấy nhét vào cho đầy, rồi gấp đầu dưới cái tạ quan lên, gấp đầu cái tạ quan xuống, thứ đến gấp bên tả sang bên hữu lại. Song cả rồi, bôi sơn vào bên thành quan, và dây nắp đóng đanh lại, rồi bó mạch cho thật kỹ.

Đặt quan ở giữa nhà, quay đầu hướng nam (ngoài là nam, trong là bắc, tức là quay đầu ra ngoài).

Bấy giờ giai bên tả, gái bên hữu, đều giải dơ mà ngồi hai bên cữu. (9)

* *

Việc tang đã rất trọng, mà đến tang cha mẹ lại càng trọng, cho nên cổ nhân đặt lễ thật là mười phần chu đáo. Như hai điều thứ chín, thứ mười, ta thật rất nên noi theo, nghĩa là có theo được như thế, thì phạm việc mới có trật-tự, có ngăn nắp, không đến nỗi nhiều sai không ai đóng cửa chùa, mà thành ra một nhà vô chủ.

Điều thứ 11 *việc trị quan, thời cũng có ý quá phiền* Vì cổ-nhân cần phải ở trong nhà lâu, mà chưa biết cách dùng quan bằng kẻm như đời bây giờ, nên mới phải làm loi thôi như thế. Cứ lễ thời gì bằng để cho quan cho sạch sẽ, chẳng khỏi dễ nhơ-nhớp đến di thể của đấng thân mình hay sao?.

Điều thứ 13 phép kết hôn bạch, cũng là một cái ý tưởng hay, song đời nay đã biết vẽ truyền-thần, biết chụp ảnh, (1) thời dùng tranh-ảnh, có lẽ rõ ràng và giản tiện hơn hôn bạch vậy.

Điều thứ 14 phép mộ: đục cũng hay, nhưng nếu ngài mới mất mà mất ngay, thân-thể vẫn được sạch-sẽ, có thể chỉ lau qua đi thôi cũng được. Không nên dỡ dáo ra lắm, e lại thêm sự lỏa lồ chẳng.

Điều thứ 15 phép phạn hàm, cứ ý cổ nhân, là nhân cha mẹ mình lúc sinh thời được ăn uống luôn, đến khi ngài chết không nỡ để trong miệng ngài hư không, nên mới đặt ra phép Phạn-hàm.

1—Vẽ truyền thần tại nhà in Nhật-nam rất khéo.

Song thiết tưởng nghĩ như thế, cũng là quá nệ. Cả thân thể ngài cũng còn phải đành chịu để cho nát, giữ một trong miệng không có ích gì?... Huống chi trước khi chưa phạm-hàm, đã phải vì phạm-hàm mà ngóng đợi, sau khi đã phạm-hàm lại phải vì phạm-hàm mà nấn-khít lại, di-thể của cha mẹ mình thật, có phải là một cái chấp đầu mà muốn mở thì mở, muốn đóng thì đóng? ý là muốn tỏ lòng hiếu mà lại bóa ra cách phiền văn, sự tiết độc, thời phạm-hàm mà làm chi?...

Điều thứ 16, thay quần áo, điều này nên tiếp luôn với điều mộc-dục nghĩa là mộc-dục xong rồi thời thay quần áo, rồi sẽ phạm-hàm, như thế có phần thích-nghĩ hơn.

Nghĩ tiết mặc quần áo cũng có ý phiền, nhưng cũng còn có thể theo được, duy thất đại-dái cho thật chặt thời rất không nên; (1) mà đến di giày lại càng vô-nghĩa, người đã chết, nằm chơ như cây gỗ, mà lại sỏ đôi giày vào, là cái ý nghĩa gì?... Như thế chỉ có thể gọi là «nhảm» mà không phải là hiếu vậy.

Điều thứ 17 là tiểu - liệm, đại-liệm. Cách bó buộc như thế tưởng phạm ai là người có nhân-tâm, nghĩ đến cũng phải đau lòng! Chỉ ngặt vì cổ-nhân bó buộc về cái nạn đề lâu, nên mới phải làm nghiêu-kê rắc rối đến nhường vậy. Thiết tưởng việc đó rất nên giảm bỏ.(2)

Điều thứ 18 là nhập quan cách liệm đã lỗi thời thời lúc nhập quan tất cũng phải rắc rối, đó là lẽ tự nhiên. Mà cái có sở dĩ-nhiên, chẳng qua cũng chỉ đề lâu mà sinh ra, vận đời đã đổi thời lẽ tục cũng thay, tưởng cũng không cần phải bàn nữa vậy.

Từ điều thứ 1 đến đây cộng cả 18 điều, trong mười tám điều ấy vào khoảng trong 3 ngày, ấy thế mà mới có từ lúc thác đến lúc nhập quan, thật là phiền tới vô cùng. Phong-tục lễ tiết mỗi đời mỗi khác, ta không dám chê cổ-nhân là chái mà ta rất nên theo cái lòng thành kính chí tình của cổ-nhân. Còn cái lễ-tiết thời ta cũng có thể tùy thời mà chế-nghĩ vậy.

1. — Đã có nói rõ ở bài tổng luận, tiết thứ năm.

2. — Đã có bàn rõ ở tiết thứ năm.

TIẾT THỨ HAI

Nói về các lễ từ sau lúc đã nhập quan.

Đến lúc đã an táng xong.

I

ĐẶT LINH-SÀNG LINH-TỌA

Khi đặt cữu đã yên, nhà rộng thì đặt linh-sàng ở phía đông cữu, bày mùng màn chắn gối như lúc còn sống để sớm tối rước ra rước vào, (tức là chiêu, tịch diện, rước hồn-bạch). Nếu nhà hẹp không thể bày được, thì chỉ đặt một Linh-tọa ở trước cữu. Hồn-bạch thì để trên ngai mà thờ. Sẽ phải giảm bỏ nghi tiết rước. Trước chỗ để hồn-bạch (hoặc ảnh) thì bày các đồ thờ, (đồ thờ thì dùng đồ sơn cũng được, duy cái đĩa chậu quán-tây là đồ tang-chủ dùng, thì phải dùng đồ mộc) rồi chiêu theo nghi-tiết mà làm lễ (an-vị ở tiết thứ 3).

II

LẬP MINH-TINH

Minh - tinh là một cái cờ làm biệt - hiệu cho người chết, làm bằng lụa đỏ, (hoặc giấy) rộng bằng một khổ lụa. (Tam phẩm dờ lên thời dài 9 thước; Ngũ-phẩm dờ lên thời dài tám thước từ Lục-phẩm dờ xuống đến người thường thời đều dài 7 thước).

Viết chữ bằng phấn trắng.

Cha thì viết :

« Cỗ-phụ (quan chức, tinh-thị thụy-hiệu gì thời dờ vào đấy, rồi viết đến): phủ quân chi linh-cữu. » 故父姓諡府君之靈柩

Mẹ thì viết :

« Cỗ-mẫu (dẫn quan chức và họ của cha điền vào đấy, rồi viết: chính thất hoặc : á-thất), nhụ-nhân chi linh-cữu » 故母孺人之靈柩

Đàn ông nếu không có quan-tước thì cứ theo thụy - hiệu lúc sinh thời mà điền vào. Đàn bà theo quan-chức thì nhất - phẩm là Phu-nhân; nhị-phẩm, là Đoan - nhân; tam - phẩm là Thục-

nhân : tứ phẩm là Cung-nhân ; ngũ phẩm nghi nhân ; lục, thất phẩm là An-nhân ; bát cửu phẩm là Nhụ-nhân, cứ theo thứ tự mà viết điền vào .

Viết Minh-tính lại phải tính theo 4 chữ : Quĩ, Khố, Linh Thính, Nam đến chữ Linh nữ đến chữ Thính thời vừa tốt, chớ đừng dùng phải chữ Quĩ, chữ Khố. (nếu nhớ mà dùng, phải rút bớt bỏ chữ ở trên cho đúng). Viết xong làm một cái cần, dán giấy hoặc lụa ấy vào rồi dựa vào bên đông Linh-tọa thường làm nhà minh tính cũng được.

III

THÀNH PHỤC (sau khi chết 4 ngày)

Thiết Linh-tọa lập minh tính song thời Thành phục. Thành phục nghĩa là đã xong các thứ áo chớ thời làm lễ để mặc. (1) (Tục gọi là lễ phát tang) Lễ thành phục cứ theo như cổ lễ thời không có tế, chỉ đến ngày thứ tư, thời các người trong ngũ phục đều theo thứ tự mà mặc tang phục rồi đàn ông vào đứng ở phía đông bên cửa đàn bà đứng ở phía tây bên cửa, ngảnh mặt trông lại nhau rồi cử ai cùng khóc. Các kẻ ti - ấu lại quỳ trước mặt tôn trưởng mà khóc, là tỏ ý đau - thương quá nỗi, nên cùng tỏ tình thăm viếng lẫn nhau vậy. Thế là xong lễ Thành-phục. Chứ không có tế lễ gì. Vì trong khi chữa tang còn phải theo hung lễ, nếu mà tế lễ linh đình thì là theo 'cái lễ không hợp với cổ chế.

Nhưng cứ theo như Thọ-ma: gia-lễ thời cũng có nghi tiết tế thành phục, đó là bởi tục nước ta vậy, (nghi-tiết sẽ có ở tiết thứ 3). (1)

IV

CHIÊU TỊCH ĐIỆN

Nếu có đặt Linh-sàng có kết hờn bạch, thì sớm ngày dậy, các con đem dâng nước rửa khăn mặt lược hộp dầu đứng bên nài, cử ai ba tiếng rồi cuốn màn lên. Người chấp sự quỳ mà cáo rằng :

Ngày đã sáng rồi, xin rước Linh-bạch ra Linh tọa».

Rồi sẽ rước linh-bạch lên linh-tọa. Linh bạch đã rước ra thời người nhà cuốn màn, gấp chần, xếp gối cho chỉnh -lễ

Song đó thời làm lễ chiêu-diện, đến chưa làm lễ Thượng-thực chiêu thời làm lễ Tịch-diện (các nghi tiết ở cả tiết thứ 3)

Làm lễ tịch-diện song, người chấp sự lại quỳ mà cáo rằng :

«Ngày đã tối rồi, xin rước Linh bạch vào linh sàng»

Rồi lại rước linh-bạch đề vào linh-sàng, đắp chầu buống màn cho tử tế. Làm như thế là tỏ ra ý thờ lúc thác cũng như thờ lúc sống vậy. (2)

V

NGHE TIN VỀ CHIU TANG

Nếu người con ở đâu xa khi nhà có tang không biết, đến khi nghe tin thời cử ai thương khóc, và hỏi thăm người báo tin cho mình rằng ngài vì bệnh có gì mà mất?... Rồi đổi ngay bộ phục sức mà về, về đến nhà thời làm lễ thành phục ngay. Nếu nghe tin mà không về được, thời cách bốn ngày sẽ làm lễ thành phục mà đề tang cứ tính từ ngày biết tin giờ đi. (3)

VI

TÂN KHÁCH ĐIẾU TANG

Nếu ngày chữa thành phục, chủ-nhân chưa có tang phục, mà có khách đến thăm, thì không nên ra tiếp. Nghe có khách vào thì cử ai lên, mà cho người hộ tang ra đáp lễ tiếp khách. Nếu đã thành phục rồi, thì phải chỉnh áo, mũ, gậy mà ra tiếp khách. Như khách có mang đồ lễ phúng mà khách muốn vào lễ phúng thời chủ-nhân phải quỳ trước linh tọa mà mật cáo rằng :

«Nay có mỗ... Vì nghĩa, đến làm lễ phúng. Cần cáo»

Cáo xong đứng ra phía đông đợi khách làm lễ song thì lễ tạ (nghi tiết lễ phúng ở cả tiết thứ 3)

VII

THIÊN-CỬU

Sắp đều ngày táng, trước khi rước đi yết-tỏ, thời làm lễ thiên cửu. Nếu có nhà sảnh thời rước ra đây, nhược bằng không có, thời cũng chuyển di linh-cữu một ít. (nghi tiết ở tiết thứ ba)

VIII

YẾT-TỎ

Trước khi sắp rước cữu đi an-tàng, thời phải rước cữu) hoặc

hồn bạch) đến từ đường để yết tổ. Là tỏ ý sắp đi đâu phải cáo từ với bậc tôn-trưởng vậy.

Trước hãy sai người đến nhà thờ (từ đường) bày đèn hương rầu, rượu. Rồi «chúc»(người chúc) dẫn chủ-nhân vào quỳ trước linh-tọa, chúc quỳ bên hữu chủ-nhân khẩn rằng :

«Xin rước Linh-bạch đi yết từ đường»

Khẩn xong thì chấp sir vào rước linh bạch đi, và đem minh-tinh dẫn đi trước; Từ tang chủ gỡ xuống, nam tả, nữ hữu, đều mặc tang phục đi theo sau .

Khi đến sân từ-đường thì bày tam dừng lại ở phía tây hướng về phía đông.

Một người chúc dẫn người tang chủ vào trước, Tang chủ làm lễ hai lạy. Chúc quỳ bên hữu tang chủ mà khẩn rằng :

«Tự-tôn . . . Vị Phụ-nhân (mẫu thân) . . . quyền trăn, sắp về u-trạch, kính yết từ-đường ; cần cáo ».

Khẩn xong, tang chủ lạy 4 lạy, Rồi ra trước linh-bạch vào để lên một chiếc án đã bày sẵn trông về phía bắc, các con cháu theo vào đứng đằng sau Linh-bạch.(Đàn-bà bỏ mũ mấn chùm đầu ra). Trước làm lễ 4 lễ nữa, là lễ thay cho đứng thân mình; sau lui xuống một ít, lại lễ 4 lễ, là con cháu bái yết tổ-tiên. Song rồi lại rước linh bạch về sở. Tang chủ gỡ xuống lại khóc theo về.

IX

CÁO THẦN ĐẠO LỘ

Trước ngày phát dẫn, là lễ ở ngã ba ngoài đường, chọn một người ra làm lễ thay cũng được.(Nghỉ-tiết ở tiết thứ 3)

X

CÁO THẦN THỔ-ĐỊA

Trước khi khai-huyệt nhờ một người ra chỗ sắp khai-huyệt mà làm lễ thần thổ-địa,

XI LỄ KHIỂN ĐIỆN

Sớm ngày phát dẫn, trước làm lễ khiển điện, nghĩa là lễ tiễn biệt vậy. (nghỉ-tiết ở tiết thứ ba)

XII RƯỚC LÊN DƯ

Làm lễ khiển-diện xong thời rước lên Dư, một người vào làm lễ thăng-dư (nghỉ tiết như lễ thiên-cửu) người chúc cáo từ rằng:

« Nay xin rước Linh-cửu lên Dư và rước Linh-bạch lên »
« xe để tôi u-trạch »

Khẩn xong dịch-phu vào cử cử rước ra.

Đề cửu lên Dư thì đặt đầu cửu về trước, nghĩa là tự ư (tổ) mà ra mình (sáng) vậy. Xong rồi ràng buộc cho chặt chẽ, đề nhà Dư lên, bài trí xong mọi đồ, sẽ rước đi.

XIII THỪ TỰ PHÁT DẪN

1) — Trước nhất là Phương-tướng. (phỏng theo ý trong Chu Lễ, dùng hai người cuồng phu, mặc mũ áo đạo-sĩ, tay cầm đao đeo mặt nạ, vẽ bốn mắt gọi là phương tướng, vẽ hai mắt gọi là Kỳ-dầu. Quan tứ-phẩm trở lên thì được dùng Phương-tướng, 4 mắt; Từ tứ-phẩm trở xuống chỉ được dùng Kỳ-dầu hai mắt.

Khi đến huyệt, thời Phương-tướng hoặc Kỳ-dầu cầm gậy đánh 4 góc huyệt, là có ý khu-trục quỷ mị, cho an hồn phách vong nhân vậy.

2) — Thứ hai đến cờ Đan-triệu. Đan ông viết chữ Trung tín

忠信 Đan bà viết chữ Trinh thuận 貞順

3) — Thứ ba đến các đồ minh-khi tức là đồ mã vậy

4) — Thứ tư đến minh-tinh (Tục ta thường rước hương án hay án-thực đi vào sau minh-tinh).

5) — Thứ năm đến linh-sa, đề rước linh-bạch (hoặc ảnh)

6) — Thứ sáu đến công-bố, làm bằng ba thước vải trắng (vải to dùng công còn thô, nên gọi là sông-bố). Một người cầm công-bố đi trước đại-dư, bề thấy chỗ đường nào chật hẹp hoặc gặp ghềnh không được thẳng, thì dơ lên dơ xuống cái công-bố để ra hiệu cho dư-phu biết, mà đi cho đều.

7) — Thứ bảy đến đại-dư. Kèm hai bên đại-dư có hai cái thiếp để che hai bên dư. Kèn trống thì đi trước, Tang chủ trở xuống khóc đi bộ theo sau.

Thiếp làm có ba hạng.

1) Phũ-thiếp. (黴髻) Vẽ sắc đen lẫn sắc trắng, vẽ hình cái búa.

2) Phấp-thiếp_p. (黻髻) Sắc đen xanh, hình chữ á.

3) Vân-thiếp_p. (雲髻) Sắc lía, vẽ hình mây.

Người sang dùng cả mấy cái, người thường chỉ dùng hai cái Vân-thiếp thôi.

8) — Thứ tám sau Đại-dư đến cái bạch-mạc có người cầm, những người đàn-bà con gái trong ngũ-phục đều vào cả trong màn ấy mà đi theo.

Sau cùng đến các người tôn trưởng, rồi đến các người trong họ mà không phải trở, rồi đến các người tân khách đều đi theo

XIV

TẾ-TRUNG-ĐỒ (giữa đường)

Tế Trung-đồ có hai nghi-tiết. Một là linh-cửu rước đi đường xa, vì mỗi mà nghỉ, gặp buổi thì dâng thượng-thực, thời nghi-tiết cũng chỉ như tế Thượng-thực. Hai là các bậc thân-tân mà có lễ tế diện ở trung đồ, thì nghi-tiết theo như lễ tế phùng ở nhà.

Đã có ở tiết thứ 3).

XV

HẢ QUAN

Lúc hạ quan thì chủ-nhân dơ xuống hãy im khóc mà ngắm hương cho thật ngay ngắn, rồi sửa áo quan, giải mình linh lên trên mặt quan theo cách Vậu-a học mình-châu thì giải một lát rồi đem ra phương Bắc đốt đi. (Theo tục ta thời người tang chủ phải ngồi xuống bên cạnh, đọc ba lượt trong lòng mình linh nhưng chỉ đọc đến chữ « phủ quân » hoặc « nhụ nhân... » rồi đọc tiếp rằng : về mà nhập thần mộ ! rồi mới cuốc đốt đi).

XVI

TẶNG HUYỀN-HUÂN

Khi đã đặt quan xuống ngay ngấn rồi, thì hiệu chủ lấy 6 tấm lụa màu huyền, 4 tấm lụa mùi thiền-hồng, đều giải một rương 8 thước, nếu không có đủ thời mỗi thứ một tấm cũng được). Đặt xuống bên cữu, gọi là lễ tặng huyền-huân. Rồi đứng đằng trước mồ vừa khóc vừa lấy hai lạy.

Bấy giờ dịch phu mới dần dần hạ thổ, sẽ lên, sẽ nện, dừng để động đến quan. Đắp nắm cao độ bốn thước thì thôi.

Những người thân bằng đi tống táng đến bấy giờ mới về, thời đến trước mồ mà vái (lạy) 4 cái (lạy), nếu về ngay từ lúc chưa hạ huyệt thời vái (lạy) 2 vái (lạy). Chủ-nhân đều phải đáp lễ

XVII

TẶNG MINH-KHÍ

Khi lấp mộ đã được một nửa thời bỏ cả minh-khí vào mà đốt. Hay là đào riêng một nơi mà lấp. (Tục ta thời đổi)

XVIII

HẠ CHÍ-THẠCH

Đặt một cái bia bằng đá về phía trước mộ, để làm mộ-chí cho dễ nhớ.

XIX

TẾ THẦN THỒ-ĐỊA

Thồ-địa là ông thần phương đất chỗ táng ấy, cho nên khi táng xong thì phải có lễ tạ. Đặt lễ bên tả mộ, nhờ một người thân thích mặc áo thảm khăn thảm vào làm lễ thay tang chủ. (Nghỉ tiết ở sau).

XX

ĐỀ CHỦ

Lễ đề chủ ở nước ta bây giờ, chỉ có những nhà đại gia, hoặc giàu có mới làm. Cứ theo lễ cổ thời đặt nghỉ tiết ở phía tây mộ, đều song, tế song thời rước về. (nghỉ tiết sau).

XXI

LỄ-THÀNH-PHẦN

Khi đắp mộ đã xong, nếu không làm lễ đề chủ thời làm lễ Thành phần. Nghĩa là đã đắp xong mộ vậy. (nghĩ tiết ở sau).

Làm lễ Thành phần xong thời chúc phụng Thần chủ hoặc Linh bạch lên xe. Khi rước về; tang chủ dẫn trước Linh-xa (di giạt lùi). Còn các con thì theo sau. Về đến trước cửa nhà thì chấp-sự một người quỳ xuống khấn rằng :

Xin rước Thần chủ (Linh bạch vào Linh-tọa)

Rồi rước vào song đầu dãy, sẽ làm lễ phản-khốc (nghĩ tiết ở sau).

Tiết thứ hai, từ điều thứ một đến đây là điều thứ 21. Hợp cả với tiết trên 18 điều, cộng cả là 39 điều. Xuống trong ba tháng, mới là an táng song, kẻ cũng lâu lai quá, phiền toả quá, nhưng lễ tiết phần nhiều bởi phong-tục mà nên, bây giờ mình cho là lâu, cho là phiền, chắc đâu cổ nhân không còn e là chóng, là giản? Vậy ta cũng không nên chê cổ nhân ta chỉ nên xét những điều nào, không hợp với nhân tình xã hội, trái ngược với dư luận đương thời, thời ta chọn lọc mà lấy bỏ, tưởng cũng không phải là vô ích vậy.

Sau đây bỉ nhân lại xin theo như Tiết-thứ nhất mà bàn từng điều, đề cho rõ những điều gì nên bỏ những điều gì nên theo. . .

Điều thứ một — đặt linh sàng, linh tọa đó là tổ sự tử như sự sinh. Kẻ cũng là hay, nhưng đã có linh sàng thời phải có chiếu, tịch diện phải có rước ra rước vào đã có rước thời phải có bát âm nhã nhạc, thể thời đối với hai chữ « hung lễ » thật không đúng. Vậy tưởng chỉ nên đặt Linh tọa mà giảm bớt lễ đặt linh sàng, có phần thích nghi và giản hơn.

Điều thứ hai. — lập minh tinh, minh tinh là một cái biệt hiệu của người chết, cũng nên dùng. Duy có viết mà phải tính theo chữ Quĩ, Khốc, Linh, Thỉnh, tưởng cũng không cần phải thế.

Điều thứ 3. — Lễ Thành-phục, Thành-phục mà có lễ cũng là phải.

Điều thứ 4. — Là chiêu, Tịch diện. Hai lễ này nên hợp cả làm lễ «Thượng-thực» mà giảm bớt sự rước thì có lễ tiện hơn.

Điều thứ 5. — điều thứ 6. — đều đúng hợp với nhân tình, nên theo.

Điều thứ 7. — Là thiên-cửu. Nếu quả là nhà có sảng-sự thời rước ra đó, đề đến lúc cử-hành cho dễ, thời cũng nên theo. Chứ còn như không có nhà sảng sự mà cũng «nhích» đi một ít, thế có khác gì nói lừa vong-linh người trong cửu, nếu người trong cửu mà có biết, tưởng cũng nên phì cười là giả dối vậy.

Điều thứ 8. — là Yết-lộ. Điều này cũng hay, nếu có từ - đường có thì giờ rộng, thời cũng nên làm.

Điều thứ 9, — cáo thần đại-lộ, điều thứ 10, cáo thần thổ địa-vi phong tục ta theo phong-tục Tàu là tục Thượng-quỷ, nên mới sinh ra lắm thần lắm quỷ như thế. Đến như ngày nay thời lễ đó thôi cũng được.

Điều thứ 11. — Làm lễ khiên-diện cũng phải.

Điều thứ 12 13. — ăn dư, và thứ tự phát-dẫn, cũng đều phải. Duy có đi đầu mà dùng phương-tướng, và dùng phương-tướng để khu-trục tà quỷ, thời thật là giả dối vô lý, không nên dùng.

Điều thứ 14. — là lễ trung-dồ, kẻ cũng lợi thời không tiện.

Điều thứ 15. — hạ quan, cần thận như thế cũng phải.

Điều thứ 16. — Tặng huyền-huân, thật là quá phiền vô - lý.

Điều thứ 17. — Tặng, Minh-khi, cứ theo tục ta đốt đi là phải.

Điều thứ 18. — Hạ-chí-thạch, cũng phải.

Điều thứ 19. — Lễ thổ-địa, tưởng cũng bất tất.

Điều thứ 20. — Đề chủ, thiết tưởng đem về nhà mà tự đề lấy, phải hơn.

Điều thứ 21. — lễ thành-phần cũng phải. Nhưng thiết tưởng chỉ nên từ tang-chủ dỡ xuống đều lấy tạ 4 lạng, rồi dỡ về nhà sẽ tế lễ, phải hơn.

Giở lên hai tiết, đều là theo ở trong cổ lễ mà chép, mà bàn còn những điều thuộc về phong tục riêng của ta, sẽ bàn ở sau.

TIẾT THỨ BA

*
* *

Các nghi tiết cúng tế thuộc về Tang lễ.

I

NGHI TIẾT THIẾT LINH TỌA

Khi đã thiết linh-tọa xong rồi, thời một người chấp sự vào xướng rằng :

«Tự-lập : (nghĩa là đứng xếp hàng).

Xướng xong thời các người trong ngũ-phục cứ chiều thứ-tự trọng tang trước, khinh tang sau mà đứng.

Chấp sự xướng :

«Cử ai : (ai nấy đều khóc).

—Chúc, quán tầy. (người Chúc rửa tay).

Chúc là người tống-lễ, vì tang chủ bấy giờ cha mẹ mới mất chưa tang, chưa giám dự các việc, nên đặt người chúc để thay.

— Thuế cân. (lau vào khăn)

— Nghệ linh-tọa-tiền (đến trước linh tọa)

Qui (qui)

— Phấn hương (đốt hương chấp sự)

— Phú phục (lạy xuống)

— Hưng «đứng dậy»

— Bình thân «đứng ngay ngắn lại»

— Châm tửu «rót rượu chấp sự»

— Điện tửu (dâng rượu lên Linh-tọa)

— Ai chỉ (thôi khóc)

— Giai quý từ tang chủ rỏ xuống đều qui)

Đọc cáo-văn Đọc văn hán chấp-sự,bung bản văn vào qui bên hữu chủ-nhân mà đọc)

- Phủ-phục (lạy xuống).
- Hưng (dậy).
- Bình-thân (đứng ngay ngắn lại).
- Cử-ai (lại khóc).
- Cúc-cung-bái (xuất từ tang-chủ đều lạy xuống 2 lạy).
- Bình-thân (đứng ngay ngắn lại).
- Điễm-trà (chấp sự thay).
- Phần-cáo-văn (chấp-sự vào đốt cáo văn).
- Lễ-tất (Lễ song, đều vái bu vái lui ra. Những chữ xướng trên này, sau có dùng đến đều một nghĩa như thế cả, nên không chú a nữa, chỉ chú những chữ xướng khác thôi).

* *

Cứ chép những lúc tang ở trong nhà thời còn theo hung-lễ, không có tế, vì tế là cát lễ vậy. Nay thiết tưởng lễ thiết Linh-lọ cũng tựa theo vào nghi-tiết trên mà làm theo thế này :

«Trước hết : Tang chủ và xuất người trong ngũ-phục, đều vào «đứng sắp hàng trước Linh-lọ, nam đông nữ tây, trọng trước, «khinh sau. Rồi một mình tang-chủ đến quỳ gần Linh-lọ, «quỳ xuống. Một người chấp-sự vào thắp ba nén hương, «hoặc có lư-hương thời đốt trầm, Đốt hương xong, chấp sự «lui ra. Tang chủ lạy xuống một lạy, rồi đứng dậy. Một người «chấp sự vào rót rượu dâng lên Linh-lọ. Dâng rượu xong, «thời từ Tang-chủ trở xuống đều quỳ. Một người chấp-sự bưng «bản cáo văn vào quỳ bên hữu tang-chủ mà đọc, không có văn «thời (khẩn). Đọc xong, chấp-sự lui ra. Từ tang chủ trở xuống «đều lạy hai lạy, Thế là lễ xong».

II

NGHI-TIỆT TẾ THÀNH-PHỤC

Chấp-sự xướng :

Cử-ai

—Quán-tây (chấp sự)

- Thuế cân.
- Nghê hương-ân liên.
- Phần hương. (*chấp sự đứng đốt hương*).
- Châm tửu. (*chấp sự*)
- Qui
- Điện-tửu
- Giai quy.
- Ai chỉ.
- Độc chúc.
- Phủ phục.
- Hưng
- Bình thân... Phục vị. (*tang chủ lui xuống chỗ đứng trước*)
- Diêm-trà. (*chấp sự*)
- Cử ai.
- Cúc cung bái (2 lạy)
- Hưng
- Bình thân... Phần chúc.
- Lễ tất.

*
* *

Nghi tiết trên này là theo ở Thọ-mai, chính Văn-công-gia-lễ thời lúc thành phục không có tế. Duy có dạy rằng : Các người trong ngũ-phục mặc song tang phục, rồi nam đông, nữ tây, đứng xa hai bên cửa mà khóc... » Tuy đó là theo hưng lễ nên không tế, nhưng thiết tưởng cứ trông nhau mà khóc như thế, thật cũng không có ý vị gì. Vậy nghĩ nên làm như sau này :

« Sau khi đã mặc tang phục song, một người tang chủ vào « quì trước linh-lọ, rồi một người chấp sự vào thắp hương, «thắp hương xong thì rót rượu; rót rượu xong lui ra. Lại 1 «người chấp sự khác bưng bản - chúc vào quì bên hữu chủ- «nhân mà đọc. Nếu không có chúc thì khấn rằng ; « *Nay đã «thành p phục cần cáo*», Khấn (hoặc đọc) xong, chấp sự lui ra. «Tang chủ lạy hai lạy, vái hai vái, lui ra.

Rồi đến các người trong ngũ-phục đều vào lạy hai lạy .Thế « là lễ tất.» :- Từ nghi tất này trở xuống, cứ để vậy y-nguyên, cổ-văn là vì đã có đổi lại cách tế-tự ở phần thứ hai vậy.

III

NGHI - TIẾT CHIÊU TỊCH ĐIỆN VÀ THƯỢNG THỰC

...

Trước hết chấp sự xướng :

« Tụ-vị. (*Tang chủ và xuất ngũ phục*

—Cử ai

—Chúc, quán tây .

—Thuế cân

—Phần hương.

—Ai chỉ

Giai-quy.

—Độc cáo văn

—Phủ phục.

—Hưng.

—Blah blah.

—Điểm trà.

—Bái.

—Hưng hai lạy)

—Phân cáo văn

—Lễ tất

—Cháo cân (nghĩa là lễ xong thì hạ cất lễ phẩm lễ lấy
khăn đậy lễ phẩm lại)

IV

NGHI-TIẾT LỄ PHÚNG

Nếu có khách đến làm lễ phúng thời trước hết tang chủ mặc
mũ, áo và gậy đến Linh-lọai quì mà khấn rằng)

« Nay có mõ . . . vì tình nghĩa vào làm lễ phúng. cần cáo ».

Khấn xong, ra đứng phía đông, đợi khách tế xong, thời làm
lễ tạ khách.

Nghi tiết

Chấp sự xướng :

— Tự lập. (Khách đổi mặc áo giải trắng mà đứng thành hàng
Nếu có một mình thì xướng Tự vị)

— Cử ai.

— Ai chỉ.

— Cúc cung bái (Hai lạy. Nếu là người tôn trưởng thì hai vái).

-- Hưng.

-- Bình thân.

-- Nghê-linh-tọa-tiền. (Các khách đều đứng, chỉ một người tôn trưởng lên thôi)

-- Phần hương.

— Quì. (Tôn-trưởng thời không quì)

-- Loại tửu. (Chấp sự đưa chén rượu cho khách. Khách đón lấy rượu đổ lên sa-mao một ít) (1)

Điện tửu. (Chấp sự lại nhận lấy chén rượu, dâng lên linh-tọa)

-- Giai quì

-- Tuyên trạng. (Nghĩa là kẻ bài trạng, đọc văn tế thì xướng: «đọc chúc văn». Khách quì thì người đọc cũng quì, khách đứng thì người đọc cũng đứng).

-- Phủ-phục.

-- Hưng.

-- Bình thân

-- Phục vị.

— Cúc cung bái. (hai lạy),

-- Hưng.

— Bình thân.

— Nạp trang (hoặc nạp chúc văn)

-- Lễ lất.

1. — Xa mao làm bằng cỏ ranh dài chừng 8 tấc, khoát độ, một chét tay. Rót rượu xuống xa-mao là để cầu thần ở dưới âm-lập. Âm chấn số 8, nên phải làm tám tấc

V

NGHI-TIỆT THIÊN CỬU

Chấp sự xướng :

« Tự lập.

— Cử-ai.

— Ai-chỉ

— Giai-quy.

— Chúc cáo từ

Người chúc và quỳ bên hữu chủ-nhân cáo rằng :

« Nay chọn ngày lành, kính xin thiên cửu. Cầu cáo »

— Phủ-phục.

— Hưng

— Bình-thân

— Lễ-tất

VI

NGHI-TIỆT CÁO THẦN ĐẠO-LỘ

Chấp sự xướng :

« Tự-vị

— Cúc cung bái (bốn lạy)

— Hưng.

— Bình-thân

— Quy

— Thượng-hương

— Trước tửu.

— Đọc chúc (bên hữu chủ nhân.)

— Phủ phục,

— Hưng

— Bái(bốn lạy)

— Bình thân .

— Phần chúc.

— Lễ-tất

VII NGHI-TIỆT KHIÊN-ĐIỆN

Chấp sự xướng :

« Tựu-vị

— Cử ai

— Ai -chỉ

— Chúc; quán tẩy.

—Nghệ linh tọa tiền.

— Quy

—Phân-hương

—Châm tửu

—Chúc cáo từ

Chúc quý xướng cáo từ rằng :

*Xe tiến sắp ruồi, một biệt nghìn năm. Đại lễ tuần theo, kính dâng
khiên điện*

— Phủ -phục ,

— Hưng

— Bình -thân .

— Cử -ai.

— Cúc cung bái (4 lạy)

— Hưng

— Bình thân

— Lễ -tất

VIII NGHI TIẾT THỜ-ĐỊA

Chấp sự xướng :

« Tựu-vị

—Cúc cung (bái 2 lạy)

—Hưng

— Bình thân

—Quán-tẩy

—Thuế-cân

- Nghệ hương-án tiền.
- Quy.
- Thượng hương.
- Châm-tửu (một người Chấp sự cầm be rượu, một người bưng chén, lại quỳ hai bên tế-chủ, tế chủ rót rượu vào chén.
- Loại-tử (tế-chủ bưng chén rượu đổ cả xuống đất)
- P i y : - b h i n (tế chủ lại rót).
- Hiến-tửu (Chấp sự tiến rượu)
- Phủ-phục.
- Hưng.
- Bình-thân, Thiệu khước c. (lùi xuống một bước)
- Quy
- Độc chúc.
- Phủ-phục.
- Hưng.
- Bình-thân phục-vị
- Cúc cung-bái. (hai lạy)
- Hưng, bình-thân.
- Phản-chúc.
- Lễ tất.

IX NGHI-TIỆT ĐỀ CHỦ

Trước hết đặt Linh-tọa ở phía tây mộ, trước linh-tọa đặt một cái hương-án trước hương án lại đặt một cái dăng đề rồi đặt mộc-chủ, Bên tả cái dăng thì đặt nghiêu, bút, mực, phía đông cái dăng là chỗ quan đề chủ đứng. Phía ngoài bên tả lại đặt cái dăng nữa để đặt hồ rượu, lư-hương và chậu quán tẩy. Bên hữu lại đặt một cái dăng nữa đối nhau, đặt chúc-bản, và hộp hương, hân trà... Xong rồi, chấp-sự dẫn tang chủ đến trước cái dăng, đứng ở đấy.

Chấp-sự xướng:

« Quán-tây. (Đề-chủ-quan với chúc đều quán-tây)

—Thuế-cân.

— Xuất chủ. (Chúc-phủng mợc-chủ đề lên đấng).

— Đề-chủ. (Quan Đề-chủ vào đề, trước đề Hãm trung, sau đề Phần-diện)

— Phủng chủ chỉ Linh-tọa. (Chúc phủng-chủ đề lên Linh-tọa) .

— Thu Hồn-Bạch. (Chúc thu hồn-bạch đề sau Thần-chủ).

— Nghệ Linh-tọa tiền.

— Phần-hương (chấp sự)

— Quy.

— Châm-tửu. (chấp sự)

— Hiến-tửu. (chấp sự)

— Hiến xoạn. (chấp-sự dâng cơm)

Dĩ hạ dai quy. (dở xuống đều qùy)

— Học chúc (đọc song đề lại chúc và chờ đến sau khi làm lễ Phần khốc sẽ đổi)

— Phủ phục.

— Hưng.

Bình-thần.

— Phục-vị.

→ Diêm-trà.

— Cử-ai.

Cúc-cung-bái, (4 lạy)

— Hưng.

— Bình-thần.

— Ai chỉ.

— Tạ Đề-chủ-quan (2 lạy quan Đề-chủ với đáp lại.

CÁCH ĐỀ CHỦ

Cách đề-chủ cũng tính theo 4 chữ: «Quý Khố, Linh, Thính»
Nếu đề dài chữ quá thì phải đề sẵn trước, chỉ đề lại một nét
chấm chữ chủ, đến khi đề chủ thì chấm thêm vào.

Trước đề «băm trung» là trong chỗ lõm, cha thì đề:

Hoàng-triều cổ (chức tước, tên chữ, tên hiệu) **hành cơ thần chủ.**

Me thì đề.

Cổ (chức ... họ ... tên ... hiệu) **hành cơ thần chủ**

Bên ngoài rìa băm trung, bên tả viết mấy chữ:

**Để ... giờ ... ngày... tháng...năm ...hưởng ... thọ...
tuổi.**

Bên hữu viết là:

Mất giờ ... ngày ... tháng ... năm...

Ngoài «phần-diện» tức là miếng gỗ ngoài mặt, sơn phần
Cha thì đề:

Hiền-khảo (chức, tước, hiệu... **phủ quân thần chủ...**

Mẹ thì đề:

Hiền-tỷ (chức, họ, tên hiệu....) **nhụ nhân thần chủ.**

Phía dưới bên tả phần diện thì đề mấy chữ:

Hiếu tử (1) phụng tự (2)

X

NGHI-TIỆT TẾ THÀNH-PHẦN.

Chấp-sự xướng:

«Tự lập,

— Cử ai.

— Quán-lầy (chấp sự)

1.— Chữ «hiếu» này thiết tưởng đồ là chữ «tự» thì có lẽ phải, vì đạo hiếu rất
nhớu, con sao dám tự nhận

2.— Phép đề-chủ này đã nói rõ ở phần thứ hai nên đây không có bâu

- Cúc cung bài (hai lạy)
- Hưng.
- Bình thân.
- Châm tửu (chấp sự)
- Quy
- Hiến tửu.
- Giai quy.
- Độc chúc
- Phủ phục.
- Hưng.
- Bái (4 lạy)
- Hưng, Bình thân.
- Đề u trà.
- Phần chúc.
- Lễ tất.

XI

NGHI-TIỆT PHẢN KHỐC

*
* *

Chấp-sự xướng:

- « Tự-lập,
- Cử-ai.
- Ai-chỉ.
- Phần hương(chấp sự)
- Cúc cung bài (hai lạy)
- Hưng.
- Bình thân.
- Châm tửu chấp sự)
- Quy.
- Hiến tửu,

- Giai quý.
 — Độc chúc.
 — Phủ phục
 — Hưng.
 — Bái (4 lạy)
 — Hưng, Bình-thần... Phần chúc.
 — Lễ tất.

XII

NGHI-TIỆT TẾ NGU

**

Làm lễ *Phản-khốc* xong thời làm lễ «*Sơ ngu*» làm lễ «*Sơ ngu*» xong, gặp ngày «*nhu-nhật*» thời làm lễ «*Tái ngu*», gặp ngày «*nương-nhật*» thời làm lễ «*Tam-ngu*». (1) Ba lễ cùng theo một nghi-tiết.

Sao lại gọi là Tế-ngu ? — Ngu nghĩa là an, vì khi người thác đi, thể phách đã táng dưới đất, còn thần-hồn bàng - khuâng chưa định về đâu. Con hiếu vì lễ ấy, nên làm 3 tuần tế Ngu để cho an thần.

Trong việc tang, duy có Ngu-tế là phiên văn nhất, nghĩa là đến đây mới là đủ lễ vậy,

Trước hết phải đặt một người «*Thông-tán*» một người «*Dẫn án*» để giúp lễ.

Nghi-tiết như sau :

Thông tán xưng :

«*Tự lập*.

1) *Nhu-nhật* là ngày: ất, đ nh, ty, tân quý. *Nhu* nghĩa là yên tĩnh, ý muốn cho thần (nh hồn) yên tĩnh thường ở vậy.

Cương-nhật là ngày: thân, bình, tuất, canh, nhâm. *Cương* nghĩa là động, ý muốn cho thần đã tĩnh thời lại động như sống vậy.

-- Xuất chủ (chúc vào mở khám đệ chủ ra).

-- Cử ai.

-- Ai chỉ.

Dẫn-tán-xương :

«Nghệ quán lầy-sở. . . Quán - lầy... Thuế cần...

Phân hương (dừng đốt hương, dơ lên chân,, mặt khẩn rằng :

« Xin phụ thân (mẫu thân) tự trên dương, giáng cư thần vị»

-- Cúc cung bái.(hai lạy)

-- Hưng.

-- Bình thân... Giáng thần. Một viên chấp sự bưng hồ rượu một viên bưng đài chén, đều tiến đến bên chủ-nhân.)

-- Quì, (chủ-nhân cùng chấp sự đều quì. Chủ-nhân rót rượu vào chén).

-- Loại tửu (chủ-nhân bưng chén rượu đề ngang chân mặt cáo rằng : « xin phụ (mẫu) thân tự dưới âm lên cư hầu-vị ». Cáo xong, đồ cả chén rượu lên xa-mao.

— Phủ phục.

-- Hưng.

— Bình thân sẽ (lui một tí)

— Cúc cung bái (hai lạy).

— Hưng.

— Bình thân... phục vị.

Thông tán xương :

«Tham thần, cúc cung bái (2 lạy).-- Có thần chủ thì trước tham thần sau giáng thần, không thì trước Giáng sau Tham).

— Hưng.

— Bình thân.

— Tiến soạn

— Sơ biến-lễ.

Dẫn-tán-xương tiếp :

« Nghệ chú-trác tiền, (dẫn chủ-nhân đến chỗ để rượu).

— Châm-lửu (chủ-nhân rót rượu).

— Nghệ-linh tọa-tiền, (chấp-sự bưng rượu đi theo).

— Quy, (chấp-sự cũng quì, rồi đưa rượu cho chủ-nhân).

— Tế-lửu (chủ-nhân sả nghiêng chắt xuống xa mao một ít) (1)

— Điện lửu.

Phủ phục.

— Hưng.

— Bình-thân.

— Quy.

Thông-tán.

« Giai quy.

Dẫn-tán.

Độc chúc. (*Độc ở bên hữu chủ-nhân. Từ tốt-khỏe về sau mới đọc ở bên tả*).

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bình-thân.

Thông-tán :

— « Cử ai.

— Ai chỉ.

Dẫn tán ;

« Cúc-cung bái. (*một mình chủ-nhân lấy hai lấy*).

— Hưng.

— Bình thân.

— Phục vị.

Thông-tán :

— « Á-hiến-lễ.

(1) Cỗ-giả trước khi ăn uống, có tế người đặt ra ẩm thực; Quí thần không tế được, nên phải tế thay.

Dẫn-tán :

«Nghệ trú-trác tiền.

— Châm-tửu.

— Nghệ Linh-tọa tiền... quy.

— Tế-tửu (nghe xuống xa-mao như trước).

— Điện-tửu.

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bái (2 lay)

— Hưng.

— Bình-thân... Phục vị.

Thông tán.

Chung-hiến-lễ

Dẫn-lân:

« Nghệ Trú-trác tiền. (Lại cứ theo như Á-hiến lễ mà xuống...

Phục vị.

Thông tán:

Hạu-thực (Chắp sự bưng hồ rượu rót thêm vào ba chén).

— Chủ-nhân dĩ-hạ giải xuất. Trai ngảnh mặt về đông, gái ngảnh mặt về tây (đứng im)

Hạp-môn. (nghĩa là đạo quỷ-thần chuộng u-âm, mở cửa thì lộ quá, nên đóng cửa lại để mong quỷ thần hâm-hưởng. Vậy lúc bấy giờ chỗ ban thờ phải có màn, để buông xuống, che lại).

Chúc hi-âm (chúc là người biết lễ, không phải là người đọc chúc. Người chúc đứng trước cửa ngảnh vào hướng Bắc — vào trong — cất tiếng đặng - hắng 3 cái, tỏ ý báo động quỷ thần để mở cửa vậy)

Khai-môn (Lại mở cửa ra.

— Chủ-nhân dĩ-hạ phục cụ-vị. (Lại đều ngảnh vào như trước

— Diêm trà.

Cáo Lợi-thành. (Chúc-nhân đi vòng từ trong nhà đi ra, đứng bên hữu hướng vào chủ-nhân, nói lên hai tiếng Lợi-thành giả làm nhời thần đáp tạ chủ nhân, ý là nói đã hưởng lễ xong rồi. Chủ-nhân không giám tự đương, phải thoái nhượng mà lui xuống một ít).

- Từ thần ... Cử ai... Cúc cung bái. (đều lấy hai lạy)
 -- Hượ.
 -- Bình thân .
 -- Ai chỉ
 -- Phần chúc.
 -- Nạp chủ. (Chấp sự phủng thần chủ đề vào khám).
 -- Triệt-soạn.
 -- Lễ tất.

Làm lễ sơn-ngu rồi thì thôi lễ Chiêu, Tịch diện Tể song thì đem chôn hồn bạch ra một chỗ đất sạch sẽ.

XIII

NGHI-TIỆT CHUNG-THẤT

Lễ không có lễ này, duy theo về lễ nhà Phật, thời cứ 7 ngày lại làm một tuần chay. Bảy 7 bốn mươi chín ngày thời vừa thôi không làm chay nữa, nên gọi là chung thất. Vậy nếu theo lễ này thời đón sư, đón thầy cúng mà làm mới hợp nghi. Còn như ta cũng cứ theo đó mà bày ra nghi tiết cúng 50 ngày, tưởng cũng phiền mà không hợp lễ vậy. (sẽ có bàn ở bài Tổng-luận)

VIX

NGHI-TIỆT TỐT-KHỐC

Sau khi tể Tam-ngu rồi, gặp ngày Cương (giáp, bình, mậu, canh nhâm) thời làm lễ Tốt-khốc. Nghĩa là từ hôm ấy thời thời không khóc hất thời như trước nữa. Tục ta thường tính từ khi táng giở đi, đủ ba tháng mười ngày, nghĩa là trăm ngày thời làm lễ. Nên cũng gọi là lễ Bách-nhật.

Tốt-khốc là lễ đã thành sự rồi, nên khi làm lễ đã tiệm theo về Cát-lễ, nghi tiết cũng theo như tể Ngu, chỉ có khác là «độc» chầu ở bên tả chủ nhận thôi.

1) Trong các tuần tế duy có tế Ngu là rất lớn, và đủ lễ, nhưng cũng có chỗ quá phiền, nên tính, sẽ có bàn ở sau.

XV

NGHI-TIỆT- TẾ PHỤ

Phụ, là phụ theo với đứng tiên-lễ : nghĩa là tế trình Tiên-lễ rồi đem tân-chủ của cha (mẹ) mình vào từ-đường, Cha thì phụ theo với lễ (ông), mẹ thì phụ theo với Tỉ (bà).

Tế phụ thường làm vào ngày hôm sau tế TỐI-khốc.

Tế phụ cha thì rước TỒ-khảo, TỒ-Tỉ hai bài vị ra, để giữa án hướng về nam. Rồi đặt tân-chủ của cha ở về phía đông-nam hướng về tây. Nếu tế phụ mẹ thì chỉ đề một bài vị của TỒ-Tỉ ra mà thôi.

Sách Lễ-ký nói : Nam-tử phụ thì có phối (TỒ-tỉ). Nữ tử phụ thì không có phối (Không đem chủ TỒ-khảo). Nghĩa là tế bậc tôn có thể phối thêm tỉ ; tế bậc tỉ không thể viên bậc tôn xuống phối. Vì thế tế Phụ mẹ chỉ rước một vị TỒ-Tỉ ra mà thôi.

Sáng sớm, chủ-nhân và anh em con cháu, nam tả nữ hữu, đến từ-đường bày lễ-phẩm ; rồi mở khám rước bài vị TỒ-khảo, TỒ-tỉ ra, để trên tọa-vị hướng nam (Nếu phụ cho mẹ, chỉ rước TỒ-Tỉ) Rồi phụng tân-chủ của cha (mẹ) đề lên tọa-vị, song rồi, làm lễ tế. Nếu tang-chủ không phải là người tôn-tử—con cả về chi trưởng—thì tôn-tử vào làm chủ-tế. giáng thần, làm lễ Sơ-biến. Mà tang-chủ thì làm lễ Á-hiến. Nếu là con khác ở riêng nhà, thì tôn-tử thay hộ tang-chủ vào làm lễ cáo tổ, và viết bài vị vong-giả, tế xong rồi hóa đi).

Nghi-Tiết :

Thông-lân :

Tự-lập. giai đồng, gái lấy, trọng-tang ở trước, khinh-tang ở sau. Người tang-chủ nếu không phải tôn-tử, thời Tôn-tử vào làm chủ tế ? tang-chủ đứng về phía hữu Tôn-tử. Tôn-tử nếu là vai trên người vong thì không phải lấy).

— Tham-thần cúc-cung bái, (2 lạy)

— Hưng, Bình-thần.

— Giáng-thần.

Dẫn-tán ;

« Quán-lầy,

— Nghệ hương-hán liền.

— Quy

— Thượng-hương

— Thượng tửu

— Phủ-phục.

— Hưng

— Bái (2 lạy)

— Hưng

— Bình thân.

Tiến soạn (người chúc tiến cơm lên)

Thông-lân :

« Sơ-hiến-lễ.

Dẫn tán :

« Nghệ Hiến-tăng-lễ-khảo (tỉ) tiến. (Tức là lễ, tỉ của vong giả)

— Quy., Tế-tửu.

— Điện-tửu.

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bái (hai lạy)

— Hưng.

— Bình thân, - Quy.

— Thông lân :

« Chủ-nhân dĩ hạ giai-quy

— Độc chúc (văn cáo tăng-lễ, đọc ở bên hữu chủ nhân)

— Phủ phục.

— Hưng.

Dẫn tán :

« Cúc cung-bái (một chủ nhân lạy hai lạy)

— Hưng, Bình-thân.

— Nghệ tiên khảo (Tỉ) thần vị tiến (Đây chính là vị vong nhân)

— Quy

— Tế-tửu.

— Điện-tửu.

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bái (2 lấy)

— Hưng.

— Bình-thân.

— Quy.

Thông-tán.

« Chủ-nhân dĩ hạ giai-quy.

— Độc chúc, (*chúc cáo vong-nhân*)

→ Phủ-phục.

— Hưng.

Dẫn-tán :

« Cúc cung bái, (*một chủ-nhân, 2 lấy*)

—Hưng.

— Bình-thân

— Phục-vị. (*Lại về đứng chỗ trước vị Tổ*)

Thông-tán.

« Á-hiến-lễ.

Dẫn-tán :

« Nghệ Tăng-lỗ-khảo (*tỉ*) thần vị tiền.

— Quy Lễ-tửu Điện-tửu.

— Phủ-phục .

—Hưng.

— Bái (2 lấy)

— Hưng.

— Bình-thân : Nghệ-tiên-khảo (*tỉ*) thần vị tiền.

— Quy Tế-tửu Điện-tửu.

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bái (2 lấy).

— Hưng.

— Bình thân : Phục-vị

Thông-tán.

« Chung hiến lễ.

Dẫn-tán:

(*Lại theo như Á-hiến-lễ...*)

--Phục vị.

Thông-lân :

- « Hựu thực
- Chủ-nhân dĩ hạ giai-xuất
- Hạp-môn.
- Chúc bi hãm

--Phục vị

- Điểm trà *chủ-phụ tiến trà*)
- Cáo lợi thành *nư tế Ngu*
- Tư thần cú cung hải (*4 lấy*)
- Hung.
- Bình thân phần chúc.
- Nạp chủ, *Tổ chủ trước lân chủ sau* .
- Phụng tân chủ hoàn linh tọa. *chủ nh ân giở xuống khóc theo, Đặt chủ cho yên*)
- Ai chỉ
- Lễ tất.

NGHI TIẾT ĐẠI TƯỜNG, TIÊU TƯỜNG

*
* *

Sau khi cha (mẹ) mất được một năm thời làm lễ Tiêu-tường (tức là giỗ đầu) sau khi Tiêu-tường một năm thời làm lễ Đại-tường, (tức là giỗ hết) Tường nghĩa là sự lành. Vì tang là hung-sự, đến đây đã dần dần biến cát, vậy làm lễ để thay bớt tang phục đi.

Tiêu-tường thì thay áo luyện-phục, nghĩa là áo vải trắng mà sợi đã luyện chín.

Đại-tường thì thay áo đạm-phục, cũng là vải trắng nhàn nhạt, nghĩa là đã nhạt bớt lòng đau thương vậy. (Đại-khai tục là thì sau khi làm lễ Tiêu-tường, con gái bỏ bớt miếng vải thích-lĩnh ở cổ. và miếng vải phụ bả ở lưng đi. Con gái thì vén trường quần không để mặc dài như khi trước nữa. Đến đại tường thì giai gái đều bỏ thời-phục và gậy áo mũ đều đổi sắc trắng....

Nghi tiết tế thời theo như lễ cát-ky.

XVII

NGHI-TIẾP ĐẠM-TẮT

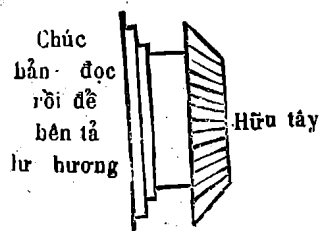
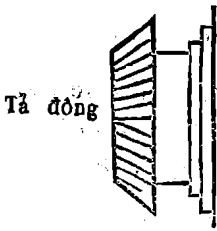
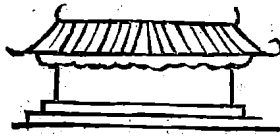
Đạm, nghĩa là nhạt bớt người dẫn, đến đó thì làm lễ trừ phục, thay đồ áo trở đi.

Lễ này thường làm về sau khi Đại-tường cách một tháng, kể từ lúc để chở đến bây giờ đã là 27 tháng, không kể tháng nhuận.

Khi đã làm lễ Đạm-lất rồi thì chủ-nhân mới lại được uống rượu ăn thịt, cách cư-sử lại như xưa, Nghi-tiết Đạm-lất cũng như Cát-ky. (ở thiên thứ tư)

PHỤ LỤC NGU-TẾ ĐỒ

BẮC



Nội an



Con trư ợ ng

Dầu trẩu

Các con dâu

Các con gái

Các dân

Cháu gái

Các con

Các đề

Các cháu

Các chất

Các chú

NAM

TIẾT THỜ TỰ

Nói về cách để trở

..

THỜ TỰ

Cửu-tộc ngũ-phục

..

Họ hàng nội, ngoại, có 5 hạng tang-phục.

1. Trảm-thôi, Ti-thôi, trở 3 năm (1, áo Ti-thôi còn dùng để trở 3 tháng. 5 tháng, và 1 năm có gậy, một năm không gậy, sẽ tương ở sau).

2. Cơ-phục, trở 1 năm.

3. Đại-công» 9 tháng.

4. Tiễn-công» 5 tháng.

5. Ti-ma 3 tháng

..

Nói về cách chề-phục

1.— TRẨM THÔI.— Sao lại gọi là trảm-thôi ? — Thôi nghĩa là suy đồi tiền tụy; trảm nghĩa là chặt; may áo không cắt mà chỉ «chặt», tỏ ra ý đau đớn vậy. May áo dùng một thứ sớ..

rất thô rất sấu, có may thêm một miếng vải ở sau lưng, gọi là Phụ-bản. Phụ, nghĩa là gánh việc thương sót vậy. Hai vai có hai miếng vải gọi là thích. Thích, nghĩa là chuyên chủ lo về việc tang vậy.

Tang Trảm-thôi là đại-tang để trở cha mẹ. Nên lại phải có trượng (gậy). — Trở cha thì gậy bằng «tre», tre sắc sẫm đen, là tỏ ra sắc rất thảm đau vậy. Cha là «Giời» của con, tre thời «tròn», cho nên lấy tre để tượng với trời; tre xuất bốn mùa không đổi tiết, để tỏ cho lòng con dù thay ấm, lạnh mà vẫn không đổi nỗi bi ai vậy.

— Trở mẹ dùng Đồng - trượng. — Tức là vòng. — Chữ «đồng» âm giống với chữ đồng (nghĩa là cùng) lấy nghĩa là mẹ trong lòng vẫn cùng hợp với cha; mà bề ngoài gậy không có tiết (mấu), là tỏ ý không hai bề tôn, mẹ phải chịu kém cha vậy. Gậy dẻo trên tròn dưới vuông, là lấy nghĩa mẹ tượng với «đất vậy.» (đất vuông).

— Bởi sao mà phải dùng gậy? — Vì người con hiếu đau thương quá, khóc lóc nhiều, sinh ra ốm yếu, không thể đi đứng được, nên phải dùng gậy để đỡ. Phép chặt gậy, tùy người cao thấp, cứ đo vừa đến bụng thì thôi, là tỏ ý sợ dĩ bị ốm yếu phải dùng đến gậy, là bởi sự đau thương ở trong lòng mà ra vậy.

— Trở lại phải có mũ nữa, sẽ có đồ ở sau.

— Đàn bà trở đại-tang, cách chế-phục cũng phải dùng sớ rất thô, rất sấu, tương tựa như đàn-ông (sẽ có đồ ở sau), duy không có gậy thôi...

1.-- *Ti Thôi*. Ti là bằng. Nghĩa là gấu áo hơi viền qua lại. Sự ai thương đã kém trảm-thôi.

2-- *Cơ-phục* Cơ-phục cũng mặc như Ti thôi.

3.-- *Đại-công*. — Đại-công thì dùng vải sợi còn sống (làm chưa chịu, chưa kỹ): nghĩa chữ đại công là làm vải đã hơi da công mà còn thô lớn

4.-- *Tiểu công* -- Tiểu-công thì dùng vải nhỏ sợi đã chín. Nghĩa chữ Tiểu-công là ý nói công làm vải đã kỹ càng hơn trước.

5. *Ti Ma*. -- Ti-ma thì dùng thứ vải thật nhỏ, sợi tinh tế như tơ vậy.

NÓI VỀ NHỮNG BỰC PHẢI ĐỀ TRỞ

1.—Đề trở về hàng Cao-tổ, Tăng-Tổ, và Tổ

1— ... Phục Cao-Tổ phụ mẫu :

Trở ông bà sinh ra ông cụ (Tăng - Tổ) thời Ti thời ba tháng.

2— ... Phục Tăng tổ phụ mẫu, là trở ông bà sinh ra ông (Tổ) thời Ti thời năm tháng.

Nếu cha và ông đã mất rồi mà mình là cháu trưởng thừa trọng thì phải trở Tăng-tổ trăm thời ba năm, đề trở bà Tăng - tổ thì Ti- thời ba năm.

3-- ... Phục tăng tổ bá thúc phụ- mẫu. Chở ông bà cụ họ anh em ruột với ông bà cụ ấy, đều Ti -ma 3 tháng.

4-- ... Phục tăng tổ cô. Trở bà cụ họ, chị em ruột với ông cụ (tăng tổ) thì ti ma 3 tháng. Tổ cô mà đã xuất giá thì thôi.

5-- Phục tổ phụ mẫu. Chở ông bà sinh ra cha thì ti thời một năm, không có gậy. Nếu cha đã mất trước thời một đích tôn thừa trọng ấy phải đề trăm thời ba năm, có gậy.

(Các cháu đề trở thứ-tổ mẫu là vợ lẽ ông thì tiêu công 5 tháng

6— Phục tổ bá thúc phụ mẫu cập tổ cô. Trở ông bác, bà bác, ông chú, bà chú, và bà cô là anh em ruột với ông (tổ) thì đều tiêu-công 5 tháng. Nếu bà cô đã xuất giá thời giáng phục ba tháng.

7—,.. Phục tụng tổ bá thúc phụ mẫu cập tụng tổ cô. Trở ông và bà họ anh em con chú con bác với ông Tổ, đều ti ma 3 tháng. Nếu tụng-tổ-cô đã xuất giá thời thôi.

2. Đề chở về hàng cha mẹ

1 - Phục phụ, mẫu. Chở cha thời Trăm-thời ba năm, dùng gậy tre. Trở mẹ thời Ti - thời ba năm dùng gậy vông. (1) Nếu cha đã mất trước rồi mới có tang mẹ thì cũng dùng trăm thời, nhưng vẫn gậy vông.

1 Đây là theo Văn-công gia-lễ, còn phục chế ngày nay trở mẹ cũng dùng trăm thời

— 2 Phục bá thúc phụ mẫu cấp có mẫu. Trở bác giai bác gái, với chú, thím và cô, là anh em chị em ruột với cha, đều cơ-niên (1 năm) Có có xuất-giá thì giáng-phục Đại-công 9 tháng.

3 — Phục tưng bá thúc phụ mẫu cấp tưng-cô. (hoặc gọi là đường há thúc phụ mẫu, và đường-cô.) Trở bác giai bác gái với chú thím và cô họ là anh em con chú con bác với cha, đều Tiều-công 5 tháng. Có đã xuất-giá thì li-ma 3 tháng.

— 4 Phục tái-tưng bá thúc phụ mẫu cấp tái tưng cô (hoặc gọi là Tộc-bá-thúc và tộc-cô) Trở bác giai bác gái và chú thím họ là anh em chị em cháu chú cháu bác với cha, đều : Ti-ma 3 tháng, có xuất-giá thời thời,

. . .

PHỤ : Đẻ trở về hàng tam-phụ bát-mẫu.

— 1 Phục đồng cư kế-phụ. Trở cha ghê (người chồng sau của mẹ). Nếu có ở cùng thì trở 1 năm. — Hoặc trước ở cùng mà sau không ở nữa, thì : Ti-thời 3 tháng. — Nếu trước sau đều không cùng ở thời « vô-phục ».

— 2 Phục tưng kế-mẫu giá-phụ. Trở người kế-mẫu, (1) đã đi lấy chồng, mình có theo ở cùng người cha ấy, thời trở 1 năm. Nếu không cùng ở thời vô-phục.

— 3 Phục Đích-mẫu, Kế-mẫu, Dưỡng-mẫu, Trở mẹ Đích (1) mẹ Kế (2) mẹ Nuôi. thời Ti-thời hoặc Trảm-thời 3 năm. Nếu Kế-mẫu bị giã bỏ thời vô-phục.

— 4 Phục Từ-mẫu. Từ mẫu là mẹ sinh ra mình đã mất mình còn bé, cha khiến thế thiếp khác nuôi lấy làm con, nên gọi là Từ-mẫu. Trở Ti thời — Trảm-thời 3 năm. Nếu cha không bảo nuôi mà có cùng ở thời trở Tiều-công 5 tháng.

— 5 Phục Giá-mẫu, xuất-mẫu.

— Mẹ sinh mình, mà khi sau cha mình mất, lại đi lấy chồng gọi là giá-mẫu, trở 1 năm.

1) Đích-mẫu là mẹ đẻ ra mình ; hoặc mình là con vợ thứ, đích-mẫu tức là vợ của cha.

2) Kế-mẫu là mẹ mình mất đi rồi, cha lấy người ấy về để nuôi nấng mình gọi là kế-mẫu.

— Người mẹ mình đã bị cha mình đẩy bỏ, (trở 1 năm.

— Thử-mẫu cũng trở một năm. (Người vợ lẽ của cha mà có con thì gọi là Thử-mẫu. Theo như Văn-công-gia-lễ thì người con thử đẻ trở mẹ đẻ ra mình (sinh-mẫu) thì thôi 3 năm. Nếu mình còn phải thừa-tự cho mẹ khác (đích-mẫu không có con). thì phải giáng-phục, không được trở mẹ mình 3 năm).

— 6...., Đẻ trở vợ lẽ cha hoặc nàng hầu cha thì Ti-ma 3 tháng.

— 7.... Đẻ trở Nhũ-mẫu là người thiếp của cha mà có cho mình bú mớm thời 3 tháng.

— 8.... Thử-tử phục Sinh-mẫu. Mình là con thử mà đẻ trở mẹ đẻ ra mình thì Ti-thời 3 năm.

3. Đẻ trở người cùng hàng.

— 1.... Trở vợ.— Trở vợ thì Ti-thời 1 năm (cơ-niên) có gậy. Nếu còn cha mẹ thì không có gậy.

— 2.... Trở vợ lẽ — Trở vợ lẽ (nàng-hầu không con, có con đều 3 tháng.

— 3.... Phục huynh đệ tử muội. Trở anh em chị em ruột 1 năm — Chị em dâu 9 tháng — Chị em ruột đã xuất-giã thì 9 tháng.

— Chị em ruột đã xuất-giã mà lại bị đẩy về thì trở 1 năm.

— 4... Phục tòng (dường) huynh đệ tử muội. Trở anh em chị em con chú con bác đều 9 tháng. Người vợ anh em con chú con bác thời 5 tháng. Người chị em con nhà chú bác mà đã xuất-giã thời 3 tháng.

— 5... Phục tái-tòng huynh đệ tử muội. Trở anh em chị em họ 4 đời thì 5 tháng, người chị em dâu ấy 3 tháng. Người chị em mà đã xuất-giã thời 3 tháng.

— Anh em chị em năm đời (tam-tòng) thì 3 tháng. Vợ và chị em đã xuất giã đều vô-phục.

— 6... Phục đồng mẫu di-phụ huynh-đệ tử-muội. Trở anh em chị em cùng mẹ khác cha thời 5 tháng. Vợ cũng không phải trở.

4. Đề trở hàng con.

1 - Phục trưởng tử dữ chúng tử. Trở con trưởng và các con đều một năm không gây. Trở nàng dâu thời duy có dâu trưởng là 1 năm. Còn các dâu khác đều 9 tháng. Dù con có đi làm con nuôi ai cũng trở như vậy.

2—... Phục nữ-tử. Trở con gái 1 năm. Đã xuất giá 9 tháng. Xuất giá mà lại phải trở về cũng 1 năm.

3—... Phục-tế, trở con rể 3 tháng.

4—... Phục diệt nam. Trở cháu giai con nhà anh em thì 1 năm. Vợ người cháu chín tháng. Dù cháu có đi làm con nuôi ai cũng trở 9 tháng. Vợ thì 5 tháng. Cháu gái một năm. Đã xuất giá thì chín tháng.

5—... Phục đường diệt nam nữ. Trở con giai con gái nhà đường-huỳnh đệ tức cháu bác, cháu chú thì đều năm tháng. Vợ con gái đã xuất giá thì đều 3 tháng.

6—... Phục tái tụng diệt nam nữ. Trở con giai con gái nhà anh em tái tụng, tức là chắt ông tổ bá thúc thì 3 tháng. Vợ, và cháu gái, vô phục.

*
**

5. Đề trở hàng cháu

1—... Phục đích tôn nam. Trở cháu giai đích-tôn thì một năm. Vợ 5 tháng.

2—... Phục chúng tôn nam-nữ. Trở các cháu giai gái thì 9 tháng. Vợ 3 tháng, cháu gái đã xuất giá 5 tháng.

3—... Phục diệt tôn nam nữ. Trở các cháu giai gái con nhà anh em năm tháng. Vợ, và gái đã xuất giá 3 tháng.

4—... Phục đường (tụng) diệt tôn nam nữ. Trở các cháu giai gái nhà đường huỳnh đệ 3 tháng. Vợ, và gái đã xuất giá vô-phục.

*
**

6. Đề trở hàng Tăng-tôn (cháu 4 đời)

1—... Phục Tăng-tôn nam-nữ. Trở chắt giai, chắt gái 3 tháng. Vợ, và chắt đã xuất giá thì vô phục.

7. Đẻ trở hàng Huyền-tôn (cháu 5 đời)

1—... Phục huyền-tôn nam nữ. Trở cháu năm đời 3 tháng, vợ và cháu đã xuất giá vô-phục.

8. Đẻ trở về hàng người họ

...

—1..., Phục tôn-tử và tôn-tử mẫu, thê. Trở tôn-tử và mẹ, vợ người Tôn-tử đến 3 tháng.

9. Tám bậc mẹ trở báo lại cho con

...

—1. Đích-mẫu (mẹ già, là vợ cả cha mình, mình là con vợ lẽ, phải gọi mẹ già là Đích-mẫu)

2. — Kế-mẫu (người mẹ nối theo mẹ mình)

3. Từ-mẫu (vợ lẽ cha, mà cha sai nuôi nấng mình, mình cũng là con vợ lẽ; sau khi mẹ mình chết)

—4, Dưỡng-mẫu (mẹ nuôi mình, hoặc nuôi con người đồng lòng, hoặc nuôi đứa trẻ xin được, từ còn bé nuôi đến trưởng thành, mẹ ấy gọi là dưỡng mẫu.

5. — Xuất-mẫu (mẹ bị cha đẩy bỏ)

6.—Giá-mẫu (mẹ lại đi lấy chồng khác).

7 — Thù-mẫu (vợ lẽ của cha).

8.Nhũ-mẫu (người thiếp của cha mà mình bú mớm)

— Đích-mẫu, kế-mẫu, thù mẫu, trở con chồng, với con dâu trưởng chồng một năm, Dâu thứ 9 tháng.

—Kế-mẫu lại đi lấy chồng, mà con chồng có theo đi cùng ở thì chớ con ấy 1 năm. Con ấy báo phục 1 năm, và trở anh em chị em bên kế-mẫu 5 tháng,

— Giá-mẫu, xuất-mẫu trở con mình sinh ra 1 năm, con gái đã xuất-gia thì 9 tháng.

— Thử-mẫu trở con mình sinh ra với con chồng đều một năm (theo Văn-công gia-lễ thì thử-mẫu trở con trưởng chồng phải (Ti-thời 3 năm).

10 · Đề trở về họ ngoại nhà mẹ

— 1... Trở ông bà sinh ra mẹ, và anh em ruột với mẹ (cận), Chị em ruột với mẹ già, (dì) thời đều 5 tháng. Vợ cậu, chồng dì thời vô-phục. Nếu có ở chung một nhà thời trở ba tháng.

— 3... Trở ông bà sinh ra Đích-mẫu, cùng anh em chị em ruột với Đích-mẫu 5 tháng.

— Trở anh em chị em con cô con cậu ruột, cùng con già con dì ruột, đều ba tháng.

— 4... Cậu trở cháu gái, cháu gái đều 5 tháng, không kể xuất-gia; trở vợ cháu thì 3 tháng.

— 5..... Trở ngoại-tôn nam nữ, là trở con của con gái, vợ trở vợ ngoại-tôn, đều 3 tháng không kể xuất-gia.

11 · Vợ đề trở về họ nhà chồng

...

— 1... Trở Cao-tổ phụ mẫu. Tăng-tổ phụ mẫu, đều 3 tháng. Còn như Cao-tăng bá-thúc, Cao-tăng-cô thời vô-phục.

— 2.... Trở ông bà chồng 9 tháng.

— 3... Trở anh em chị em ruột, chị dâu em dâu với ông chồng đều 3 tháng. Tồ-cô xuất gia vô-phục. Tồ-bá-thúc phụ mẫu với tồ cô họ vô-phục.

— 4 Trở ông bà ngoại sinh ra mẹ chồng thì 3 tháng.

— 5 Trở cha mẹ chồng Trăm-thời 3 năm. Dù chồng có đi làm con nuôi nhà người thì trở cũng như chồng.

— 6... Trở bác giai, bác gái chủ thím anh em ruột với cha chồng, đều 9 tháng. Trở cô là chị em ruột với cha chồng 3 tháng.

— 7... Trở Đường-Bá thúc phụ mẫu, với Đường-cô, đều 3 tháng. Cô đã xuất-gia thì vô-phục. Còn như Tộc-Bá-thúc phụ, mẫu với cô họ, đều vô-phục.

— 8... Trở chồng Trảm-thời 3 năm.

— 9... Trở anh em chị em ruột với chồng, cùng vợ anh em đều 5 tháng.

— 10... Trở vợ chồng đường-huynh-đệ với đường-tỉ-muội đều 3 tháng. Đường tỉ muội đã xuất-gia, vô-phục.

— 11... Trở tòng-huynh-đệ, tỉ muội, với tộc-huynh-đệ, tỉ muội, vô-phục.

— 12... Trở thừ-mẫu, cùng thiếp của cha chồng, đều một năm (cơ-niên).

— 13... Trở con mình sinh ra cùng các con chồng, với dẫu trưởng nhà chồng, đều 1 năm, các con dẫu thừ với con gái đã xuất-gia đều 9 tháng. Nếu con gái đã xuất-gia mà lại bị về thời 1 năm.

— 14... Trở con giai con gái nhà anh em ruột với chồng 1 năm. Vợ với cháu gái đã xuất-gia 9 tháng.

— 15... Trở đường-diệt nam nữ, đều 5 tháng. Vợ với đường-diệt nữ đã xuất-gia 3 tháng.

— 16... Trở tái-tụng diệt nam nữ, đều 3 tháng. Vợ với diệt nữ đã xuất-gia vô-phục.

— 17... Trở cháu giai cháu gái đều chín tháng. Vợ 3 tháng, cháu gái đã xuất-gia 5 tháng.

— 18... Trở diệt-tôn nam-nữ đều 5 tháng. Vợ, với diệt tôn nữ đã xuất-gia thì 3 tháng,

— 19... Trở đường-diệt tôn nam nữ đều 3 tháng. Vợ, với đường-diệt nữ, đã xuất-gia thì vô-phục.

— 20... Trở Tăng-lôn, huyền-lôn, giai gái đều 3 tháng. Vợ, với gái đã xuất-gia thì vô-phục.

— 21... Trở cậu, dì chồng, đều 3 tháng (1)

1) — Người đàn bà đi lấy chồng, thời cái thân-thể ấy đã chung với người chồng hợp làm một, vì sự xung xướng, lo buồn, gian nan, ăn lặt của suốt một đời đời vợ chồng ấy có ai riêng được đâu. Nếu lại riêng được thời sao cho gây nên được một gia-đình mà làm đũa cho muôn hóa?

— Vậy đã không riêng được, thời sao sự dễ trở lại khác nhau? Thiết-tưởng sự dễ trở của người đàn-bà đối với nhà chồng, nên cũng theo cả như người chồng mới phải.

T. S.

12 Chồng để trở về họ nhà vợ.

...

Chồng để chở về họ nhà vợ thì chỉ để chở bố mẹ vợ một năm ngoài ra không phải trở ai: Vợ chết có lấy vợ khác cũng thế.

...

13. Vợ lẽ để chở về họ nhà chồng.

- 1 Trở mẹ chồng 1 năm. (1)
- 2 Trở chồng Trảm-thời 3 năm.
- 3 Trở vợ cả một năm.
- 4 Trở các con chồng và con mình 1 năm.
- 5 Trở cha mẹ sinh ra mình 1 năm. Còn các bàng-thân khác vô-phục.

...

14. con gái đi lấy chồng, rồi để chở về họ nhà mình.

- 1 Trở cao-lỗ phụ mẫu, Tằng-lỗ phụ-mẫu, và Tồ-phụ mẫu, cũng trở như anh em giai, không phải giáng.
- 2 Trở tồ bá-thúc phụ mẫu với Tồ mẫu là anh em chị em em ruột với ông Tồ, đều ba tháng. Tồ-cô đã xuất-gia thời vô-phục.
- 3 Trở cha mẹ sinh ra mình thì Ti-thời một năm (theo tục ta thời khi cha mẹ mình chết, phải xin phép cha mẹ chồng để trở, thường khi cha mẹ chồng cũng cho trở Ti-thời 3 năm. Tục đó cũng hay).
- 4 Trở bác giai, bác gái, chú thím với cô là anh em ruột với cha mình, đều 9 tháng.

(1) Đoạn này thiết-trưởng Có chỗ nên cho là nghi-nghĩa; Tức như vợ lẽ tuy là phận lẽ, nhưng đã có tình vợ chồng thời phải có tình cha con vậy mà trở cha mẹ chồng chỉ một năm? thật không đáng! Tưởng cũng nên để trở theo như vợ cả mới phải . . .

— Lại như trở vợ cả thời 1 năm, mà đến cha mẹ vợ cả thời không nói đến, e cũng không thỏa. Tục ta đều trở một năm thế thời lại bằng với vợ cả không có sai biệt. Thiết trưởng nên thêm bổ một điều «trở» cha mẹ Vợ cả» mà triết chung với tập-tục đời làm «Trở 9 tháng» thời hoặc giả mới khỏi thiếu-nghĩa chăng... T. S.

— 5 . . . Trở anh em con chú con bác với cha, đều 3 tháng
Nếu có đã xuất-giá thì vô-phục.

— 6 Trở anh em chi em ruột đều 9 tháng. Chị dâu, em
dâu thì năm tháng. Duy trưởng-nam đã làm phụ-hậu nghĩa là
cha đã chết, mà người ấy thừa tự thì vẫn trở cơ-niên mà không
giáng phục.

— 7 Trở anh em chi em con chú con bác thì đều 5 tháng.
Vợ thì vô phục, như chị em xuất giá thì 3 tháng.

— 8 Trở giai, gái con nhà anh em, gọi mình là cô thì
9 tháng. Vợ với cháu gái đã xuất giá thời 5 tháng.

9 Trở cháu giai cháu gái nhà chú bác đều 3 tháng. Vợ
với cháu gái đã xuất giá thì thôi.

— 10 Trở con nhà chị em gái gọi mình là gì thời 3 tháng

14 Đề trở kẻ thương. (Chết non)

*
**

Từ 16 đến 19 tuổi, gọi là trưởng-thương; từ 12 đến 15 tuổi
gọi là trung-thương (từ 8 tuổi đến 10 tuổi, gọi là Hạ thương. Còn
từ 8 tuổi trở xuống thì vô-phục.

Nếu con giai đã lấy vợ, con gái đã lấy chồng, dù chết còn ít
tuổi cũng không gọi là thương.

Phàm đề trở người thương, cứ lần lượt mà giáng một bậc
như chính phục 1 năm. Trưởng thương thì giáng 9 tháng; Trung
thương thì giáng 7 tháng. Hạ-thương thì giáng 5 tháng v. v . . .

*
**

16 Đi làm con nuôi mà đề trở bên cha mẹ nuôi.

— 1 Trở Cao-tổ phụ mẫu bên cha nuôi; 3 tháng.

— 2 Trở Tăng-tổ phụ mẫu bên cha nuôi; 5 tháng.

— 3 Trở tổ phụ mẫu bên cha nuôi; 1 năm.

— 4 Trở cha mẹ nuôi thì Ti-thời, hoặc trăm-thời 3 năm
có gậy.

— 5 hoặc mình phải thừa - trọng từ ông (tổ) trở lên, cũng trăm-thời 3 năm.

— 6 Trở ông bà sinh ra cha mẹ nuôi đều 5 tháng.

17 Đi làm Con nuôi để trở về họ nhà mình.

...

— 1 Trở Cao-tổ phụ mẫu: 3 tháng.

— 2 Trở Tăng-tổ phụ mẫu: 5 tháng .

— 3 Trở tổ phụ-mẫu: 9 tháng.

— 4 Trở cha mẹ sinh ra mình. 1 năm, không gầy.

— 5 .. . Trở bác giai, bác gái, chú thím với cô là anh em chị em ruột với cha; đều 9 tháng. Có đã xuất-giá thì 5 tháng.

— 6 Trở anh em chị em ruột. 9 tháng. Chị em dâu 3 tháng. Chị em gái đã xuất giá: 5 tháng.

— 7 Trở ông bà ngoại: 3 tháng.

18 Thầy học không có hạn trở

Ông Trinh-tử nói rằng: « Thầy giảng không đặt bùa trở là không thể đặt được. Nên lấy tình nghĩa hậu hay bạc mà liệu sự. Tình thầy trò như ông Nhan, ông Mẫn, đối với đức Khổng - Tử thì dầu trở Trăm-thời ba năm cũng phải. Vì cái công tác thành cho mình cùng với vua, với cha bằng nhau. Đến như các bậc khác trời tùy tình thiên-thâm, cốt sử sao cho xứng tình mà thôi ... (Tục nước ta khi thầy chết thời mặc khăn trắng áo giải vào làm lễ viếng đến lúc đi đưa cũng vậy, rồi để làm tang 3 năm, sử như thế cũng rất phải) (1)

...

19. Trở bè bạn

Bè bạn là một bậc trong ngũ luân, đã làm bè bạn với nhau thời nên trở nhau ba tháng.

(1 Muốn cho tỏ sự Tâm-Tang, thời trang vòng 3 năm để trở ấy, nên bớt sự vui mừng khi xúng...

20 Đương trọng-tang lại gặp trọng-tang

Tang cha chưa hết mà lại gặp tang mẹ, thời khi nào làm lễ trừ-phục tang cha, cũng phải mặc áo trừ tang ấy để làm lễ Đại-tường, là tỏ ý rằng đã hết tang trước, song rồi lại mặc áo trở tang mẹ. Nếu tang mẹ chưa táng mà gặp tiết nhị-tường của cha, thì không được mặc tường-phục ấy. (Hương tang mẹ mà gặp Tang cha cũng thế.) Vì lễ tường là «cát,» mà đương khi chữa táng còn là «hung» nên troag khi chữa táng ấy không được mặc tường-phục, là chẳng nỡ đương lúc hung mà mặc cát-phục vậy. (1)

...

22.Đương trọng-tang gặp khinh-tang

Đương lúc tang cha mẹ chưa hết mà lại gặp tang anh em, dẫu tang ti-ma cũng nên đi viếng, ngày thành-phục thì chế đồ phục (về hàng khinh-phục nào thì chế đồ ấy),mà khóc viếng. Ngày mừng một (sóc) thì đặt bài vị ở nhà riêng, rồi mặc khinh-phục ấy mà khóc, song rồi lại mặc trọng-phục. Đến ngày trừ khinh-phục cũng lại mặc khinh-phục mà làm lễ trừ-phục. Nếu trọng-tang đã hết rồi mà khinh-phục chưa hết, thì cũng mặc khinh-phục cho hết tang, Nếu đi xa ở dẫu, lúc mới nghe tang cũng khóc ở nhà riêng. Đến hôm thứ hai thời mặc một thứ áo vị-thành-phục (nghĩa là áo để trở người mới chết) đến cái nhà riêng khóc hôm qua, bày bài vị lên mà khóc. Khóc song rồi, lại mặc đồ trọng-phục.

...

22, Đương tang vợ con gặp tang anh em.

Phàm người đương đề táng vợ con mà gặp tang anh em, dù vào ti-ma cũng nên đi thăm.

1) Vậy thời lúc ấy nên sao, chỗ này không thấy cổ nhân nói rõ... Không lẽ bỏ lễ nhị tường?... Thiết tưởng cứ làm lễ mà không đổi áo may có được thích-nghĩ chăng...

Bản đồ để trở về họ nội nhà chồng

ông bà Cao tổ 3 tháng ông bà Tăng tổ 3 tháng					
Tổ cô 3 tháng xuất giá vô phục		ông bà Tổ 9 tháng	ông bà bà thúc Tổ 3 tháng		
Tụng cô 3 tháng, xuất giá vô phục	Cô 3 tháng	Bố chồng Mẹ chồng Trăm thời 3 năm	ông bà bà thúc 9 tháng	ông bà tụng bà thúc 3 tháng	
Tụng tỉ muội 3 tháng	Chị em 5 (1) tháng	Chồng Trăm thời 3 năm	Anh em và vợ 5 tháng (1)	Tụng huynh đệ và vợ 3 tháng	
Tải tụng diệt nữ 3 tháng	Tụng diệt nữ 5 tháng, xuất giá 3 tháng	Diệt nữ 1 năm xuất giá (2) 9 tháng	Con gái 1 năm, Dâu trưởng 1 năm Dâu thứ 9 tháng	Cháu diệt 1 năm, vợ 9 tháng (2)	Tụng diệt 5 tháng, vợ 3 tháng
	Tụng diệt tôn nữ 3 tháng, xuất giá vô phục	Diệt tôn nữ 5 tháng, xuất giá 3 tháng	Cháu 9 tháng, vợ 3 tháng	Diệt tôn 5 tháng vợ 3 tháng	Tụng diệt tôn 3 tháng

(1) - (2) - Đây cũng xin đổi:

— Chị em 1 năm.

— Diệt-nữ 9 tháng.

— Xuất-giá 5 tháng.

Tảng diệt tôn nữ 3 tháng xuất giá vô phục	Tảng tôn 3 tháng	Tảng diệt tôn 3 tháng	(1) - (2) - Chỗ này: anh em ruột chồng mà trở có 5 th. cháu diệt lại 1 năm, vợ cháu diệt lại 9 tháng, nên
	huynh tôn 3 tháng	nạp (trời bạc, nên bạc thời hậu, á có phần trái chăng ? Vậy xin đổi: — Anh em 1 năm, vợ, 9 tháng. — Cháu-diệt 9 tháng. Vợ 5 th., Như thế hoặc mới thích-nghĩ...	

Bản đồ người thiếp để trở về nhà chồng

(3)— Vì phỏng chồng có
Kế-thất thời nên trở về
nhà ?

Hoặc mình là thứ 3, đối
với người thứ 2 thời sao?
Chỗ này tưởng cũng nên
bỏ :

—Người kế cũng phải
coi như vợ cả mà trở 1
năm.

—Trở người thứ 2. 5
tháng, người thứ 2, cũng
phải báo phục lại 5 tháng

Ông cha chồng 5 tháng Chăm mẹ chồng 1 năm (1)		
Vợ cả 1 năm (3)	MÌNH	Chồng 3 năm
Con gái mình 1 năm xuất-gia 9 tháng	Các con trai chồng 1 năm (2)	Con trai mình 1 năm (4)
Cháu gái mình 9 tháng, xuấ gia 5 tháng		Cháu trai mình 9 tháng (5)

(1)—Cha mẹ chồng mà có
1 năm, đối với tình quá bạc,
mà đối phận người thiếp
thời quá khinh, e thật
không nên, vậy xin cũng
cứ cho để trở 3 năm, duy
khác với chủ-phụ là không
Trảm-thời mà dùng Ti-thôi
như thế cũng đủ phân
biệt vậy.

(2)—Sao không có con
dâu con gái ? Chỗ này
tưởng cũng nên bỏ khuyết.
—Con dâu 9 tháng...

—Con gái 5 tháng..
xuất-gia 3 tháng.

(4)—Nên bỏ con dâu 9
tháng.

(5)—Nên bỏ cháu dâu 5
tháng.

			Ông bà cao tổ ba tháng	
			Ông bà tăng tổ năm tháng	
	tổ cô ba tháng, xuất giá vô phúc	Ông bà tổ một năm	Ông tổ bá thúc ba tháng	
Tụng cô ba tháng xuất giá vô phúc	Cô chín tháng	Cha mẹ một năm (1)	Ông bà bá thúc chín tháng	Ông tụng bá thúc ba tháng
Tụng tử mười năm tháng xuất giá ba tháng	Chị em chín tháng xuất giá năm th.	MÌNH	Anh em chín tháng	Tụng huynh đệ năm tháng
Tụng diệt nữ ba tháng, xuất giá vô phúc	Con gái anh em chín tháng, xuất giá năm tháng		Con anh em chín tháng, vợ năm tháng	Tụng diệt ba th.

(1) Theo tục là thường khi cha mẹ mình chết, về xin phép cha mẹ chồng đều được để trở ba năm. Doy có mặc u-thôi mà không trảm thối.

? ? ? Bản đồ để trở họ ngoại

Ông bà ngoại sinh ra mẹ 5 tháng		
Già, Di 5 tháng	Bô mẹ Vợ 1 năm	Cậu 5 tháng
Con già Con di 3 tháng	MÌNH	Con cậu Con cô 3 tháng
sinh (con gái) con gái của chị em mình 5 th. vợ 3 th. (1)		Con rể mình 3 tháng

— 1. Chỗ này tưởng nên đổi :

Sanh trở Cậu có 5 tháng, mà vợ cậu
thời không; vậy sao cậu lại phải đẻ
trở vợ sanh?..Thiệt-tưởng sanh đã vô
phục thời cậu cũng thôi báo-phục, mà
bỏ cái lễ trở vợ sanh 3 tháng đi, có
phần thích - nghi hơn .

Ngoại tôn với

vợ 3

tháng

PHỤ-LỤC

1

Bản-đồ các thứ Đại-liệm, Tiểu-liệm

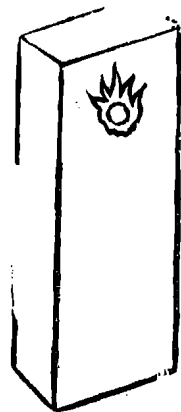
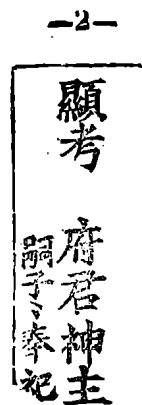
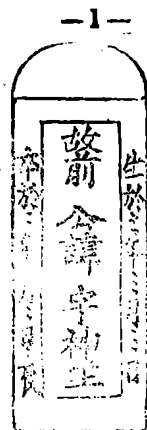
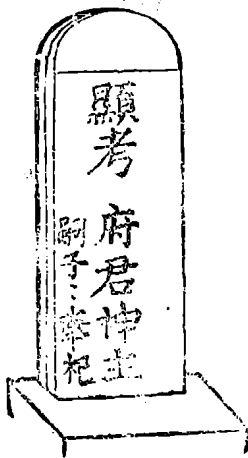
2

Các đồ hành-nghi lúc Phát-dẫn

III

THẦN - CHỦ

Toàn thức cái chủ Hãm-trung Phấn-diện Vở cái chủ
(Thân sau cái chủ) (Mặt trước cái chủ) -3-



Mực thước thần chủ.

1. — Thân sau cái chủ cao 1 thước 2 tấc, bề ngang 3 tấc, dày một tấc hai phân. Trên đầu làm nguyệt góc độ 5 phân. Chừa đầu ra độ 1 tấc, Còn từ cổ đổ xuống phần trước khắc sâu 4 phân, phần sau vẫn để nguyên dày 8 phân, chỗ chính giữa phần sau lại khắc sâu xuống 4 phân, rộng 1 tấc, dài 6 tấc, chỗ khắc lóm sâu xuống, đó gọi là hãm-trung. Đồi bên hãm-trung lại dùng thủng đôi lỗ tròn, rộng độ 4 phân để làm hai tai.

2. — Mặt trước cái chủ là một miếng gỗ mỏng sơn phấn trắng, bề ngang rộng 3 tấc để lắp vào mặt trước, gọi là phấn-diện.

3. — Chân cái chủ vuông 4 tấc, giầy 1 tấc hai phân, đục rỗng giữa để lắp toàn thân chủ vào, cho vừa cao 1 thước 2 tấc.

TIẾT THỜ NĂM

Các văn tế thuộc về việc tang

Thờ-thức viết văn

Viết văn cáo tế khi cha mẹ chưa lảng, thì viết là :

« Cáo vu Cổ-phụ » (cổ mẫu) v.v...

Từ thành-phần về sau thì viết :

« Táo vu Hiền-khảo » (Hiền-tỉ) v.v...

Tế cha thì con xưng là « cô tử ». Tế mẹ thì con xưng là « ai-tử »

Lại như cha mất mẹ còn, thì phải xưng : cô-tử.
cung hiệp mẫu thị... (họ) mệnh... nghĩa là kính hiệp theo mệnh
mẹ họ gi... .

Nếu mẹ mất cha còn thì xưng là : ai-tử (tên) cung thừa phụ
mệnh...nghĩa là kính vâng mệnh cha.

Hoặc cha làm chủ tang tức là chồng tế vợ thì viết ai phụ...
(họ tên) xuất ai-tử (nghĩa là đóng đem ai-tử là...đề tế). lúc tế
người chồng đứng đằng trước mà vái, con đứng đằng sau mà lạy
Đại đề trên đầu bài văn thời viết như thế này :

Duy (1) (niên-hiệu)...Thế thứ...nguyệt-kiến...(gi...) sóc (gi...) viết ... nhật ... cô-tử (tên gi...) cung hiệp mẫu thị mệnh cảm
ai cáo vu cổ-phụ (quan, chức, thụy, hiệp gi điền vào không phải
sưng tên) Phủ-quân (mẹ thời Nhụ-nhận) Linh-lọa tiện viết.

Than ôi ! !... (từ đây dờ xuống là văn).

. . .

VĂN-LIỆM

Than ôi ! Trăm năm giấc mộng, một cuộc bể dâu. Cha (mẹ)
còn nằm đó, hồn biết về đâu ?...

Lẽ bầy nhập-liệm, trông thấy mà đau !

Cảnh còn người vắng, trời thăm đất sâu !...

Cần cáo

(1) Lúc liệm nếu không dùng vải, thời đã có lời khấn ở trên)

Duy, là cái dây to làm đường lưới, (tóm tất cả các mắt lưới,) nên đặt lên
đầu bài văn tế, là tóm cả toàn văn vậy.

THIỆT LINH - TỌA

. . .

Than ôi ! nhà Huyền (xuân) vắng vẻ, núi Hổ (Dĩ) mơ màng .
Giời cao có thấu, gia-biễn lạ đường !...

Cha vội đi đâu? tỉnh giấc chiêm-bao một giấc !

Con trông nào thấy ! khóc kêu nước mắt hai hàng .

Đặt bầy Linh-tọa, gọi chút lễ thường, nổi nhà tang tóc, trên
án đèn hương...

Tinh-linh soi thấu tấc thành, lấy gì báo đáp;

Ly-biệt từ đây hai ngả, xiết nỗi thấm thương !..

Than ôi thấm thay !

Cần cáo

*
**

LỄ THÀNH -- PHỤC

Than ôi ! mây phủ nhà Huyền (xuân), bụi lồng gương ngọc
Cảm đức cù-lao, nhớ ơn sinh-dục.

Vẫn tường trăm năm có hạn, cõi thọ còn giải,

Nào ngờ một sớm không thường, mộng trần tỉnh giấc !

Con tạo đa đoan, ông xanh quá độc.

Ngao ngán nhẽ, mảnh ban pha vẻ nhạt, sân thọ in rêu ;

Ngậm ngùi thay ! áo bả vương lơ sầu, nổi nhà tang tóc.

Theo chút lễ thường, kính dâng Thành-phục.

Bốn bề phong cảnh, như in mây trắng một màu ;

Đội ngả hợp tan. luống dứt tình thâm mấy khúc !

Than ôi, thấm thay !

Cần cáo

. . .

CHIÊU, TỊCH ĐIỆN

Giời ôi ! đất ôi ! cha (mẹ) đi đâu rồi !

Mỗi ngày một vắng đau đớn lòng tôi!

Kính dâng cơm sớm (tối), khôn báo ngọt bùi.

Ngọn đèn hiu-hắt, thấp-thoáng bóng người.

Khởi hương nghi ngút, phảng phất hồn mai,

Than ôi ! cha (mẹ) ơi !

VĂN CÁO CỬ HÀNH (tức là lễ Khiển điện)

Than ôi ! trăm năm trần kiếp, một cuộc bề dâu.

Trời làm chi cực ! cha (mẹ) hỡi đi đâu?

Nào những khi xum họp một nhà, vui không xiết kể !

Đến bây giờ phân chia đôi ngã, nghĩ lại càng đau !

Trông thấy dâu nào ? gương ám nhà cao nhồm những bụi ;

Biển sao đến thế ! tợ vương dạ ngọc rồi thêm sầu.

Nay nhân: Xe tiên sắp gác.

Phước Phật bắc cầu.

«Táo lễ cử hành, nước mắt hai hàng thánh thoát:

«Tung kèn lâm khốc, bên tai mấy khúc buồn rầu:

Than ôi ! Thương thay !

CÁO ĐẠO LỘ

Duy... (năm, tháng, ngày...) hiếu chủ (... họ tên gì...) cần-dĩ (lễ vật là gì) kính cáo vu Ngũ phương đạo lộ chi thần vị liễn viết.

Nay nhân : Cổ phụ (hoặc mẫu tên họ) sa bỏ cõi đời. Cần chọn ngày... làm lễ cử hành, yên táng tại... (đóng sớ nào...)

Vậy dựng tấc thành, kính dâng lễ bạc. Muôn nhờ thần lực, bảo hộ vong-hồn. Đường sạch yên phần, yên ổn đến nơi u-trạch, xe không gió bụi, vũng vàng chẳng chút sánh-tai. Đều là nhờ đức cao sâu của Tôn-thần vậy.

Cần cáo

TỀ THỔ ĐỊA

....Tề chủ (tên gì...) cần biện lễ thường, kính dâng lên trước linh-vị Thần thổ-địa ở sớ... mà tâu rằng :

Nay vì Cổ phụ (...) chợt bỏ dương gian, về nơi âm-giới. Nay xin an táng ở sớ này, trộm nghĩ đất cát hay hung, thật quan-hệ đến việc lành hay dữ, thường ảnh-nhuệ ngu bực, giám mong Thần-lực phù trì. Khiến cho Linh phần yên-ổn, gia-trạch khương-ninh. Đức ấy trời cao, cảm tình khôn xiết.

Cần cáo

TẾ ĐỀ CHỦ

Than ôi ! nhà xuân (huyền) khói tỏa núi Hổ (dĩ) mây che.
Tắc vàng chưa xót, giọt ngọc đầm đĩa. Nay nhân g ai thành vừa
đập, Thần-chủ đã đề. Kính dâng lễ bạc, gọi lỏ lỏ g quê.

Cần cáo

VĂN THÀNH-PHẢN

Than ôi ! cơ Tạo-hóa thật là quá độc : biển bỗng đến nơi !
máy âm-dương sao khéo cơ-cần, cha dẫu với mất ! Càng ngày
càng vắng, nào thấy di-dung, một bước một đau, như bào gan
sắt. Nay nhân yên chốn giai thành, kính dâng lễ bạc. Ba thước
đất thành nơi thiên-cổ, trời hỡi có hay ! một nén hương
khôn giải tắc thành, cha (mẹ) ơi họa xét.

Cần cáo

VĂN PHẢN KHỐC

Than ôi ! Thân phụ (mẫu) xa bỏ cõi đời. Nay đã yên táng,
hồn phách thành thoi. Kính rước thần chủ về đến nhà rồi,
sớm tối thờ phụng, muôn kiếp lâu dài, Giám mong soi xét, tỏ
nỗi bi ai.

Cần cáo

VĂN TẾ NGU

Than ôi ! một cuộc nương dâu bãi bãi, cơ Tạo đổi thay !
Trăm năm bóng cửa tắc tay, kiếp trần ngăn ngủi.
Càng nghĩ càng phiền : thêm sầu thêm tủi.
Nhớ cha (mẹ) xưa : phú tánh ôn hòa, sâu lòng từ ái.
Cửa đức sây cao, nguồn ân khơi lại.
Trải mấy thu gốc tử thơm danh (1) mười tuổi khóm
xuân (huyền) chưa cội.

(1)—Bao nhiêu tuổi thời điền vào.

Vấn tường đất bồi hậu-mạch, còn nhiều liếp thọ thêm xuân,
Nào ngờ trời chẳng chiều người, chợt đã gót liền bước vội.

Đau đớn trong lòng, thờ ở dưới gối.

Cảm ơn chín chữ, đạo thảo-hữu cam lỗi phận con.

Dâng lễ... Ngu (sơ ngu, hay tái tam... thì diễn vào đây), anh-
linh sáng trở về tiên giới.

Một tấc kính-thành nghìn thu hương khói.

Chỗn tang tử tình-thảo lên xuống, từ đây thỏa an.

Thêm quế lan mầm mống tốt tươi muôn đời nối dõi.

cần-cáo

...

VĂN TỐT-KHỐC

Thân ôi Đạo trời đất cồ kim kim cồ, côi trần-hoàn sinh hóa
hóa sinh. Từ đây vĩnh-quyết, xiết nỗi thương tình ! Nhớ cha
(mẹ) xưa, lánh gờn nhân-hậu, nét đất hiền lành, Sử với họ
hết bề an-ai, đối với ngoại ít sự đua tranh.

Cối phúc vun thê... ôi nhọc :

Nền nhân đắp vũng, gây nên một cõi thái-bình.

Những mong tuổi hạc càng cao, chúc rượu thọ chén quỳnh
riư-rất :

Nào biết xe tiên vội gác, tỉnh hồn mai giấc mộng tàn canh.

Thương ôi ! một màn mây trắng, muôn trượng trời xanh !

Ai khơi khở-hải ? ? ai đắp sâu thành ?

Như cá lìa nước, như chim rời cành.

Vâng về nhà Xảo-an (huyền), gương bụi khôn tìm di-ảnh :

Mơ màng núi Hồ (đi), mấy che nào thấy chân-bình.

Con đành lỗi đạo, cha (mẹ) hỡi có linh?

Chút lòng chưa đền ơn nặng.

Cảm thương thêm hồ phận mình.

Trắng giãi thêm lan, thấm thoát đã tới tuần bách nhật.

Hương đưa rau tảo, kiền thành mong thấu chốn cửu kinh.

Thương ôi Khở thay.

Cần cáo

VĂN ĐẠI-TUÔNG

Than ôi ! Mây che núi hổ (dĩ), bụi phủ đài gương !
 Một phen ly-biệt, đôi ngả âm-dương.
 Thấp-thoảng ngựa hồ cửa sỏ.
 Trải bao thỏ bạc ác vàng.
 Trời lở đất long, thảm nỗi gặp cơn đại-cổ.
 Ngày qua tháng lại, dầy nhân đến lễ đại (hiếu) trường.
 Giọt lệ khôn đền ơn nặng, lòng thành gọi chút lễ thường.
 Chốn tiên-cung vui thú di về, xe mây bóng bạc.
 Trước linh-tọa khí thiêng soi xét, tuần rượu nén hương.
Thượng hưởng

..

VĂN ĐẠM-TẮT

Than ôi ! cha (mẹ) ôi ! Vặt đời sao rồi... Cảm ơn sinh-dục,
 khôn chút đền hồi.
 Con tạo chêu người, một phút hóa nường dâu bãi bãi.
 Nỗi nhà tang tóc, 3 năm bồng lở đất long trời !
 Kính dâng lễ đạm: Thay áo Ti-thời.
 Lễ chế-phục tuy rằng có hạn.
 Lòng thăm-thương biết thừa nào người.
 Bồng bạc xe mây, khí thiêng hoặc đoái miền-gốc tử.
 Nén hương chén rượu, lòng thành mong thấu chốn Toàn-dài.
 Than ôi ! thượng hưởng

Phụ lục : Những lễ sau ở cò lễ không có, mà tục vẫn có, nên các văn lễ chép vào phụ-lục.

.

..

(VĂN HOÀN HƯƠNG LỄ (Giả lễ làng)

Than ôi ! Núi Hổ (Dĩ) mây che, nhà cao gương bụi. Bóng bạc xa vời, ruột tâm bối rối.
 Từ dâu gậy dựng, cơ trời dâu bể đa-đoan,

Xiết nỗi thảm thương, cõi đất tiên - trần khác lối.

Cha (mẹ) hỡi có hay ? Nói càng thêm tủi

Giây nhấc hương-lệ nộp theo .

Cúi trước linh-diên tỏ rãi.

Bề rộng trời cao ơn trọng, báo đáp làm sao ?

Nén hương tuần rước lễ thường, thiêng-liêng soi tới.

Than ôi ! thương thay ! Thượng hưởng

VĂN ĐỐT MÃ

Than ôi ! Từ khi cha (mẹ) đã nơi trần cảnh; về chốn Bồng-
doanh .

Nhân từ chứa sẵn phúc hăng-hà, di truyền muôn kiếp :

Cần kiệm treo cao chuông cảnh-tỉnh, dạy bảo năm canh,

Con : cảm công cù dục, đội đức sinh thành,

Bấy lâu ly biệt vắng về gia đình.

Đồ mặc lấy ai may vá ?

Đồ dùng nào kẻ sắm sanh ?

Tiết-trung-nguyên nhân nay vừa (lại) gặp:

Dâng hoa-vu gọi chút tương-thành.

Này áo, quần, chăn, gối, Này mâm, bát, nồi sanh.

Này cây, bừa cuốc, thừng, này súc vật nhân hình.

Tục nước lưu truyền, hồ dễ dền công báo đức.

Đạo con mỏng-mảnh, gọi là sự tử như sinh.

Một tờ ghi mã, các hạng phân minh.

Đã trình đức Vũ-lâm trưởng-kiến.

Chẳng lo gì ngoại quý vọng tranh.

Cha (mẹ) hỡi thiêng thay, đồ vật cử trong tờ tiếp nhận,

Con khôn kẻ xiết, đời sau còn nhờ phúc an-ninh.

Cần = cần

MỘT BÀI THÔNG DỤNG VỀ VIỆC TANG

.

Trước-giường thường khóc mà thân rằng :

Đôi ngả đường chia khuất mặt, con tạo cơ cầu :

Trăm năm kiếp tựa tấc tay, làng trần ngăn ngủi.

Li-biệt đau lòng, cảm thương xiết nỗi.

Nhớ cha (mẹ) xưa :

Nết dất hiền lành, tánh giới rộng giải

Cổi phúc vun thêm, nền nhân đắp lại,

Đua vui dưới gối, vẫn mong gương thọ sáng soi :

Tình giấc mộng trần, nào biết bận tiên chờ đợi.

Than ôi ! dương hợp mà tan ! dương vui mà tủi !

Giọt lệ chứa - chan, tơ lòng bối rối.

Giây nhơn làm lẽ (. . .) những bận đạo son nhiều lỗi.

Nén hương, tuần rượu, khôn báo đền ơn bề ơn sâu,

Bóng hạc xe mây, mong thường đoái đi về dòng ruổi.

*Than ôi ! thương thay !**Thượng hưởng*

Phụ - chú : Các bài văn trên này là chỉ làm cho đủ lối, gọi là có tuề như-vẫu để hợp vào với các nghi-lễ ở tiết trên mà thôi. Còn như nhẽ thời loạn-loàn chưa đến gột tinh-lễ, nghĩa là không chú-trọng ở các bài văn ấy vậy. Mong các duyệt-giá lượng cho .

Thiên thứ hai

Dự nghị những điều nên thay đổi thuộc về Tang lễ

Tang lễ của cổ nhân, đối với phong tục ở kim thời, thật đã nhiều điều không hợp. Tục lễ của xã-hội, đối với trình độ của quốc-dân, lại càng lắm nỗi quá phiền. Vậy xin châm trước cổ kim, dự nghĩa như sau.

TIẾT THỨ NHẤT

1—Kê đại Iước mấy tục lễ không chánh đáng

1—Đề trong nhà lâu.—Phàm các lễ nghi của ta, thấy đều theo Tầu, tục này cũng do bởi câu: «Tam nguyệt nãi táng» (1) mà ra. Thật vậy, trước ta làm nhà đề lâu quá 1. Lại có nhà chưa làm ma vội, còn quán đề một nơi, cách đến 4 5 tháng, hoặc một năm mới lại rước lên đề làm ma. Cái hại về sự đề lâu này, tưởng không nói thì ai cũng rõ. Nay kể qua mấy điều:

1) HẠI VỆ SINH.—Đề lâu như thế thời sao cho khỏi tử khí truyền ra. Khiến cho người ngoài truyền nhiễm phải, sao khỏi sinh ra tật bệnh?... .

2) Bao nhiêu con cháu đều quanh quẩn vào đấy, mất công việc, lửa của hao công thật nhiều.

3) Nhỡ xảy sinh ra có nạn nước lửa, thời cái thảm trạng ấy thật không nói sao cho xiết....

Vậy ta thử hỏi một câu: «đề lâu thế để làm gì?»

—Há chẳng phải là đề mà thịt trâu mổ bò, làm chay làm ma đó rư?... Ồi có biết đầu chính đương lúc các người thịt trâu mổ bò, làm ma làm chay, rượu chè bẻ bát, ăn nướng linh đình, mà cái người nằm trong quan tài kia đương nứt từng đoạn da, đứt

1)—Nghĩa là ba tháng mới chôn.

từng khúc ruột ! Các người thử dùng chén rượu, im miệng nói, mà tưởng tượng đến cái nóng nổi người nắm chỉ cách có một lần gõ kia, thời đau đớn biết dường nào ?!...

2 - **Thầy cử g trị quan.** - Phàm nhà có người chết, tất phải đón thầy phù thủy đến làm lễ trị quan. Thầy phù thủy tay cầm đuốc soi trong quan, miệng thời đọc thần chú. lại một tay cầm dao dựa chém bốn góc quan. Rồi lại dán bùa đầy cả trong quan, bấy giờ mới cho nhập quan, Thầy phù thủy làm như thế là ý khu trục quỷ mị cho yên thần sắc vậy ! Khốn nạn ! Sáu tấm gỗ đóng làm một cái quan, quỷ ở đâu mà đến chóng thế ? mà chẳng biết quỷ định quấy nhiễu cái sắc thối sắp thối ấy để làm gì ? Ồ ! lạ thật !

Lại có nhiều nhà bỏ lịch, bỏ lễ-tôm vào trong quan, cũng là để rừ quỷ : càng đáng bật cười...

3 - **Đề tang ở bần.** - Năm rơm gói đất, là cái tục lệ của Tàu. Nhưng sự hiểu cốt bởi ở trong lòng, có phải dân ở những cách bần thiêu ấy ! Vì phỏng có dứa lúc cha mẹ sống thời ngang ngược ương ngạnh, coi cha mẹ chẳng khác khách qua đường, đến lúc đề tang, nó cũng năm rơm, cũng gói đất, cũng gậy chống đến bụng, cũng quần què ! lặn gót chân như thế có thể gọi là hiểu được chăng ? .. Huống chi ở bần thời hại vệ-sinh, nếu vì sự ở bần ấy, vì sự năm rơm gói đất ấy mà truyền nhiễm nên bệnh bệnh nhờ đến chết, cướp công cha mẹ, tuyệt mất giống nòi, như thế có thể gọi là hiểu được, chăng ?

4 **Kèn trống tế lễ.** - Tang là hung-lễ, cho nên lúc tang còn ở trong nhà, chỉ có lễ mà không có tế. Tế đã không có thời kèn trống tất cũng không có. Vì sao ? vì là hung-lễ vậy. Ta cái gì cũng theo Tàu, mà sao cái lễ ấy không theo ? - Thường thấy lẫn nhà từ khi tang còn ở trong nhà, ngày nào cũng có tế, ngày nào cũng có trống phách nhưc óc, đàn sáo đình lại, cười nói ồn ào, đi lại dậm dịch, chẳng khác một đám hội vậy. Hễ thấy nhà nào nghe ra lối im ả, tịch mịch, thời lại cười là đám tế, đám nhát. Ô ! ngộ thế là cùng !,

5 - **Ăn uống.** - Bất cứ nhà nào, hễ trong nhà có người chết là phải có ăn uống. Gầu thời 5 trâu 7 bò, vừa thời 2, 3 lợn, nghèo nhớt mừng loai cũng phải dọn nhà bán con, vay công

lĩnh lái, mà kiếm con lợn mười lăm đồng!... Vì thế ngan-ngừ có câu: *Nhất nhán tử vạn nhân túy* » Nghĩa là một người chết, muôn người say. Ôi! không biết người chết kia tội tình gì mà khiến cho con cháu phải nộp và đến như thế? Nói quá ra thời cái giống người mình có lẽ cũng như giống người Trung-phi-châu chỉ hay ăn thịt người chết thôi vậy!..

Không những thế, mà thói thường lại cho thế mới là hiếu. Ôi! hiếu mà phải lo lấy ăn uống, hiếu mà phải bỏ người chết nằm đó để đi vay công lĩnh nợ, mua thịt cho nhiều, mua rượu cho lắm, để ăn uống cho no say, hiếu như thế chẳng cũng lạ lắm ru?..

Giả sử linh hồn người chết mà có thiêng, trông thấy cái tình cảnh con mình đeo công mắc nợ, tất tuổi trăm triệu như thế, lòng có yên được chẳng? ăn có ngon được chẳng? — Vậy ta thử vắt tay năm ngẫm; cách báo hiếu như thế có nên chẳng?...

Huống chi: « rượu là một thứ nước sinh ra tại vạ », cớ nhân từng đã nói. Nay tụ họp ăn uống, rượu chè be bét như thế chánh sao cho khỏi câu: “*T ửu nhập ngón vuốt*”, mà gây nên tai vạ lây đình? Thầy Trinh-Jữ nói rằng: « *Thịt lợn để ăn không phải là thịt lợn để rước lấy kiện tụng, mà kiện tụng hằng bởi thịt lợn mà ra* ». Ôi, nhờ nói ý vị thay! Ta thật nên ghi nhớ vậy.

— 6. Kèn thờ. — Tang còn ở trong nhà đến đêm hằng có thời kèn thờ. Nhà giàu thời nhiều, nhà nghèo thế nào phải có một đêm. Nào đàn, nào sáo, nào nhị, nào kèn, nào trống đình tại nhưc óc. Họ lại vừa kèn vừa hát; con cháu hằng mỗi người đặt mấy câu cho phởn kèn họ hát, gọi là « *ca kèn* », rồi thì nhau thương liền coi thật không khác gì một đám sẩm. Nhất là đêm hôm đến sáng mai cử hành, thời thời kèn trống suốt đêm, rất là náo-nhiệt. Khốn nạn! cái đêm hôm ấy đêm gì? chẳng là cái đêm sắp cùng với cha hoặc mẹ mình, một biệt nghìn năm đấy ru? Ấy sao mà náo-nhiệt vui vẻ được đến thế?..

— 7. Trống báo. — Nhà làm ma thường treo trống cái ở ngoài rạp, ngay lối cổng đi vào, để thấy người ngoài đến thăm viếng, thời gia - nhân đánh một tiếng « *thùng* » để báo cho con cháu biết, Bấy giờ con cháu mới chạy súm cả lên chung quanh cửa để khóc. Có người đương cội nội khúc khích với nhau cũng chụ lên để

khóc; có người mồm dương ăn uống nhồm-nhoàm, cũng phồng má trợn mắt, nuốt vôi nuốt vàng, nuốt chồi cho khỏi cở họng để khóc. Ôi! khóc để làm gì thế? Để tỏ cho người ngoài biết rằng mình thương cha mẹ ông bà mình đó chăng?... Cái lối khóc cổ khóc gượng, khóc vôi, khóc mà bụng dương thêm ăn, khóc mà miệng dương muốn cười như thế, ai lại còn lạ gì mà không biết nữa. vậy khóc mà làm chi?...

— 8. **Khóc day.** — Sao lại gọi là khóc day? tức là mượn tiếng khóc để nói day lẫn nhau vậy. Chị em cô cháu, họ hàng, có điều gì cảm tức với nhau mà có quan-thiệp đến công việc người chết, thời nhân lúc khóc mà day móc lẫn nhau. Xét kỹ ra thời không mấy dám mà là không có tiếng khóc day; thậm chí có người khóc độc-địa hơn là chửi rửa vậy. Ôi! mượn người chết để sói móc lẫn nhau, không biết trong bụng những người ấy có còn chút tình gì thương sót nữa không?

— 9. **Cúng kem.** — Tang còn ở trong nhà, mỗi bữa cúng cơm, hoặc có tế lễ gì, tất phải bày một mâm cúng «kem» ở bên cạnh giường thờ. Cách xếp cỗ rất lạ, thịt chỉ vài miếng, rau chỉ vài gắp, sồi độ nửa đĩa, cơm độ vài lưng, cái gì cũng chỉ biểu thị ra một ít. Tục cho rằng: có một vị thần kem, nó cứ giữ miệng không cho «ong-hồn ăn, có cúng thế thời nó mới cho ăn, cỗ cúng kem rồi kiêng không giám ăn, hằng đồ dồn lại để cho ăn may! Ôi! Thần kem là thần gì? cúng sao có cúng lạ? ấy sao mà ta mê tín đến thế?

— 10. **Bưng cỗ cúng.** — Nhà có người chết, có thịt đến lợn, thời phải có bưng cỗ cúng lễ nội, lễ ngoại, nhà thờ họ, nhà thờ ngành, nào lăm, nào dò, nào số; có khi thịt một con lợn ra bưng đến hết dò, hết lăm! Nếu nhớ thiếu thốn đâu, thời đã trách móc không ra gì. Vì một người chết mà mong cho có cỗ cúng, vì một người chết mà chịu tiếng nói dày vò. Ôi! phiền vậy.

— 11. **Lăn đường.** — Khi cất đám đưa ra đồng, thì lúc mới chuyển cữu ở trong nhà ra, người con gái phải nằm chầu ngang cho cữu đi qua, rồi tự đó ra đồng cứ cách một quãng lại nằm chầu ngang một lúc, đầu tóc rũ rượi, lăm be lăm bét, như ma lem, trông thật ghê gớm. Làm như vậy để tỏ ý tiếc thương cha mẹ nên ngất chầu lại không cho đi. Ôi! lúc cha mẹ còn

không giữ được, lúc tang còn trong nhà còn không giữ được giờ đã đến lúc rước di chôn, lại còn nằm lâu ra để kêu khóc gào gột, đối với người chết có ích chi?... Tôi thường thấy có người lúc lẫn đường, trong lòng có bọc một ít hào xu, định để rồi thương cầu, (cầu của các vải, làm bằng vải, là phép của nhà phật, dẫn đi trước, để dẫn vong hồn sang Tây-chức), quắc quai thế nào rơi vung vải ra. (Ôi ta bấy giờ miệng 'hì gào gột, tay thời sờ soạng nhất tiền,... Có người thấy cầm mãi một chỗ cũn đã đi qua rồi mà vẫn chưa giẫy, lấy chân đá bảo giẫy, thời cầu lên rằng: Người ta còn vung mất cả tiền đây! Ôi thương thế mới thương!..

12- **Phường treo đóng đường.** Những đám ma kha kha thường có hai người phường treo mặc mũ áo, vẽ mặt mũi như quỷ, cầm siêu, cầm giáo đi dàn trước linh-sa, lại có phường trống đi theo. Trống bộ mấy anh phường chéo, phồng má trợn mắt, nhả mũi nhảng nháo rất là ngộ nghĩnh tức cười. Cái tục nhắm nhĩ đã chán, mà đáng chán nhất là mấy anh phường treo sao mà họ chơ chển một cách lạ thường không biết theo

13- **Cách trị huyết.** Những nhà quan sang thường đã có là sinh phần ngay từ lúc sống; đã hay rằng quý trọng cái di thể của cha mẹ như thế cũng là phải. Nhưng sự làm đó là cốt phải giữ sao cho được bền chặt lâu dài, chứ không phải là muốn lấy cho tráng quan một lúc mà thôi. Đến nhà quê thời lại không mấy người biết thế. Thường lấy đó là một sự đẹp mặt với người ngoài. Cho nên cách trị huyết cũng lắm đám rất tốn. Họ đào đất vùng ra thật rộng, rồi nào họ đắp bệ sê bệ, chỗ để quan thời làm như cái «giường bàn» cũng chân quỳ dạ cá cũng đường sồi lối soi, rất là cầu kỳ, nhưng nào có bền chặt gì đâu, nhờ một tí thời lở, thời sạt, nếu lúc hạ quan vô ý thời vỡ mất cả lảng... ấy cái cách trị-huyết của ta phiến và vô ích đến thế, vậy mà vẫn còn nhiều người lấy làm thế mới hay!.. Vẫn còn nhiều người lấy làm có làm được thế mới được đẹp mặt với người ngoài! Ôi huyết là chỗ để chôn sắc của mẹ, mà lại muốn cầu lấy đẹp mặt với người ngoài ru? !...

14- **Đề chủ Đám ma có đón được quan đề chủ mới lấy làm vẻ vang.** Lúc đón đã phải chèn lá rất hậu, đến khi tế đề-chủ xong, thời phàm các vật liệu ở trong rạp đề chủ, thượng-từ

huong an bàn độc, hạ chí chiếu giải ghế ngồi, đều thuộc về của quan Đề chủ cả, nhà chủ sắm lễ vật, tiền bạc chè lá, tạ quan Đề chủ rồi ngoài lại có một món tiền gọi là món tiền «chuộc rạ» nữa. Món tiền ấy mười lăm đồng, năm ba chục, tùy lễ vật nhiều ít, tùy nhà chủ giàu nghèo, không nhất định. Cứ theo như ra-lễ thời phép đề-chủ. Chỉ dùng một người con cháu viết tốt và tính lễ cần thận, mặc cát-phục vào đề. Chữ không nói gì đến đón người đề-chủ. Vậy không biết ta bày ra tục này là nghĩa gì ? mà đến cả Thọ mai gia-lễ cũng theo, cũng đặt ra nghi-tiết tế đề-chủ, cũng có văn tế đề-chủ. Hiếu ở đây ư ? lễ có thế ư ? ... lạ thật ! !

— **15. Mời khách.** — Phàm nhà làm ma, tất phải mời khách. Khách tức là những người quen biết vậy. Gần thời sai người đến lặn nhà, xa thời viết giấy, khi khác đến uống rượu song, lúc về lại phải có bánh giầy, nem, làm phần. Ta thường hay hỏi thăm nhau : đám ma nhà ấy có đám bánh giầy không ? Hết bao nhiêu bánh ? bao nhiêu nem ? ... Nếu có hết nhiều mới là đám to, mới đủ sĩ-diện ! ôi ! thế ra nhờ người chết để ăn uống, nhờ người chết để thiết đãi nhau, nhờ người chết để mà sĩ-diện với người ngoài, cách báo hiếu như thế thời lạ thật ! ...

— **16. Tam-nhật.** — Sau khi an-tàng cách một ngày, đến ngày thứ ba, thời làm lễ Tam-nhật (ba-ngày), tức là lễ Bế-mộ. Bế-mộ nghĩa là ngăn rào chung quanh mả. Lễ này do ở các thầy Phù-thủy, cho là có tà ma quấy nhiễu, nên ngăn rào lại cho vong-hồn được yên ... Chết là thể phách, chôn ở đó tức là chôn thể phách, còn linh hồn thời chu-lưu băng-bạc thường ở âm dương hai giới, chứ ở đâu trong thước đất ấy. Ma quỷ nào làm chi được, mà phải ngăn rào ? Dù cho có âm-phủ như thế tục thường nói thật, thời linh hồn người chết, sẽ cũng phải thuộc vào một nơi quản-trị, có lẽ đâu không chẳng không rõ, bóng lóng vợ vẫn để cho ma quỷ nào quấy nhiễu ! Tin nhảm vô cùng !

— **17. Tứ cửu.** — Sau khi an-láng 49 ngày, gọi là tuần Tứ-cửu, hoặc cũng gọi là Chung thất. Tục này vốn theo phép nhà phật. Cứ trong phép nhà phật thời sau khi đã an-tàng cứ 7 ngày làm một tuần chay, 7 lần làm chay, 7 lần 7, 49 ngày thời thôi không làm chay nữa, nên gọi là Chung thất nghĩa là hết những tuần 7 ngày. Tạ thời không mấy nhà làm

đủ 7 tuần chay, cứ đến bốn mươi chín ngày mới làm. Xét cái lễ thất thất chay tuần là phép của nhà phật làm để siêu độ cho vong-hồn về nơi cực lạc. Nếu ta mà tin thật thời sao không làm cả 7 tuần? Đã không làm cả bảy tuần mà còn dùng hai chữ «chung-thất» thì chẳng hóa ra mình nói dối quỷ thần ru?... Phương chi chay tuần làm xong, thời vong hồn tất đã siêu-độ. Vong hồn đã siêu độ, thời ta sau này còn cúng bái nữa làm chi?... Có một việc tang mà đã theo lễ đạo nho, lại theo Bùa đạo Lão (Bùa-thủy tổ là Thái-thượng lão quân) chưa lấy làm đủ, lại theo cả đạo phật, không biết sau này còn theo đến đâu? Ôi! phiền vậy.

18 Đốt mã. — Trong khoảng Triều, Đại-tường, có hai kỳ đốt mã. Kỳ mã đầu gọi là mã biểu, kỳ mã sau mới thật là đốt để dâng cho người chết, tục hay đốt về tuần trung nguyên tháng bảy cũng nhiều nhà thì đốt về ngày đồ dầu, và đồ hết.

Đồ mã thì làm những đồ thường dùng của người, không thiếu một thứ gì, bây giờ họ lại sắm cả xe đạp, xe cào su, bàn soay đường lò so... nhà thường từ 2, ba đồng đến vài mươi đồng rằm mươi đồng, một vài trăm, cũng song thời đốt đi.

Tục này do tự bên Tàu đời xưa thường dùng đồ ngọc - bạch để cúng tế. Đời sau dùng tiền thế cho ngọc bạch. Đến đời vua Huyền-Tôn nhà Đường thấy dùng tiền phí lắm mới truyền cho làm tiền giấy để thay vào tiền thực. Đến đời Đường-Túc-tôn người Vương-dữ làm quan Từ-tế-xứ giữ riêng về việc tế tự dùng toàn bằng tiền giấy để cúng rồi đốt đi. Đời Ngũ-đại lại chế thêm ra áo giấy mũ giấy mà cúng cấp...

Xét việc đốt mã thật là một cách người dương gian, làm việc âm-phủ, quá nổi vụ vợ hàng đôn, không biết lấy đâu làm bằng cứ. Dù có thực hay không ta cũng không giám đoán định nhưng ta thử ngẫm xem người các nước, không thấy mộ người nước nào đốt mã cho người chết. Vậy linh hồn của mẹ người ta cũng đều đòi rét cả hay sao? Vậy sao mà người ta vẫn vẫn-minh vẫn thịnh-vượng hơn ta...? Đó chẳng là một cái tang chứng rõ ràng sự «đốt mã» là phí tiền vô ích ru?..

* *

Giở lên mười tám điều, là mới nói cái đại lược, nếu nói cho kỹ thì còn nhiều song thiếu-tưởng triah độ tri thức của quốc dân ta bây giờ đã cao hơn trước những sự mê tin nhảm nhí, dù không nói cũng đã tự biết bỏ đi.

Đi về đường lễ nghi, nên theo cổ lễ thời quá phiền, nếu bỏ không theo thời lại bồng lỏng vô văn, không biết lấy đâu làm chuẩn đích. Mà nếu nói rằng bỏ hẳn thời lại quá ư vô nghĩa; làm người thời phải có lễ, có lễ thời phải có nghi, không lễ không nghi thời còn gọi là người sao được!
 Vậy xin theo ý nghĩa cổ-lễ mà sửa lại như sau.

Tiết thứ hai

I

Nghĩa đối với người chết

...

Người ta đến lúc chết là một lúc tạ biệt hẳn cõi đời; người đời đối với người chết, là một kẻ vĩnh biệt không còn được lúc nào trông thấy mặt. Người đời đối với nhau mà đến khi mất người còn cũng phải đau lòng thương xót, nữa chi là mẹ cha?...

Vậy ta đối với lúc cha mẹ chết phải nên hết tình thương xót hết lòng kính trọng, không nên sơ xuất coi thường. Đức Khổng-Tử dạy rằng: «cần-thận lúc cha mẹ lâm chung» thật là một nghĩa rất chính đáng.

II

TỪ LÚC CHA MẸ CHẾT ĐẾN LÚC NHẬP QUAN

...

— Sau khi ngài đã tắt hơi, phải quét rọn chung quanh chỗ ngài nằm cho thật sạch sẽ, rồi buông màn xuống cho khỏi ruồi muỗi theo phép nhà nước đề hai mươi bốn giờ đồng hồ, mong rằng hoặc ngài có sinh hồi được chăng?...

— Con cháu phải nên hết tình thương xót. Nhưng chỉ nên đau đớn ngấm ngấm mà không nên cố ý trang-tác vật vã kêu gào quá. Nghĩa là con đối với cha mẹ phải nên «thực» vậy.

— Sau khi hai mươi bốn giờ bảy giờ các con phải thân vào vén màn và lấy nước ngũ-vị-hương lau rửa ngài cho thật sạch sẽ. Rồi

lấy quần áo mới hoặc quần áo sạch mà kính cần thay vào cho ngài. Cha thời các con giai phải thay. Mẹ thời các con gái phải thay.

Thay quần áo xong thời sắp để nhập quan. Trước hết sắm một cái quan bằng gỗ thật tốt, lau rửa trong quan, cho thật sạch sẽ. Lại may một cái chăn đơn, dài khải bề ngang độ 4 thước ta, bề dài độ 6 thước ta; bằng vải lụa, gấm, vóc, tùy nhà giàu nghèo. Rồi đặt ngài vào giữa chăn cho thật ngay ngắn, các con độ sáu người (tí thời cả cháu, hoặc anh em nắm lấy chung quanh chăn sẽ rước ngài vào trong quan. Đặt ngài vào quan xong thời gấp chăn đắp kín ngài lại. Song đầu vào đấy, các con lui dần ra hai bên; các người giúp việc vào đây váan thiêu, đóng danh gần mạch cho thật kỹ, rồi rước quan để ra giữa nhà. Để thiết linh-tọa.

III

TỪ SAU LÚC NHẬP QUAN. ĐẾN LÚC AN TÀNG SONG

— Đặt quan xong thời bày một cái hương án ra phía ngoài quan. Trong nhất để ảnh ngài, ngoài thời bày các đồ tự ni. Rồi người con trưởng (hoặc cháu thừa trọng) vào thắp hương rót rượu quỳ xuống khấn rằng :

«Nhập quan đã xong, xin thiết Linh-tọa. [cẩn cáo]»

Khấn xong lạy hai lạy. Rồi các con theo thứ tự đều vào lạy hai lạy.

Lễ-phẩm thời rầu rượu với hoa quả, nhất là đèn cho sáng hương thật thơm. Ngoại giả các đồ thực thực nên trước hết.

Làm lễ Thiết linh-tọa xong, thời làm lễ Thành-phục. Các tử tự Ngũ-phục xin đều theo như cổ chế. Duy có đại-tang thời thiết tượng nên dời thế này :

« Con trai con gái, con dâu, nghĩa là các hàng trăm-thời. Cũng «đều may áo xô. Vấn đề vậy «thích», đề «vậy phụ bản», nhưng «nên may chừa như áo mặc thường, mà không nên lộn lộn

« lụng thụng như trước. Đầu không dùng mũ, chỉ đội khăn sô, « duy người trưởng thời bỏ quây, mà con thứ thời quần không « cho có sai biệt.

« Đến như gậy thời cõ-nhân đã nói rằng :

« Vì người con hiếu đau thương quá hóa ra bệnh tật, không thể « đi được, nên mới dùng gậy để đỡ sức... Vậy thời thiết tưởng « chỉ có người tật bệnh mới nên dùng gậy. Nếu vẫn khỏe khoắn « như thường thời không nên làm bộ ra thế để làm gì. Nghĩa « là con đối với cha mẹ phải nên « thực tình mà không nên giả « hiếu» vậy.

Hiện nay ở các tỉnh thị, hoặc các con quan, các nhà phú-bộ, đã nhiên người theo bần-âu-phục, thời sự dễ trở cũng nên theo như ầu-chế. Đạo hiếu cốt ở trong lòng, còn như phục sức bề ngoài chỉ là tỏ ra một cái dấu hiệu, cho có sai-biệt với người thường mà thôi. Thiết tưởng việc ấy cũng không nên quá ư câu nệ.

Sau khi mặc tang-phục song thời vào làm lễ thành phục. (Theo như nghi-tiết đã đời ở thiên thứ nhất. Tiết thứ 3 nghi tiết thứ 2).

— Làm lễ Thành-phục song thời lập Minh-tĩnh. Minh-tĩnh tức là cái biệt biếu của người chết, tất phải nên có. Nhưng cứ tùy danh hiệu của mọi người mà viết, tưởng cũng không cần phải tính theo 4 chữ Quý, Khố, Linh, Thỉnh vậy.

— Sắp song các công việc đề cử-hành rồi, thời vào làm lễ khiên-diện đề cử hành, Nghi tiết theo như cổ, mà giảm bớt như thế này,

Chấp sự xướng :

« Tang-chủ tựu-vị, (tang-chủ vào đứng trước linh-lộc)

— Quý, (tang chủ quỳ xuống)

— Phân-hương (một người chấp-sự vào thắp 3 nén hương cắm lên bình hương)

— Châm-tửu (một người chấp-sự vào rót 3 chén rượu).

— Chúc cáo từ, cất một người thông hiểu lễ nghi gọi là chúc nhân vào quỳ bên hữu tang-chủ mà khấn hay rằng : « Xe liền sắp ruỗi, một biệt nghìn năm. Đại-lễ tuân theo, kính dâng khiên-diện Cẩn cáo» Khấn xong lui ra.

- Phủ phục (tang-chủ lễ xuống).
- Hưng (giấy).
- Bái (4 lạy).
- Bình thân.
- Lễ tất.

Phụ chú vào nghi tiết này : Sao ở trong nghi-tiết này mà lại giảm bỏ tiết «cử ai» và tiết «ai chỉ» ? -- Sự ai thương cốt bởi tự trong lòng mà ra, người có tình thương thời dù không khóc mà chỉ ứa hai hàng lệ thấm cũng là thương. Người không thương thời dẫu kêu khóc rầm rĩ khản cổ mất tiếng cũng đều là giả dối. Vả sự thương đã bởi trong lòng thời lúc nào bỗng đứng sực động đến nỗi thương tâm thời tự nhiên ứa lên tiếng khóc, tuôn rơi hàng lệ, chứ có phải là sự bắt buộc được đâu. Nếu khóc mà đến nỗi bảo được khóc thời khóc, bảo rằng thời thời thôi, thời cái khóc đó tưởng cũng không lấy gì làm đáng trọng; phương chi việc tế lễ cốt phải cho bình-tĩnh nghiêm trang mới đủ tỏ lòng tôn kính. Nếu cứ vừa lễ vừa kêu trời kêu đất, kè kè kè kè thời tưởng người ngoài trông thấy cũng khó coi, nữa chi là vong linh người thác, ta đã phải tôn kính như thần minh thời coi sao được ? Vậy thiết-tưởng khi cha mẹ mất, người làm con muốn khóc lúc nào thời khóc, duy lúc tế không nên khóc. Từ đây về sau, có dùng đến nghi-tiết nào, xin đều theo một nghĩa ấy mà giảm bỏ đi cả... — Sao giảm bỏ « Chúc quán tẩy » Phàm người đã dự vào việc tế-lự, ai là không phải rửa ráy cho sạch-sẽ, nếu đợi đến bấy giờ mới quán tẩy, chẳng cũng muộn lắm ru ? Huống-chi choèn choèn một cái thau chứa được độ một bát nước, lúc rửa chỉ đắp ngón tay vào làm kiêu, thời sạch sẽ đâu những cách rửa như thế ? đã không thể rửa sạch, thời còn bày vẽ ra làm chi ? Vì một lễ đó mà các nghi-tiết sau, cũng xin giảm bỏ tiết quán-tẩy..

--- Khi cử hành thời các người dịch-phu rước cữu lên dự cho êm-ái bình tĩnh. Phải nên giữ gìn cho cực kỳ cẩn thận.

THỜ TỰ CỬ-HÀNH

--- Trước nhất là Minh-tĩnh. — Thứ hai đến các câu đối của các người đến thăm, và của con cháu, trên hương-án bày toàn hương hoa đèn nến).

Ở trên tỉnh-thành bây giờ đã có nhiều người thăm bằng vòng hoa, những người mang hoa thời nên đi sen lẩn với câu đối cho đều.

Thứ tư đến phường nhạc, chỉ dùng một dây sáo, một chiếc nhị, một chiếc đàn, thổi, gảy cho thật êm ái tỉ mỉ, đừng dùng trống.

Thứ năm đến Linh-sa để ảnh Vong-nhân thứ sáu sau Linh-xa dùng hai người : một người cầm trống khêu, một người cầm kiềng. Cách độ hai phút thời điểm một tiếng, cho đều.

— Thứ bảy đến đại-dư.

— Thứ tám đến các con giai.

— Thứ chín đến các con dâu con gái.

— Thứ mười đến các hàng cháu giai, gái phải chia ra làm hai bên, không nên đi lẫn lộn.

— Thứ mười một đến các bậc tôn-trưởng và các người quen biết đi đưa, cũng giai gái chia hai hàng.

— Khi ra đến huyết thời các con, các cháu, các người đi đưa đều đứng răn ra, để cho các người dịch-phu rước cữu hạ huyết

— Khi hạ huyết xong, tang chủ và các con giai vào ngắm cho thật ngay ngắn, rồi đứng ra hai bên, chờ xem có ai đọc văn viếng không?... Nếu không thì một tang chủ lạy tạ hai lạy rồi đứng dẫn ra, trông cho dịch-phu lấp.

— Khi lấp xong, thời từ tang chủ đỡ xuống, đều đến trước mộ vái hai vái, lui ra. Một mình tang chủ đến quỳ trước Linh-xa người chúc vào quỳ bên tang chủ mà khấn rằng :

«Nay đã an táng xong xin rước Linh vị về Linh-Tọa», rồi tang-chủ lạy hai lạy. Song thời rước về.

Phụ chú về việc cử hành

1) Con cháu đi đưa có nên khóc không?-- Không, sự thương sót vốn bởi tự trong lòng mà ra, có thương thì chỉ ứa hai hàng nước mắt cũng là đủ, hà tất phải khóc. Ta thử xem cách tống táng của người Âu-Tây, mà chính người mình cũng đã lắm nhà bắt chước. Chỉ có một cái xe kéo linh cữu rất là giản tiện, mà rất có vẻ nghiêm trang. Tuy không có chỗ ỉn kêu ỉn khóc lóc rêu rao, mà người nào người ấy đều có cái ý thăm đạm âu sầu, hiển hiện ra nét mặt, khiến cho người khách qua đường cũng phải ngậm tình ai cảm. Vậy thời khóc lóc mà làm chi?

2) — Có nên trống phách không ? — Không, âm ma là một sự âu sầu thâm, rất phải nên bình tĩnh nghiêm trang. Có phải dám rước hội, dám múa sư-tư dân mà trống phách !

3) «Sao không có cờ Đan-triệu ? — Đã có minh-tĩnh làm biệt hiệu cho người chết, thời bà tất phải dùng cờ đan-triệu ! . . . Huống chi cờ đan-triệu, dân ông thời viết chữ «trung tín» dân bà thời viết chữ «trinh thuận» nếu gặp phải vong-nhân là bác lái trâu, chàng đại bợm; dân bà là mẹ chứa thổ, ả giang hồ thời cái con mắt người ngoài, trông thấy mấy chữ ở cờ Đan-triệu ấy ra làm sao ? . . . Linh-hồn của vong-nhân đối với mấy chữ ở cờ đan-triệu ấy ra làm sao ! . . .

4. có nên dùng đại dư như trước không ? Không. Đại-dư ta làm trước nặng quá, khó nhọc dịch-phu quá, phải nên làm nhẹ nhẹ hơn mới tiện. Huống chi tang là hung lễ, mà dư của ta lại sơn thếp đỏ ối, thật không hợp. Vậy thiết nghĩ ta đã theo lễ Tàu lấy đồ trắng làm hung-phục, thời dư cũng nên sơn trắng mà bắt chỉ đen, cũng như cái phủ quan của người Âu-Tây, dùng vải đen mà viền trắng. Tuy có khác nhau mà cũng đều hợp lễ cả. — Còn như nhà táng, tưởng cũng phí tiền mà vô ích. Duy những nơi, chưa có nhà dư bằng gỗ, thời hãy nên dùng để che quan cữu nhưng cũng không nên dùng nhiều sắc đỏ quá như trước .

V

CÁC NGHI-TIỆT SAU KHI AN-TÁNG

— Sau khi rước Linh-vi về đến nhà thời làm lễ phản - khốc Lễ phẩm cũng chỉ lấy rượu, hoa quả, hương-nến làm trọng nghi-tiết Phản-khốc nay đời như sau :

Chấp-sự xương :

Tự lập.

— Phản-hương (chấp sự vào thắp hương).

— Cúc cung-pái hai lạy

— Hưng

— Hồi thân.

— Châm tẩm, (chấp-sự vào rót rượu) .

— Tang chủ dĩ-hạ giai quy.

Độc chúc. (có chúc thời độc, không thời chúc vào khăn thay thời xướng rằng : chúc cáo-từ

— Phủ-phục.

— Bai (4 lạy)

— Hưng.

— Bình thân... Phần chúc, (không có chúc thời thời câu này)

— Lễ tất.

— Lễ-phản-khốc xong thời chọn một người con cháu biết viết, rửa sạch sẽ, khăn áo chỉnh-tề, bắc ghế ngồi trước Linh tọa mà đề chủ. Cứ viết vừa đủ duệ hiệu thời thôi, không phải tính Quý, Khốc, Linh, Thỉnh, Đề xong đề lên khám. Người đề ấy lạy tạ bốn lạy.

— Sắp yên công việc thời tế ngu (nghĩa tế ngu đã nói ở trước). Tế ngu chỉ dùng một người Thông - xướng mà thôi người Dẫn-láo. Cử một người Chúc đề dẫn chủ - nhân lên xuống. Ngoài giả những người Chấp-sự thời có : một người họa, hai người dâng, ba người dài-trần : một người Chú hồ. (Phải bày ba hồ cho tiện đề hồ lên Linh-tọa) một người độc chúc.

Nghi tiết :

— Tán xướng :

« Tự-lập.

— Xuất chủ (chúc vào mở khám đề chủ ra).

— Phần hương (chúc vào thắp ba nén hương đưa cho tang chủ. Tang chủ dơ lên chân khăn rằng : « Xin phụ, (mẫu) thân từ trên dương giáng cư thần vị).

— Cúc cung bái (hai lạy)

-- Hưng (những tiếng « hưng » đều là người họa).

— Bình-thân, Giáng-thần. (một viên chấp sự bưng hồ rượu, một viên bưng dài chén, đến hai bên chủ nhân)

— Quy. (chủ-nhân cùng chấp sự đều quỳ ; chủ nhào rót rượu vào chén

— Loại tửu (chủ-nhân bưng chén rượu đề ngang chân, mặt khăn rằng : « Xin phụ (mẫu) thân tự dưới âm lên cư Thiên vị.» cáo xong đồ cả chén rượu lên Xa mao)

- Phủ phục.
- Hưng.
- Bình-thân (sẽ lui một tí
- Cúc cung bái (2 lạy)
- Hưng .
- Bình thân . . . phục-vị.
- Tham-thần, cúc cung bái (2 lạy)
- Hưng.
- Bình-thần:
- Sơ hiến lễ, nghệ Trú-trác-tiền, (chúc dẫn chủ nhân đến chỗ để rượu
- Châm tửu (chủ nhân rót rượu).
- Nghệ Linh-tọa tiền, (chúc đi trước đến chủ nhân đến chấp sự bưng dâng, dài chẵn bên kia một dâng một hồ),
- Quy. (chủ nhân và người bưng dài đều quì rồi đưa rượu^u cho chủ nhân.— dâng đứng 2 bên)
- Điện-tửu : chủ nhân đón lấy cả ba dài dơ lên trán vái ba vái rồi chấp sự đón lấy từng dài một, dâng lên Linh Tọa —dâng đi trước —một người khác vào cất mâm dài mang ra trú trác để dâng
- Phủ phục,
- Hưng.
- Bình-thân.
- Quy..., Giai quy. (xuất ngũ phục đều quỳ)
- Ti-chúc viến, phủng chúc nghệ độc chúc vị. (người vào chúc lên phủng chúc đến quỳ bên hữu chủ nhân
- Độc-chúc .
- Phủ-phục.
- Hưng.
- Bình-thân cúc cung bái (một chủ nhân 2 lạy)
- Hưng.
- Bình-thân phục-vị (chúc lại đầu chủ nhân xuống).
- Á-hiến lễ nghệ Trú-trác-tiền (. . .)

- Châm tửu
- Nghệ Linh-tọa tiền... Quy.
- Điện-tửu.
- Phủ-phục
- Hưng
- Bái (2 lạy)
- Hưng.
- Bình-thần... phục vị.
- Chung hiệu-lễ, nghệ Trú-trác-tiền
...(Lại cứ như á-biến mà xướng...)
- Bình-thần, Phục-vị.
- Điều m-trà (một chấp-sự bưng khay nước đến quì đưa cho
chủ-phụ, — vợ tang chủ — chủ phụ đề lên ngang
chán với 3 vái rồi chấp-sự tiến lên Linh-tọa
- Từ-thần cức cung bái (đều lạy hai lạy)
- Hưng
- Bình thần, phần chúc.
- Nạp chủ. (chấp sự phủng thần chủ đề vào khám)
- Lễ tất

Phụ chú :

1.— Trong nghi-tiết này, sao giảm bỏ « Tiến soạn » Cứ theo nghi-tiết mới này, thời chỉ lấy « rầu rượu, hoa quả » làm lễ phẩm, nên không có gì gọi là « soạn » Vả lễ phẩm phải nên sắp sẵn chỉnh tề rồi mới lễ chứ nếu đến lúc lễ rồi mới tiến chẳng cũng muộn lắm rư ! Trước đã giảm tiến soạn, nên sau mới giảm triệt soạn.

2.— Sao giảm lễ-tửu ? Lễ-tửu là thay vong-nhân mà lễ các vị Tiên-nông. (nghĩa ấy đã nói ở nghi-tiết cũ). Nhưng kỷ-niệm các vị Tiên-nông một cách như thế, tưởng cũng tiết độc, không trang trọng. Vả sao biết Thần-minh không tự lễ được, mà phải lễ thay ? ừc đoán như thế thật không phải.

3.— Sao không có hựu-thực ? Vì nghi-tiết cổ không tiết cả hồ rượu lên, nên phải dùng tiết hựu thực để rót thêm, giờ đã dùng ba hồ, lần nào cũng để hồ lên rồi. Nên giảm bỏ hựu thực.

4)— Sao không có «chủ-nhân dĩ hạ giai xuất» «Hạ môn»? — Lòng đau sót của cha mẹ đối với con, lúc nào không đau sót cứ trông thấy mặt mới đau sót.

Nếu lòng đã đau sót thời hồ dễ ngảnh mặt ra mà người được ? Huống chi đã chánh thời phải chánh xa, chứ ngảnh như thế mà đã gọi là chánh, rồi ai ? rồi trẻ con ư ?

—Vấn-đáp gia lễ nói rằng : «tạo quỷ-thần chỉ hướng u-âm, cửa mở thời dương lộ, nên đóng cửa, là ý muốn quỷ thần hâm-hưởng cho đủ vậy». Nếu đã tin ở nghĩa «quỷ thần chỉ hướng u-âm» thời sao không tế ban đêm, cho thật đúng nghĩa ? Huống chi mình bày ra tế lễ, chỉ là một cách tưởng-tượng cho tỏ lòng tôn-kính, chứ đã chắc đâu là ngài hâm hưởng mà đóng cửa để ngài hâm hưởng cho đủ ? Lại xem như lễ tế Xã-tắc tế ở văn-chỉ võ-chỉ, cũng đều tế-lộ thiên cả. Tế xã-tắc, tế văn-chỉ, võ-chỉ, không phải là quỷ thần ru ? sao không trọng hướng u-âm ? Vậy tưởng mấy tiết này đều nên giảm bỏ.

5) — Sao bỏ «Chúc hi-hâm» ? — Ở lễ cũ, dưới tiết này chưa rằng.. « người chúc đứng ngảnh mặt vào trong, đằng hắng 3 tiếng, là ý báo cáo cho thần biết sẽ sắp mở cửa vậy». Vì thế rên tiếp tiết này đến ngay tiết «khải môn» (mở cửa). Ôi ! đã gọi là quỷ-thần mà lại còn phải đằng hắng để báo cho, thời còn gọi là quỷ thần được nữa ru?.. Thật chái lăm vậy.

6) — Sao không có «Cáo lợi thần?» — Ở dưới tiết này chưa rằng : «người chúc thay lời thần đáp tạ chủ-nhân, tỏ ý đã hâm hưởng no đủ vậy». Ôi ! mình tế-tất chắc đã ra gì mà giám báo là quỷ-thần hâm hưởng no đủ ? Huống chi mình biết sao được là quỷ-thần đã hâm hưởng no đủ ? mình đã không biết, mà giám tự tiện nói thay như thế, chẳng hóa ra ức đoán thần mình ru ? thật chái lăm vậy.

— Sau khi tế Sơ-ngu, đến ngày thứ hai thời tế Lai-ngu, ngày thứ 3 thời tế Tam-ngu. Nghi tiết đều như Sơ-ngu. (Nếu nhà nghèo thời thôi cũng được Duy có một điều nên chú ý là : phạm lễ phần chỉ lấy «hoa quả, rượu, đèn hương» làm trọng. Còn các thực thực nên giảm bớt cả. | Lúc tế cũng cứ giải chiếu cho sách sẽ, phải biết rằng : đạo hiếu cốt ở thành kính, chứ không ở đâu những sự đất cát bần thủ ấy. (1) - Lúc tế, chỉ nên dùng một cái kiếng để đi m vào những lúc dứt câu xướng. Lại dùng phường nhạc đi theo lúc dâng rượu, cho có vẻ trang nghiêm (phường nhạc chỉ dùng đàn, sáo và nhị) còn các trống cái, trống con đều giảm bỏ cả.

1) ở lúc có tang, những khi tế lễ đều nên giảm bớt cả.

Sau khi an-tàng, cách một trăm ngày (3 tháng mười ngày), thời làm lễ Tốt-khốc. Nghi tiết cũng như lễ-ngu. Duy có khác «Độc chúc ở bên tả chủ-nhân thời»
 Từ đó, có thể đi thăm viếng được cả.

* *

Phụ chú : Nếu sau khi Tốt khốc mà đã đi thăm viếng, chẳng chái vơi nghĩa : «cư tang bất diếu» ư ? — Cỗ-nhân đặt ra lễ cư tang bất diếu, vốn cũng là thể ở bụng người con hiếu mà ra. Vì bụng người con hiếu sợ đi thăm viếng người, thời giảm mất tấm lòng thương sót của mình chăng ? Nên mới không giảm đi. Song thiết tưởng tấm lòng thương sót cha mẹ khác, mới cảm tình đối với người ngoài khác, quyết không lẽ nào vì đi thăm người ngoài mà giảm mất tấm lòng thương sót cha mẹ mình đi được. — Vả người ta ở đời tất phải có giao thiệp đi lại với nhau, đã có giao-thiệp đi lại, thời nhà nhau có xảy ra việc gì biến cố, thời phải thăm viếng hỏi han nếu nuy rằng có tang mà lờ đi, chẳng cũng vô tình lắm ru ? Vậy thiết tưởng sự thương sót chỉ cốt ở trong lòng, còn cách giao tiếp thù ứng bề ngoài, thời nên tùy nghi mà liệu sử không nên cố chấp.

— Lễ tốt-khốc song, đầy một năm thời làm lễ tiểu-tướng. Lại một năm nữa thời làm lễ Đại-tướng. Nghi-tiết Tiểu, Đại tướng cũng như Ngu-tế. Còn cách thay áo thời cũng theo như cỗ-chế (Ở tiết thứ 3 nghi tiết thứ 16).

— Đủ 27 tháng thời làm lễ Đạm-tất. Các hàng Trảm-thôi, thay hết áo trở đi. Lễ Đạm-tất nếu có lễ thời theo như nghi-tiết Ngu-tế, nếu không có lễ thời làm lễ 4 lễ, chủ-nhân quỳ khấn rằng :

(Nay đã Đạm-ất kính xin trừ phục). Cẩn-cáo

NHỮNG VIỆC PHỤ THUỘC VỀ VIỆC TANG.

Việc tang mà ăn uống linh đình thật là vô nghĩa vô lý, (đã nói ở tiết thứ nhất, Thiên này). Duy còn ở những chốn nhà quê những làng chưa theo được tục cải lương, còn bó buộc về cái tục «giả nợ miệng», thời hoặc có phải ăn, nhưng nên đề sau khi an-tàng sẽ ăn, thiết đừng ăn uống ngay từ lúc chữa an-tàng.

II

Nên trừ tuyệt hẳn tục biếu đái. (như bánh giầy, nem, thịt lợn quay v.v.) Phải nên biết rằng: Những người đến thăm viếng nhà mình là vì tình vì nghĩa, chứ không phải vì cái bánh biếu đái ấy. Nếu mình có cảm cái ơn nghĩa của người ta, thời chỉ nên viết mấy lời đăng báo tỏ tình cảm tạ, hoặc viết thư bỏ đến tận nhà, cũng là đủ. Nếu cứ theo lối cũ thời vừa ra ý khinh nhờn kẻ khách đến thăm, mà lại phiền phí vô ích.

III

Nên trừ tuyệt sự bỏ dầu ma— Thánh-nhân dạy rằng :

«Tang sùng gia chi hữu vô». Nghĩa là việc tang nên tùy sức nhà giàu nghèo. Lại dạy rằng : «Tang chi hồ ai nhĩ chi.» Nghĩa là việc tang nên rất tình ái thương mà thôi— Vậy việc làm ma chỉ nên tùy sức nhà giàu nghèo, mà cốt nhất là ở sự thương xót. Thiết không nên bày ra phiền phí mà bỏ ban làm gì. Huống chi lúc cha mẹ chết là lúc rất đau đớn của con, còn hay hóm gì mà bỏ với bán? Nếu cha mẹ có ba, bốn giai, năm, sáu rề chẳng nữa, tưởng cũng chỉ tùy tình mà góp được đồng nào thời góp. Người ít cũng coi như người nhiều người không cũng coi như người có, không nên ganh tị mà mất tình thân ái.

Tiểu đây xin hiến đồng bào một tấm gương rất quý báu, đủ khiến cho mình nên trông ngấm mà noi theo, Tức là tục làm ma ở bên Nhật-bản vậy.

Nước Nhật-bản từ khi duy-tân đến giờ những sự hư-ngụy vô ích trong dân gian, họ đều bỏ hết được cả. Phàm những lễ văn vô nghĩa lý cũng trừ tuyệt không dùng. Trong một nhà nào mà cha hay mẹ mất thì người con đăng mấy hàng lên báo chương nói rằng : *Tên tôi là mỗ, nay nhân cha (mẹ) mất, tôi xin làm việc báo hiếu, tự xin bỏ một món tiền là...* (Nhiều ít tùy lực) bỏ vào làm công sản trong xã hội (hoặc ngân hàng thương-cục v.v.) để làm một vật kỷ-niệm vĩnh viễn cho cha (mẹ) tôi.»

Ngoài ra như vợ làm cho chồng, chồng làm cho vợ, hay anh em làm cho nhau cũng chỉ có một cách thế mà thôi. Ấy cách

hiếu của người Nhật chỉ có thể, mà thực có một cái ý-nghĩa sâu sa biết chừng nào. Cái cảm tình của người sống đối với người chết như thế mới là tiếc thương. Muốn cho kẻ chết rồi lại còn được lưu cái chút công với nhân-quần xã hội, còn bác hiểu gì cho bằng :

Mong rằng đồng-bào ta cũng nên mau mau bỏ những sự phiền phi vô ích cũ, mà noi lấy tấm gương tốt ấy vậy.

CÁCH THỨC GIẤY CÁO - PHÓ

Cáo-phó là giấy báo tin cho những người quen biết, thân-thích, biết rằng cha (mẹ) mình đã mất. Và phải nói rõ đến ngày nào thời sẽ cất đám, để cho người thân thích, quen biết hoặc có muốn đến thăm hay là đi đưa cho kịp. Thể thức như sau :

Nếu đăng báo thời viết rằng

Chúng tôi rất thâm sầu đau đớn, có lời cáo phó các ông các bà, các... biết cho rằng :

**Thân-phụ (mẫu) tôi là...*

(Chức, hiệu, tên)

Bất hạnh tạ thế hồi... tại... hưởng thọ... tuổi, chúng tôi tuân theo di-huân (1), định đến hồi... ngày... thời an táng tại...

Nay kính phó

Cô-lử ai tử)...

Dâu...

Đề...

Cháu trai...

Cháu gái...

Đồng bài

1) Nếu ở nhà quê thời thêm ba chữ " và hương ước" vào đấy.

Nếu gửi đến tận nhà thì đòi rằng : Có lời kình phó, ngài biết cho rằng : (lại như trên)

KỂ THĂM VIẾNG

* * *

Những người đối với nhà tang chủ mà có quen biết, có thân thích, sau khi đã biết tin, nếu ở xa thì gửi giấy chia buồn, nếu ở gần thì cũng nên đến thăm. Phúng-nghi tùy tình không cử gì hậu bạc.

Lúc đến thăm thì trước hết báo người nhà vào báo với Tang-chủ, cho biết rằng mình đến thăm. Rồi báo người nhà liễn-lễ lên Linh-tọa. Nếu Tang-chủ có ra liếp thì nói mấy câu chia buồn, rồi hỏi thăm về việc tang, có tốn kém hết nhiều không?.. Nếu tang-chủ nghèo quá, mình cũng nên tùy linh liệu sức mà giúp đỡ.

Truyện song, vào trước Linh-tọa cung kính lễ hai lễ, lễ song, lui ra, rầu nước song thì cáo từ ra về. Thiết đừng ăn uống gì.

— Nhà tang chủ cũng phải nên biết sự mời mọc thế không phải là hay ho gì mà đừng mời).

Hoặc người không đến thăm được thì nên đợi lúc cử-hành mà đi đưa. Lúc đi đưa phải khăn áo chỉnh tề, nét mặt thật ngay ngắn, đừng có truyện trò cười nói gì. Khi ra đến huyệt thì đến trước mộ đứng vài hai vãi, rồi lui ra cáo từ tang chủ mà về.

THẺ THỨC THƯ CHIA BUỒN

* *

Những người thân thích hoặc quen thuộc với tang-gia, mà không đến thăm và đi được, thì gửi giấy chia buồn, Thẻ thức thư ấy đại khái như sau :

1

THƯ VIẾT CÓ GỬI CẢ LỄ-PHÚNG.

« Kính liếp tin Tôn-dại-Nhân (1) (tạ lỵ về tiên, «chút linh cây

1. Nếu là đệ tang-chủ thì viết tôn-thái-Tử. Nếu là ông hoặc bà tang chủ thì viết là 卹 tôn-thái Ông, Tôn Thái-Thất.

« gió, (1), khôn xiết ai hoài. Ngặt vì đường xa, (hoặc bận việc, « không thể thân điếu. Kính dâng lễ mọn, gọi chút phúng-nghi « giám mong chi-tiến, cảm-tạ vô cùng. Sau xin lấy lễ chề tình, « dùng quá đau đớn, trước yên Tôn-sông, sau thỏa hạ tình, Nay kính

2

THƯ VIẾT CHIA BUỒN KHÔNG

« Kính tiếp tin Tôn-dại-nhân... tạ tạc về tiên, chút tình cây gió, « khôn xiết ai hoài, Ngặt vì đường xa, không thể thân điếu. Vạy « xin có mấy lời trân trọng chia buồn cùng ngài và quý-quyển».

TANG-CHỦ ĐỐI VỚI KẺ ĐẾN THĂM VIẾNG

* *

Tang-chủ đối với những người đến thăm viếng, nếu là người ở cùng một làng, thời sau khi an táng 3 ngày, tức là song tuần Tam-ngũ, nếu Tang-chủ được rảnh thời đến tận nhà người đến thăm viếng ấy mà tỏ tình cảm tạ, nếu không đi được thời sai con hoặc cháu, hoặc anh em đến tạ ơn thay cũng được.

Nếu ở làng khác, hạt khác, tỉnh khác, thời viết giấy, hoặc in giấy gửi đến mà tạ ơn. Hoặc muốn tiện thời đăng báo cũng được. Thẻ thư viết giấy như Sau :

Nếu gửi đến tận nhà thời viết rằng :

« Chúng tôi chẳng may phụ (mẫu) thân tạ-thế, ngài đủ lòng « thương, đã hạ-cổ đến thăm, lại cho lễ phúng (1) Nghĩa nhơn, « ăn sâu, khuất còn đều cảm. Mấy lời kính tạ, tỏ chút vì thành». nay kính tạ.

Có lử'...

1) Nếu chỉ đi đưa không thời viết rằng : ngài đủ lòng thương ra đưa tận huyết». Nếu có lễ không đưa thời viết rằng : Ngài đủ lòng thương, ban cho lễ phúng. »

1) Nếu lão ông bà tang chủ thời đổi câu này là : nghĩ con biển cổ...
— Cả hai dưới cũng đổi như vậy.

Nếu đăng báo thời viết rằng :

«Chúng tôi rất lấy làm cảm tạ các ông, các bà, các... đã đủ lòng thương mà đưa đám Thân-phụ (mẫu) tôi hôm...»

Nay cảm tạ

Cô-tử...,

TIẾT THỨ BA

Nói về tục cải táng

* *

Người mất sau khi đoạn tang rồi, hoặc một vài năm nữa, thì con cái lo cải táng.

Trước hôm cải-táng, làm lễ cáo từ-đường, mặt cáo rằng :

«Nay nhân tiên khảo (lễ) thổ-phách táng phải chỗ đất không yên, muôn phần lo sợ, kính chọn ngày... giờ... cải táng sang chỗ .. (nơi nào).

Cẩn cáo

Rồi các con trai, chế áo Ti-ma mà mặc, đợi đến khi cải táng.

Sau khi cải táng ba tháng thì bỏ áo Ti-ma đi.

* *

Sách Táng-thư nói rằng :«có 5 điều sau này, sẽ nên bàn cải táng.

1. Nhà lỏng dựng sa sút ;
2. Cây cỏ ở trên mộ tự nhiên khô héo .
3. Trong nhà tự nhiên sinh ra kẻ râm loạn.
4. Con trai con gái cần bậy điên cuồng .
5. Kiện cáo luôn luôn, tiền tài hao tán.»

Xem như thế thời việc cải-táng cũng là một việc bất-lắc-dĩ của cổ nhân, ta cũng không nên coi lấy làm thường mà ai ai cũng cải táng vậy.

NHỮNG ĐIỀU NÊN CHÚ Ý VỀ VIỆC CẢI TÁNG

1. Phải nên tìm nơi cao ráo mà chôn, không nên chôn ở những nơi thấp chũng.
2. Lúc mới mở quan huyệt nên tạt lách ra hai bên cho há bớt hơi độc, rồi sẽ vào nhặt xương.
3. Chỗ vừa cải-táng xong, phải vùi lấp lại cho xạch sẽ, đừng hở tung tãi mà người trông thấy ghê hãi.
1. Không vui vẻ gì, sung sướng gì, mà rượu chè ầu uống.

Khi cải táng

Trước hết phải sắp sẵn một cái tiểu bằng sành, lau rửa cho sạch, mang ra để sẵn bên mộ. Đem sẵn một nồi nước ngũ-vị-hương, cũng để bên mộ. Khi đã đào xong, mở ván thiên ra rồi. Thờ các con trai xuống nhặt xương. (con trai không quen việc, thời người khác nhặt thay cũng được). Nhặt cho có lần lượt, thứ tự, nhặt mỗi cái xương lại dội nước ngũ-vị-hương, rồi sẽ xếp vào tiểu cho cẩn thận. Khi đã nhặt và xếp hết xương, thời đây nắp tiểu lên. Rồi rước sang huyệt mới, chôn lấp cho cẩn thận. Chôn lấp xong, bày rầu, rượu hương, nến lên trước mộ, người chủ sự quỳ xuống khấn rằng: «Nay nhân đời sang cát huyệt, mọi việc đã xong, kính dâng tạ lễ, xin thấu nỗi lòng. Cầu - cáo.» Khấn xong, lạy 4 lạy, lui ra, các con cháu đều vào lạy tạ, cùng chỗ về. - Theo Thọ-mai-gia-lễ thời khi táng xong, làm lễ tế ngay ở trước mộ, mà nghi tiết theo như tế ugn. Nhưng thiết tưởng tế-lát như thế không tiện, nên về đến nhà rồi sẽ tế, nghi-tiết nên theo như đã đời ở Thiên Chú Hai. Nếu nhà nghèo hoặc còn bận nhiều bó buộc, thời giảm đi cũng được. Chỉ nên làm lễ theo như nghi tiết cát-ky ở dưới Tiết thứ Tư. Mà nhời khấn thời cũng như lúc khấn ở trước mộ.

BÀN QUA VỀ VIỆC CẢI-TÁNG VÀ ĐỊA-LÝ

Cải tục cải táng ở nước ta thật đã thành ra một cái tập-quan rất sâu cay, khó lòng nói cho hiểu lẽ mà trừ bỏ ngay được. Nhưng cứ lấy cái đại-khái mà nói thì việc cải táng ở nước ta giờ thường có chia làm hai phái :

Một là phái vô-ý thức. — Phái này chiếm một phần đại đa số ở trong quốc dân. Họ chỉ biết người chết đến 3 năm thì cải-táng, chứ họ cũng không biết bởi sao mà cải-táng? Hay là có nên cải-táng hay không?

Hai là phái hữu sở-vị. — Phái này cũng rất nhiều. Có người vì hiềm hơi con cái mà cải-táng; có người muốn cầu công danh mà cải-táng; có người vợ tật bệnh mà cải-táng... Họ tin rằng cát địa có thể phát phúc; cho nên họ mới mượn cái nấm xương khô kia để làm cầu tiến thân cho họ, nay chôn chỗ này mai vui nơi khác, lời đi sách lại, chẳng khác cái đồ của chủ đi cầu vậy.

Nay tóm lại cả hai phái mà xét thời phai trên đã gọi là phái vô-ý-thức, tưởng cũng không cần phải bàn đến để làm gì. Duy có phái dưới thời phần nhiều cũng là kẻ hơi có trí thức, vì hơi có trí thức nên mới biết hữu-sở-vị mà vác xương cha mẹ đi để định tìm lối tiến thân l. Ôi ! công danh phú quý, vốn bởi tự tài trí học thuật mà nên, chứ lẽ nào vì một nấm xương khô mà tự nhiên phát phú phát quý được ! Haông chi có đối với cha mẹ, lúc sống đã phải thờ cho hết hiếu, khi chết, phải hết lòng mà kính trọng di-hài. Cho mười phần cần thận. Đến khi đã nhập quan rồi, không khi nào ta lại giẫm mở ra, nghĩa là ta không nỡ trông thấy cái di-hài của cha mẹ ta nát nát vậy.

Tiếc thay cái phong tục truyền-nhiễm đã lâu, kẻ dân ngu thời khó bảo, người trí thức thời mê-lín, khiến cho càng ngày càng như mưa thấp đất, càng thấm càng sâu; chỉ trừ-phí có một phe nào có cái mệnh lệnh bắt buộc của nhà nước, thời cải hủ tục ác-tập, cải-táng này hóa mới giản bỏ đi được chăng ? Điều đó thật nên lấy làm mong lắm vậy.

Đến như việc địa-lý thời lại viễn-vông huyền hoặc lắm,

Nguyên đời vua Hán-vũ-Đế, cái chuông ở trong cung Vị-trưng không ai đánh mà tự nhiên kêu. Vũ-Đế hỏi Đông-phương-Sóc. Tàn rằng : « đồng là con núi, núi là mẹ đồng, khí loại tương-cảm với nhau. Nay vô cớ chuông kêu, hẳn là có núi đồng lở chẳng ? ... » Quả ba ngày quả-nhiên ở nam-quận báo tin có núi đồng lở .

Sách địa-lý dẫn điển trên này cho rằng địa-y cũng một lẽ cảm-ứng như vậy. Có nói rằng : Người ta chịu cái di-thể của cha mẹ, hể hài-cốt của cha mẹ được chỗ sinh-khí thì con cái cũng được mát mặt, nghĩa là huyết-mạch liên can với nhau vậy .

Lại xét các nhà phong-thủy có tiếng xưa nay như bọn Quách-Phác, Trần-đoàn bên Tàu, ông Tả-ao, Hòa-chích bên ta, cứ như lời lưu truyền lại, thì cũng lắm điều linh-nghiệm, không dám quyết hẳn cả là hoang đường. Song cứ mục-kích bây giờ thì chỉ thấy những ông phong-thủy nói thánh thì nhiều, mà không thấy gì là hiện-nghiệm. Ông nào cũng có được vài ba hộ sách địa-lý nào bình sa ngọc sách, nào ngọc-thủy chân-kinh, đi đâu cũng có chóc long có địa-bàn, cũng dò dẫm tìm-lòi chỗ gò cao, nơi nước dể, chỗ này chỗ con kim, chỗ kia gọi con thỏ. Ông thì tự đặc học được phép cụ Tả-ao, ông thì tự-đặc tìm được kiểu đất cao-biên. Ông lại nói ngoa rằng : mắt trông thấu ba thước đất.

Nghe lời các ông hàn học, thì rắn trong lỗ cũng phải bò ra, ai chưa học đến địa-lý cũng phải chịu. Song chỉ hiềm tai nghe thì hay, mà mắt không được trông thấy cái hay đó. Hoặc giả sách vở đời trước cũng như lời của các ông chẳng ?

Thôi nhưng, Địa-lý dù có dù không, chưa có người kẻ cứ cho hết lẽ, thì cũng chưa biết thế nào mà dám nói. Duy có một điều mà lại chính là của nhà địa lý dạy, là câu « Tiên-tích-đức hậu-tầm long. » nghĩa là chừa đức trước, rồi sau sẽ tìm đất. Xem đó thì người ta quý-hồ ăn ở cho phải đạo, chứ không nên vì công danh phú-quý mà chỉ chăm một đường đi tìm đất. Vả địa lý vốn bởi tự bên Tàu, mà Tư-mã Ôn-công là danh-tướng đời nhà Tống xin cấm hết sách địa-lý. Cho là một sự cản dõ, làm cở hoặc nhàn tâm. Người Lữ-tài cũng bài bác phép địa-lý cho là yêu vọng xem đó thời biết từ xưa cũng nhiều người không tin địa-lý. (Một đoạn trên, trích ở bộ Quốc-sử).

Tại lại xem như các nước văn-minh đời nay, chôn người chết hợp cả làm một chỗ, ngay như những làng theo đạo Gia-tô ở ta bây giờ cũng thế, nào người ta có quản gì phương hướng, tìm gì long-hổ, mà sao người ta vẫn giàu có hiền vinh, vẫn đông đàn giải lũ, ấy đó, chính là một cái gương sáng cho ta đó, Địa lý mà không hiểu thấu cái khoa học của cổ nhân thời thà đừng làm còn hơn. Vậy muốn biết phải đợi bộ «Khoa-Học-Địa-Lý» sẽ in ra sau này...

TIẾT THỨ 10

Lễ cát kị

Lễ cát-kị, theo như nghi-tiết cổ thời quá phiền. Vậy xin châm chước đôi như sau :

«Trước hết chủ nhân vào lễ 4 lễ, rồi quỳ xuống, một người «chấp sự vào thắp ba nén hương, đưa cho chủ-nhân, chủ-nhân «dâng lên ngang chân mặt cáo rằng: «Kính xin Tiên-khảo (tỉ) «linh ở trên dương thời xuống cư thần-vị» rồi đưa hương cho «chấp sự cắm lên bình. Chấp sự lại rót một chén rượu đưa cho «chủ-nhân, chủ nhân đỡ chén rượu xuống Xa-mao, mà mặt «cáo rằng : «Kính xin Tiên-khảo (tỉ) linh ở dưới âm thời lên «cư thần vị». Khấn song, lạy xuống đứng giây lui xuống một «bước, lạy hai lạy— Rồi lại vái một cái, đứng lên chỗ trước, quỳ xuống, mặt cáo rằng Duy... năm... tháng... ngày... Huyện... «xã... tự tử là... Kính lạy... (lễ vật gì) dâng lên trước linh - vị «Tiên-khảo (tỉ chức họ hiệu) phủ quân (nhụ-nhân) mà cáo rằng: «Nay nhân gặp ngày ky-nhật, kính dâng lễ bực gọi tổ tể thành, «giám mong Tiên-khảo (tỉ) thiêng-liêng soi xét mà hàm - hưởng «cho, cần cáo».

« Khấn song lạy xuống, đứng giây, lui xuống một bước, lạy 2 «lạy, rồi bước lên một bước, quỳ xuống, một người chấp sự «vào rót rượu ở trên linh tọa. Rót rượu song, chủ - nhân lạy «xuống, đứng giây, bước xuống một bước, lạy 4 lạy. Lễ song».

Chủ-nhân lễ song rồi, thời con cháu, theo thứ tự vào mà lễ.

Lễ phẩm lấy «rượu, hoa quả, lương nễ» làm trọng. Các thực đều nên giảm cả.

Khi lễ đã xong cả, trên từ chủ-nhân, dưới đến các hàng ti-ấu đều thứ tự mà ngồi, phải cho yên lĩnh nghiêm trang, không nên ồn-ào cười nói, mà mất vẻ tôn-kính. Rồi chủ-nhân lược thuật hững các ý hạnh (nết tốt) và sự nghiệp của vị cúng kị hôm ấy cho các kẻ dưới nghe. Lại lấy những điều nhân, nghĩa, lễ, tín, cung, kính, hiếu, hũu, giảng giải và khuyên bảo các hàng dưới. Cách hai giờ đồng hồ hạ rượu, hoa quả phân thụ thần hney, rồi giải tán.

...

Giở lên nghi-tiết cát-ky là ngu-ý của bĩ-nhân lạm nghĩ như thế, nên chẳng cái đó xin tùy ở nhân tình.

Thiết-lưởng ky-nhật là một ngày chung-thần chi tang, thì là ngày thương xót, ngày buồn rầu, đáng lễ chỉ nên đóng cửa mà thương nhớ mới phải. Mà dẫu có theo tục dùng cách cúng tế, làm kỷ niệm chẳng nữa, thì nên làm một cách cho giản tiện: miễn là tỏ được chút lòng với tổ tiên là đủ, tưởng không nên bày vẽ cho thêm tốn làm gì. Nếu có của mà muốn họp mặt anh em bà con, khoản đãi khách khứa, thì tưởng nên dùng vào những dịp vui mừng còn phải hơn.

Lại xem như tục Âu-châu, nhớ ngày húy nhật, con cháu chỉ đem bó hoa ra thắp ngoài mả, rồi dỡ ra về thôi thôi, chứ tuyệt không có ăn uống gì.

Tục Nhật-bản cũng chuộng lễ tự, nhưng đến ngày kị, con cháu chỉ đem hương hoa cúng mà thôi.

Xem những tục đó tuy là thâm đạm mà tỏ lòng thành kính biết chừng nào?

PHỤ-LỤC LỄ CAO THIÊN

Theo lễ nhà thường chỉ được thờ có bốn đời

1 Cao-tổ (ky) 2. Tằng tổ (cụ)

3 Tổ (ông) 4. Khảo (cha)

Giờ có cha mất, thờ cha tức là Hiền-khảo mà Hiền-khảo trước (cha xưng). sẽ phải đổi là Hiền-tổ (tức là đối với mình, mà Hiền-tổ đổi làm Tằng-tổ Tằng-tổ đổi làm cao-tổ còn vì Cao-tổ tức là đã đứng vào bậc năm đời phép phải điều (tức là chôn) không được thờ nữa. Vì vậy mới phải làm lễ cáo-thiên nghĩa là làm lễ đổi để lại thần chủ vậy. Trước khi lễ, chủ nhân vào làm lễ thắp bái rồi mặt cáo rằng :

Duy... năm .. tháng... ngày Tự tôn kính cáo lễ liệt vị tiên tổ

Tên hiệu gì... phủ-quân

Tên hiệu gì... nhụ-nhân

» Phủ-quân

» Nhụ-nhân

» Phủ-quân

» Nhụ-nhân

» Phủ-quân

» Nhụ-quân... rằng :

Nay nhân Cao tổ-khảo... Phủ quân, và Cao tổ tử... Nhụ nhân thân hết nên diêu. Vậy xin cải đề :

....: Phủ quân làm : Cao tổ khảo

....: Nhụ-nhân làm : Cao tổ tử

.....Phủ quân làm : Tằng tổ khảo

..... Nhụ nhân làm : Tằng tổ tử

..... Phủ quân làm : Tổ khảo

.... Nhụ nhân làm : Tổ tử

Thế thứ đổi thay cảm tình khôn xiết Kính dâng lễ bạc mong
thấu chút thành Cần cáo

Làm lễ xong, theo thứ tự mà cái đề. Còn bài vị Cao-lỗ trước thờ rước ra mộ vị Cao-lỗ ấy chôn đi. Bấy giờ mới rước thần chủ của cha mẹ — tức là hiền khảo lý — mình vào mà hợp tự.

* .

Xét cổ lễ chỉ bực thiên tử và vua nước Chư-hầu mới được thờ riêng thần chủ ở Diêu-miếu, còn kẻ thường không có miếu thờ phải chôn đi. Bởi vì đã hết « tình thân » rồi vậy. Thiết tưởng người ta nếu là kẻ có trí thức có thiên lương thì cái mối tình cảm đối với tiền nhân dù trăm đời nghìn đời cũng còn phẳng phất như ở trong lòng đã biết thế nào là hết thân ? . . . Lễ chế là cốt để ngăn ngừa sự cần dỡ, còn như tấm lòng lối dối với cổ nhân, tưởng chỉ nên bồi thực thêm mà không nên tài-giảm bớt vậy.

Duy cái cách đề chủ dùng những chữ Cao, Tăng, Tò, khảo nhờ thế thời chỉ có bạn, mà đến khi muốn đề thêm một thần chủ nữa không biết đề là gì. Vậy xin đổi đề là Đệ nhất thế. . . nghĩa là đời thứ nhất đời thứ hai. . . cứ theo như thế thời mãi cho đến 3 4 mươi đời cũng đề được. Đại khái như ông thủy tổ Bà th ủy-lỗ thời đề rằng :

Đệ nhất thế mỗ công phủ quân Thần chủ.

Đệ nhất thế mỗ thị nhụ nhân Thần chủ

Theo như thế thì vừa mình bạch vừa giản dị, con cháu đời sau trông thấy biết ngay là ông lỗ mấy đời, đời càng nhiều thời sự quan cảm càng nhiều sẽ gây nên một mối tình liên lạc với cổ nhân rất sâu sa đậm thắm vậy.

(1) **Phụ chú ở trên bài khấn :** Trên bài cáo trên này là làm lễ về khi chưa cái đề nên trong lòng vầu các cụ ông chỉ xưng phủ quân các cụ bà chỉ xưng mỗ.. nhụ-nhân. Bởi thần chủ Cao-lỗ bấy giờ đã nên điều, mà các thần chủ tăng Tò Khảo chưa cái đề lên, nên các Tăng, tổ khảo không viết hẳn vào lòng vầu.

LỄ PHẦN HOÀNG

* *

Phần-hoàng nghĩa là người đã thác mà được triều-dinh truy-tặng, thời lấy giấy vàng sao sắc thư ra một bản, rồi kính đốt cho Tiên-linh, để người chết xuôi cũng được thắm ơn Vũ-lộ.

Khi được có sắc truy-tặng, trước lấy cái khay đặt hai đạo sắc thư (một đạo chính, và một đạo sao) để chính giữa hương-án. Tế cáo gần xong thì đốt bản sao đi.

Nghi tiết.

Trước hết chủ-nhân quán-tây, Nghê-hương-án tiền, Quy, phần-hương, Cáo-từ rằng :

«Nay (con . . .) làm quan, nhờ được sắc thư (truy-tặng-Khảo-
«lễ (hoặc Tử), Giám xiu kính cáo làm lễ Phần-hoàng. Xin kính
«rước Thần-chủ Hiền khảo (lỗ) . . . phủ quán, Hiền-tử (lỗ tử)
« . . . hoặc Phu-nhân . . . ngự ra c hình lâm đề cải-đề».

Cáo xong, Phủ-phục, hưng. Rồi chủ-nhân phụng thần-chủ đem ra đặt trên án, rửa sạch quan tước, sơn lại phần mới, dọi khố mà cải đề. Đề xong, lại tiến Thần-chủ lên ý, rồi làm lễ Phần-hoàng.

Thông-tán :

«Tự lập. (nếu người làm quan mà có cha anh, thì cha anh
vào chủ tế, mà mình thời đứng ở bản vị mình)

— Tham-thần cúc-cung-bái. (4 lạy)

— Hưng.

— Bình-thân Giáng-thần.

Dẫn tán :

«Quán-tây, thuế cân.

— Nghê hương-án tiền.

— Quy.

— Thượng hương.

— Loại-tửu... Phủ-phục (2 lạy).

— Hưng.

— Bình-thân phục-vị.

Thông-tán

Tiến-soan. Sơ hiến lễ.

Dẫn tán :

— Quán tẩy.

— Nghệ Hiền khảo, Hiền ti thần vị tiền.

— Quy ... Tế-tửu.

— Phủ-phục (2 lấy)

— Hưng.

— Bình thân.

— Nghệ độc chúc vị... Quy.

Thông tán:

— Trai quy, Độc-chúc.

— Tuyên chế-từ. (một người Lễ sinh đứng trước hương án ngảnh về phía đông mà đọc).

Dẫn-tán :

— Phủ-phục.

— Hưng.

— Bái (2lấy)

— Hưng.

— Bình-thân . . . phục-vị.

Thông-tán :

Á hiến lễ. (có cha, anh thì cha anh vào làm lễ Sơ-hiến, còn người đương quan vào Á hiến).

Dẫn án :

— Quán-tẩy ... Nghệ Hiền khảo, Hiền-ti thần vị tiền.

— Quy.

— Tế-tửu, Điện-tửu ... Phủ-phục (2 lấy).

— Hưng.

— Bình-thân ... Phục vị.

Thông-tán :

— Chung-hiến-lễ.

Dẫn-tán :

Quán-tẩy . . . Nghệ Hiền-khảo, Hiền-ti thần vị tiền. (lại như Á-hiến)

Thông-tán :

— Hạp-thực. — Hạp-môn. — Khái-môn. — Hiến trà. —
Phần-hoàng. (cùng với chức văn đối ở trước hương án).

— Từ-thần các cung bái. (4 lấy)

— Bình thân. — Lễ-lễ.

VĂN PHẦN-HOÀNG

... Vị-liên rằng : «Nay con kính vàng Tiên-huấn, dự chức
«triều đình, ngửa đội ơn vua, kịp người sinh trước. Vừa ngày
«.,. tháng...năm...kính-phụng cáo (thư, truy tặng (hoặc tái -
«tặng thi đôi làm gia tặng) Hiền khảo làm... Hiền-tử làm ...
«Trộm nghĩ : ân-dung xa cách, truy dưỡng chẳng hay : kính
«phụng Cáo-thư, cúi, mừng khôn xiết ! Cần sao dâng dổi mong
« được xét soi.

Kiên cáo

* *

LỄ CAO MIẾU

Miếu tức là nơi đề thờ Tiên-tổ mình vậy. Gặp những khi như
thăng quan, thi đỗ, với sinh con, thời làm lễ cáo. Nghi - tiết
theo như lễ Thập-bái. Lời cáo rằng :

Duy...năm...tháng...ngày... Tự-tôn..., kính cáo :

Hiền-cai tổ-khảo. .	Hiền-cai tổ-ti...
Hiền-tằng tổ-khảo...	Hiền-tằng tổ-ti...
Hiền-tổ-khảo...	Hiền-tổ-ti...
Hiền-khảo...	Hiền-ti...

Nay nhân ngày... tháng... được móng ơn bổ nhiệm (quan
chức, hoặc tỉnh phủ nào...) Cần cáo

Hoặc sinh con thời chủ-nhân vào làm lễ thập bái, chủ phụ-
bế con ra đứng đằng sau. Chủ-nhân cáo rằng :

Nay nhân ngày... tháng... giờ... người vợ... (thứ mấy, tên gì)
mời sinh hạ con trai (hay con gái, cúi xin làm lễ yết-miếu.

Cần cáo



PHỤ - LỤC

QUAN-CHẾ

* *

1

CHÁNH-NHẤT-PHẨM

Văn : Cáo-Thụ Đặc-Tiến Vinh-Lộc Đại-phu, Thụ : Văn-nghị.

Võ : Cáo-Thụ Đặc-Tiến Tráng - võ Tướng-Quân, Thụ : Võ-nghị.

1

TÙNG-NHẤT-PHẨM

Văn : Vinh-Lộc Đại-phu. Thụ : Văn-ý.

Võ : Tráng-Võ Tướng-Quân. Thụ : Võ-khác.

Vợ đều được gọi là ;

«Chánh-nhất-phẩm Phu-nhân ».

2

CHÁNH-NHỊ-PHẨM

Văn : Tư-Thiện Đại-phu. Thụ : Tráng-Lượng.

Võ : Nghiêm-Oai Tướng-Quân. Thụ : Trung-cần .

2

TÙNG-NHỊ-PHẨM

Văn : Trung-phụng Đại-phu Thụ : Trang-khai .

Võ : Hùng-Oai Tướng-quân, Thụ : Trưng-phấn .

Vợ đều được gọi là :

«Nhị phẩm Đoan nhân».

3

CHÁNH TAM PHẨM

Văn : Gia-ngi Đại-phu, Thụ : Ôn-mục .

Võ : Anh-dũng Tướng-quân, Thụ : Anh-lúc .

3

TÙNG TAM PHẨM

Văn : Trung-ngi Đại-phu, Thụ : Ôn-Tiêu

Võ : Phấn-Võ Tướng-quân, Thụ : Anh-Mục

Vợ đều được gọi là :

«Tam-phẩm thực nhân».

4

CHÁNH TỬ PHẨM

Văn : Trung-thuận Đại-phu Thụ : Đoan-cần

Võ : Minh-ngĩa Đô-ủy, Thụ : Tráng-Dực

4

TÙNG TỬ PHẨM

Văn : Triệu-liệt Đại-phu Thụ : Đoan-Lượng

Võ : Tín-Nghĩa Đô-ủy, Thụ : Tráng-ngĩa ,

Vợ đều được gọi là :

«Tử phẩm cung nhân».

5

CHÁNH NGŨ PHẨM

Văn ; Phụng-ngbị Đại-phu, Thụy : Đoan-chức.

Võ : Võ-công Đô-úy, Thụy : Tráng-nhuệ,

5

TÙNG-NGŨ-PHẨM

Văn : Phụng-Thành Đại-Phu, Thụy : Đoan-thận.

Võ : Kiến-công Đô-úy, Thụy : Tráng-Hiền.

Vợ đều được gọi là :

« Ngũ-Phẩm-Nghi-nhân. »

6

CHÁNH LỤC PHẨM

Văn ; Sắc-thụ Thừa-Vụ-Lang, Thụy : Đôn-Nhã

Võ : Tráng-Tiết Kỵ-úy, Thụy : Hùng-kính.

6

TÙNG-LỤC-PHẨM

Văn : Văn-Lâm-Lang, Thụy : Đôn-Túc

Võ : Tráng-Tiết-Tả Kỵ-úy, Thụy : Hùng-tiết.

Vợ đều được gọi là :

« Lục-Phẩm An nhân »

7

CHÁNH-THẤT PHẨM

Văn : Trương-Sĩ-Lang, Thụy : Đôn-Giản.

Võ : Hiệu-Trung Kỵ-Úy, Thụy : Hùng-quả,

7

TÙNG-THẮT-PHẨM

Trưng-Sĩ-Tá-Lang, Thụy : Đôn-kính,
 Hiệu-Trung Tá-Kỵ-úy, Thụy : Hùng-cảm.

Vợ đều được gọi là :
 «Thắt-phẩm-an-nhân»

8

CHÁNH-BÁT-PHẨM

Văn : Tu-chức-Lang, Thụy : Cung-Doãn,
 Võ : Trung-Tín-Hiệu-úy, Thụy : Dũng - kiên

8

TÙNG-BÁT-PHẨM

Văn : Tu-Chức-Tá-Lang, Thụy : Cung-Ý,
 Võ : Trung-Tín-Tá-Hiệu-úy, Thụy : Dũng-Mậu,
 Vợ đều được gọi là:
 «Bát-phẩm nhụ - nhân»

9

CHÁNH-CỬU-PHẨM

Văn : Đãng-Sĩ Lang, Thụy : Cung-Mậu,
 Võ : Hiệu-Lực-Hiệu-úy, Thụy : Dũng-lệ

9

TÙNG CỬU-PHẨM

Văn : Đãng-Sĩ-Tá-Lang, Thụy : Cung-Phác,
 Võ : Hiệu-Lực-Tá-Hiệu-úy, Thụy : Dũng-Mậu,
 Vợ đều được gọi là :
 «Cửu-phẩm nhụ-nhân»

Phụ-Lục

Mấy câu đối thông-dụng thuộc về việc tang

I

NÚI HỒ (DĨ) MÂY CHE

II

XE HẠC SA CHƠI

Phụ chú bốn chữ trên này dùng về đám tang cha mẹ; Nếu cha thời đề chữ « HỒ » mẹ thời đổi dùng chữ « DĨ ». — Bốn chữ dưới đám tang nào dùng cũng được.

III

Tơ tóc chưa đến ăn cức dục,
Khuất còn thêm ngán nỗi tang thương.

Phụ chú : Câu này thông dụng vào tang cha mẹ

IV

Đôi ngả Âm-dương, trời đất bỗng gây cơn đại biến.
Một nhà tang tóc, khuất còn thêm gọi mối thương tâm.
Phụ chú : câu này thông dụng đám nào cũng được.

V

Cõi phật bỗng dời xe vịch biệt
Khách-trần thêm gọi mối thương tâm.

VI

Xe hạc bỗng chơi nơi cực lạc,
Bóng câu thêm cảm kiếp phù sinh.

Phụ chú : hai câu này thông dụng vào các đám Tang.

MẤY CÂU THUỘC VỀ VIỆC MỪNG.

I

Mấy câu thông dụng về đám cưới.
Cầm sắt vui vầy

III

Phượng loan đẹp lứa

III

Nhân duyên âu-hân gây từ trước,
Phúc-lộc chờ xem hưởng mãi sau.

IV

Tiếng nhạc vui hòa duyên mới bén,
Hoa đào hơn hở vẻ thêm tươi.

*
* *

V

(Mấy câu thông dụng về việc thọ).
Chén thọ đã nghiêng bầu Bắc-hải,
Tiệc mừng xin mượn chúc Nam-sơn.

VII

Tuổi hạc càng cao

...

VIII

(Mấy câu thông dụng các đám mừng)

Gấm thêm hoa

IX

Đám ấm vẻ thêm xuân bát ngát,
Vui vầy cảnh đức phúc lâu dài.

X

Cối tục đất gây nền phúc-lộc,
Dưới thêm xuân được vẻ tri-lan.

Phụ Lục

NGHI TIẾT TẾ THỌ

* *

Ngày hôm tế thọ, sáng ngày, mời ông Thọ lên ngồi ghế giữa nhà (Thọ tịch); các hàng con cháu đều khấn áo chỉnh-tề. Một người chấp sự vào đứng bên đông xướng:

Tự lập (Tức thời trai gái chia làm 2 hàng, nam tả, nữ hữu, người trưởng ở trên, người ấu ở dưới)

— Xướng: Cúc cung bái (xuất cả cùng lạy)

Hưng.

Bái.

Hưng, Bình thân.

Trưởng-giả Nghê-tôn-tọa-tiền (một người trưởng đến đứng trước ông Thọ: một người ấu bưng đài chén đến đứng bên tả, một người ấu nữa bưng hồ rượu đến bên hữu)

— Xướng: Quy (cả ba người cùng quỳ)

— Xướng: Châm-lưu, (người trưởng nâng cao đài chén, người ấu bên hữu rót rượu vào chén, rồi cả hai người ấu ấy lui)

— Xướng: Chúc thọ, (người trưởng nâng cao đài chén lên chúc rằng: « Kính xin Tôn-thần, gặp ngày lành này, hưởng đủ 5 phúc, giữ họ yên nhà, » chúc xong một người ấu bưng đài chén ấy tiến lên ông Thọ, ông Thọ đón lấy uống, rồi đưa chén cho người ấu cất đi, người ấu lại lui xuống đứng vào chỗ cũ).

— Xướng: Phủ-phục, (người trưởng lễ xuống)

Hưng, Bình-thân.

Phục-vị, lui xuống chỗ đứng trước)

— Xướng: Cúc cung bái, xuất cả cùng lạy)

Hưng,

Bái,

Hưng,
Bái,
Hưng,
Bái,
Hưng,
Bái,
Hưng, Bình thân.

- Xương : Thù-Tửu : (một người chấp sự bung dài chén đến chỗ ông Thọ, ông Thọ rót rượu vào chén).
- Xương : Thù-tửu. (người trưởng đến trước ông Thọ, ông Thọ đưa cho chén rượu, người trưởng đón lấy để lên trên bàn)
- Xương : Cúc-cung-bái .
Hưng. – Bái .
Hưng, Bình-thân .(người trưởng bình thân rồi thì bung lấy chén rượu)
- Xương : Quì(người trưởng quỳ xong, uống chén rượu, người chấp sự đón lấy chén cất đi, rồi người trưởng lại xuống)
- Xương : Hưng. (Đến đây thì ông Thọ sai người chấp-sự rót rượu cho xuất cả hàng con cháu, hàng con cháu đều quì xuống mà uống. Khi đến người chấp-sự bung cổ vào chia làm hai, một phần bày ở ngoài để cho bên trai : một phần bày trong nhà, để cho bên gái)
- Xương : Mệnh-tọa (ông thọ bảo cho ngồi)
- Xương : Cúc-cung bài (2 lạy)
Hưng, Bình-thân.
Các-tự-tịch (suốt cả hàng con cháu đều vào liệc, uống độ 2, 3 chén rượu, rất vui vẻ)
- Xương : Các xuất tịch (lại đều ra cả đứng như trước).
- Xương : Cúc cung bài (2 lạy)
Hưng, Bình thân
Lễ tất.

* *

Giờ lên nghi tiết tế thọ, là theo ở trong Ôn-công Cư-gia tạp-nghi mà dịch ra ; cứ theo như thời tục thời đến khi hành lễ cũng có

tăng giảm châm-chước nhiều, Thuật-giả còn được trộm nghe khi quan Bô-chính Đại--đồng là Nguyễn-huyền, ngài có sửa lại nghi-tiết rất hay, vậy xin kính chép ra đây, để công đồng lãm, nếu ta theo được, thời thiết tưởng có phần hay và vui hơn nghi-tiết cổ nhiều, vì việc thượng thọ là một lễ rất đáng vui mừng của kẻ con em đối với ông bà cha mẹ, ta cũng bất phương tiết-văn cho thêm vui vậy.

Nghi tiết

(Trước hết ở giữa nhà bày một Thọ-tịch, ở hai bên tả, hữu bày hai bồi-tịch).

— Chắp sự xướng : -- Khởi-chính-cổ.

— Nhạc-cống khởi nhạc.

— Cung thỉnh, Thọ ông (song thọ thời xướng cả thọ bà) dâng Thọ . tịch. (Phường-nhạc cử - nhạc, rước ông Thọ lên thọ-tịch.— Chiếu giữa)..

— Cung thỉnh Thọ-bằng dâng bồi tịch (mời các ông, các bà, bằng vai với Ông, bà Thọ, chia tả hữu ngồi lên Bồi tịch)

— Tự lập (giai, gái chia ra hai hàng đứng như nghi-tiết cổ)

—Hành-bạ thọ-lễ, cúc-cung-bái. (hai lạy)

Hưng, Bình-thần.

—Đệ-nhất-ban, chúc thọ giả nghệ tôn-tọa-tiền. (Một người trưởng đến đứng trước ông, bà thọ, hai người chắp-sự bưng đài chén, hồ rượu đến đứng hai bên người trưởng)

—Quý (ba người cùng quì)

—Châm lửa (rót rượu như nghi-tiết cổ)

—Chúc thọ (người trưởng nâng đài chén lên đọc câu chúc thọ.— câu chúc này tùy theo nhà mình và đức tính ông bà thọ mà đặt, hoặc mấy câu Lục-bát, hoặc một bài thơ, hoặc mấy câu chúc gì khác, tùy tiện.— Đọc chúc xong, người chắp-sự đón lấy chén rượu, tiến lên ông bà thọ. Ông bà thọ nhận lấy chén rượu, khen ngợi và khuyên bảo mấy nhời, rồi uống rượu đưa giả chén người chắp-sự cất đi)

- Phủ-phục, (người lên chúc thọ ấy lễ xuống).
- Hưng, Bình-thân.
- Phục vị.
- Phân-hiến thọ tửu (người chấp-sự rót rượu tiến sang hai bên Bồi-tịch)
- Đệ nhị Ban, chúc-thọ giả nghệ tôn-loạ-liên. (người thứ hai vào, lại xướng, và chúc thọ theo như người thứ nhất. Nếu ông bà thọ đông con, thời cứ theo như người thứ nhất mà xướng đến « Đệ tam Ban « Đệ tứ Ban » v.v. mỗi một ban chúc xong, đều có phân hiến).
- Chúc thọ-giả các nghệ Thù-lửu vị (những người vào chúc trước, đều húc lên qui hàng chữ nhất (一) ở trước Bồi-tịch (đầu chỗ vào chúc một ít). Rồi chấp sự mang hồ và rượu lên để trước thọ-tịch. (Mấy người chúc thời bấy nhiêu chén) Ông Thọ rót rượu vào chén ấy).
- Thù-lửu. (người chấp-sự đưa rượu cho, người chúc đón lấy uống, rồi lấy xuống).
- Hưng.
- Bái. (Những người vừa được thủ-lửu song, đều lạy 5 lạy)
- Hưng, Bình thân, Phục vị.
- Phân cam ông thọ sai người chấp sự mang các thứ hoa quả chia cho các hàng tỉ-ấu, các hàng tỉ-ấu đón lấy ăn uống một cách cực kỳ vui vẻ).
- Các-tự-vị (các hàng tỉ-ấu lại phải đứng nghiêm chỉnh lại như trước).
- Hành-tạ-tbộ-lễ cúc-cung-bái (2 lạy)
- Hưng, bình-thân.
- Lễ-tất (Lễ xong, thời xuất cả con cháu đều đến trước 2 bên Bồi-tịch lạy tạ 2 lạy)

Phụ chú; theo như nghi-tiết cổ và nghi-tiết sau này thời trước chỗ ông Bà Thọ ngồi chỉ nên bày hoa quả, mà không phải bày cỗ. Và đang khi lễ tất, thiết-lương cũng chỉ nên lấy chén rượu làm vui hơn. Nếu lại bày ra cỗ cỗ nữa, e vừa phiền mà lại không được nhấchăng ?....

Phụ-Lục

Nghi-tiết tế Thần (Thành-hoàng)

Nước ta từ xưa vốn rất sùng thờ về việc tế tự. Ở các chốn hương-thôn, đâu đâu cũng có đình-thờ Thành-hoàng. Theo như cổ-ý, thời vị Thành-hoàng ấy tức là một vị trông coi và ủng-hộ cho hết thần nhân dân trong làng ấy. Làng ấy thịnh hay suy, đối với vị Thành-hoàng ấy đều có quan-hệ. Lễ đó tuy không biết là có không, song vì có sự thờ cúng ấy mà nhân dân sẽ được có một ngày tụ họp, gây thêm tình liên-lạc, mưu thêm cuộc an-ninh, cho khỏi đối với nhau đềunh-đoảng như ao bèo nước lã... thời việc sự thần đó tưởng cũng không toàn là vô công. Vậy đã có thờ thì phải có lễ, đã có lễ thì phải có nghi. Nếu có lễ mà không có nghi thì chẳng lễ cả một làng thờ một vị Thành-hoàng, mà đến ngày «Ky», lại sù sụp với nhau như cái đồ cúng cơm, thờ có chi là phong - thê? Bởi thế, nghi-tiết tế Thần, người mình cũng phải nên cần biết.

Thuộc về nghi-tiết này, ta bấy lâu vẫn theo ở Thọ-mai-gia-lễ. Nhưng xét cũng còn có lắm chỗ rất câu nệ, nên giảm bớt và cải-chỉnh, và người mình từ nay về sau, thiết tưởng cũng ít có người thông hiểu Hán-học, có thể đem Thọ-mai-gia-lễ ra mà tuân theo. Vậy xin phụ lục ra sau đây : để giúp các người gặp khi dự lễ. (Những chỗ nên giảm bớt và cải chỉnh, sẽ xin chưa ngay ở dưới).

CÁCH BÀI TRÍ

Trước hết giải ở trước Hương-án ba chiếc chiếu (giải dọc) can liền với nhau. Làm ba chiếu của viên chủ tế, (chiếu thứ nhất là chiếu Tiến-tước, Đốc chúc, thứ 2 là chiếu Âm-phúc; thứ ba là chiếu phục-vị, lúc mới vào ngay chiếu ấy). Dưới ba chiếc chiếu của viên chủ-tế, lại giải mọi chiếc nữa, làm chiếu lồi tế. Hai bên, tả, hữu, (dứng ngoài trông vào), thời giải chiếu đông Tây xương. (đông bên hữu, tây bên tả). Dưới chiếu đông, tây giải hai hàng chiếu chấp-sự, tùy số quan viên nhiều ít, ở mỗi phía ngoài bày 2 cái đấng, đông, tây đối nhau. Mỗi bên dề một

cây nển bên Đông để ba hồ rượu, và một hạp, bên Tây để ba đài và chén và một lư-hương. Hai bên đầu dăng, có để hai chậu quán-tây (chậu nước rửa chậu nào cũng có để sẵn một khăn tay). Số quan-viên cần phải dự vào việc lễ :

- 1.-- Đông-sưóng.
- 1.-- Tây-sưóng.
- 2.-- Đấng (mang cây nển).
- 3.-- Đài (tiến đài rượu).
- 1.-- Hồ (tiến hồ).
- 1.-- Độc-chúc.
- 1.-- Chuyển chúc.
- 1.-- Thượng hương (vào việc thượng hương)
- 1.-- Người nũa để vào sưóng (lễ vật dĩ-túc).
- 1.-- Bồi lễ.

Trong số 14 người, nếu có đủ càng hay, nhược bằng không đủ, thời hai người thượng-hương, người sưóng «lễ vật dĩ-túc» những viên chấp-sự về việc đài, hồ kia vào thay cũng được. Vì lúc bấy giờ mấy viên ấy còn đứng không.

Nghi-tiết lễ

— Đông-xưóng — Cử-sát-lễ-vật (Nghĩa là xem xét những lễ vật xem có được tinh-khiết và thiếu-thốn gì không?...-- Lúc đó, viên chủ-lễ đi trước, một viên cầm dăng đi sau, và viên nũa đi không cũng đi theo sau. Vào đến điện, (chỗ bày lễ phẩm) viên chủ lễ xem xét xong rồi, đi vòng sang bên tả mà xưóng, còn viên đi không kia thời đi đến chỗ đầu hương - án (bên tây), đứng đó, chờ viên chủ lễ vòng sang đến bên đông (hữu) là chỗ đứng trước rồi. Sê xưóng to lên rằng : «lễ vật dĩ-túc» nghĩa là : lễ vật đã đủ rồi. Rồi đỡ sưóng đứng vào chỗ mình đứng trước,

- Đông xướng :— Ế-mao-huyết. (Nghĩa là chôn bỏ lông và máu. Nếu có thịt trâu, bò, lợn thời xướng câu này. Gà hoặc trai bần thời thôi. --Lúc bấy giờ một người trai đình đem một cái bát đựng sẵn ít lông và máu, chôn bỏ trước cửa đình),
- Đông xướng :— Chấp sự giải các ti-kỳ sự. Nghĩa là ai vào việc nấy.)
- Đông xướng :— Lễ quan giữ chấp sự quan các nghệ quán Tầy sở. (Chủ tế và hết thầy đều đến đứng bên cạnh chậu quán lầy. Người đứng bên nào, thời đến chậu quán tầy bên ấy.
- Đông xướng :— Quán lầy. (Ai nấy đều rửa tay).
- Đông xướng :— Thuế cân. (Ai nấy đều lau tay).
- Đông xướng :— Tế-quán tựu vị. (Viên chủ tế vào đứng dưới chiếu thứ ba).
- Đông xướng :— Bồi-tế-quang tựu vị. (Viên Bồi tế vào đứng dưới chiếu thứ tư).
- Đông xướng :— Thượng hương. (Hai viên dâng, và hai viên chấp sự vào việc thượng hương, đi ra cả 2 bên đàng. Viên dâng cầm lấy dâng còn 2 viên kia bưng lấy hạp và Lư-hương đi lên 2 bên viên chủ tế. Hai dâng đứng chực ngoài, hai viên kia vào đứng 2 bên chủ-tế. Viên chủ-tế mở hạp lấy trầm, bỏ vào lư cho cháy, rồi đón lấy Lư dơ lên chân 2 cái, lại đưa trả chấp sự. Chấp sự đón lấy, theo dâng tiến lên điện. Rồi lại đầu về đấy).
- Đông xướng :— Nghinh thần cú cung bài. (Cả chủ tế, Bồi tế đều lạy).
- Đông xướng :— Hưng. (tất cả 4 lạy),

- Đông xướng : — Bình thân. Hách-sơ-hiến lễ nghê-tửn tôn Sở. (Chủ-tế và chấp sự đi đến chỗ dâng lễ dài, chấp sự bên Đông có mang theo Hồ sang)
- Đông xướng : — Ti-tôn giả cử-mịch. (Người chấp sự mở nút hồ.)
- Đông xướng : — Chúc-tửu. (chủ tế rót rượu).
- Đông xướng : — Nghê đại vương thần vị-tiền. (Chủ tế và chấp sự cùng lên cả chiếu thứ nhất đi vòng lên bên đông. Dâng cũng cùng lên lúc bấy giờ, mà đứng ra hai bên)
- Đông xướng : — Quí. (Chủ tế và viên hương 3 dài quí xuống)
- Đông xướng : — Tiến-tước. Chủ-tế bưng 3 dài dâng ngang chân ba cái)
- Đông-xướng : — Hiến tước. (Chấp sự vào đón lấy từng dài một, ra theo Dâng dâng lên Điện. — Một người khác vào cất mâm dài ra để lên dâng.
— Viên chủ tế quí chờ đấy).
- Đông xướng : — Phủ-phục (Khi chấp-sự đã xuống cả rồi. Viên chủ tế lạy xuống),
- Tây xướng : — Hưng
- Đông xướng : — Bình thân, phục vị. (Chủ tế đứng ngay ngắn lại, rồi đi vòng bên Tây, xuống đứng chỗ chiếu trước. — Thứ 3)
- Đông xướng : — Độc-chúc. Nghê. Độc-chúc-vị (Chủ-tế đi vòng bên đông lên chiếu nhất, lúc này có 2 viên chấp sự cùng lên. Viên bên hữu bưng bản-chúc, cùng đến đứng 2 bên chủ tế)
- Đông xướng : — Giai-quí. (ba người cùng quí).
- Đông xướng : — Chuyển-chúc (Người bên hữu đưa cho người bên tả, rồi đọc) — (?) — Độc song lại đưa cho người bên hữu, rồi cùng đứng giây; cất lên)
- Đông xướng : — Phủ-phục,
- Tây xướng : — Hưng .

- Đông xướng : Bái (hai lạy) .
- Đ. x. Bình-thân Phục-vị (chủ-tể lại xuống chiếu trước)
- Đ. x. Hành Á-hiến-lễ, nghệ-lũu-tôn-sở (như trên)
- Đ. x. Ti-tôn-giả cử-mệnh (như trên).
- Đ. x. Chúc tửu (như trên)
- Đ. x. Nghệ-dại-vương, Thần-vị-tiền (như trên)
- Đ. x. Quí (như trên).
- Đ. x. Hiến-tước (như trên).
- Đ. x. Phủ-phục.
- Tây x. Hưng.
- Đ. x. Bình-thân, Phục-vị.
- Đ. x. Hành trung-hiến lễ v. v. (Lại theo như tuần Á-hiến lễ).
- Đ. x. Phục-vị (Lúc này đã hết tuần Chung rồi).
- Đ. x. Âm-Phúc Nghệ âm phúc-vị, Chủ-tể đi lên quì ở chiếu giữa thứ hai).
- Đ. x. Quí.
- Đ. x. Âm-phúc, (Lúc bấy giờ đã có người bưng một chén rượu thần huệ để trước mặt chủ-tể, Chủ-tể nâng lấy chén rượu ấy để lên chầu, rồi uống một hớp, để xuống).
- Đ. x. Thụ-tộ (Đã có người bưng một miếng thịt boặc gì, tùy tục - Thần-huệ để trước chủ-tể, nhưng không lễ chủ-tể ăn, nên sau khi xướng xong, chủ-tể vái một cái, tỏ ý đã vàng nhậm rồi).
- Đ. x. Phủ-phục.
- T. x. Hưng.
- Đ. x. Bái (2 lạy).
- Đ. x. Bình thân, phục vị.
- Đ. x. Lễ từ, cức cung bái (4 lạy).
- T. x. Hưng.
- Đ. x. Bình thân, phần-chúc (Chủ-tể đứng ngay ngắn lại, viên độc chúc lúc này lên hóa bỏ chúc vắn),
- Đ. x. Lễ tất (Lễ đã xong vái 3 vái lui ra)

Giở lên là nghi-tiết tế thần, dịch theo Thọ-mai Gia-lễ. Nay xin huật những điều sai nhầm, nên cải chính như sau :

1) Chưa quán-lầy mà đã củ-sát tế vật, nếu lúc vào củ-sát ấy mà không được tinh khiết, thời sao ? Đẳng cốt đi trước, đề dẫn lối, và soi cho viên Chủ-tế củ-sát, vậy mà dăng lại đi sau. Thật trái ngược ! Nên cải.

2) Ế-mao-huyết, nghĩa là tỏ cho ông Thần biết rằng con vật tế hôm ấy khỏe mạnh tốt lành vậy. Tỏ ý với ông Thần mà làm trò như thế, thật dối dả, lắm thường ! Nên bỏ.

3) Đã các-tư-kỳ-sự rồi, mới quán lầy, thật chái ngược, nên cải.

4) « Tế quan, giữ Bồi-tế-quan tự vị » câu xướng cũng không gọn, nên cải.

5) « Độc chúc nghệ-độc-chúc vị » Câu xướng chái ngược nên cải

6) Chỉ có « chuyển chúc » mà không xướng độc chúc nữa vậy thời viên bên tả kia cứ đón lấy chúc mà quỳ lạng ư » không minh bạch. Nên cải.

7) Lúc « âm phước » cũng chái ngược như lúc xướng độc chúc nên cải,

Giở lên là chỉ nói cái chỗ nên cải, mà không nói rõ cái có sở dĩ . . . vì e giải quá. Xin duyệt-giả cứ xem nghi-tiết cải ở sau này, thời cũng có thể hiểu được chỗ sai của nghi-tiết cổ.

Nghi-tiết

— Đông xướng Khởi chính-cổ. (đánh 3 hồi chiêng trống).

— Đ. x. Nhạc-công khởi nhạc (Phường nhạc gầy một bản).

— Đ. x. Hiên-tế viên giữ Chấp-sự giả các nghệ quan tầy sở.

— Đ. x. Quán lầy.

— Đ. x. Thuế cán.

— Đ. x. Chấp-sự giả các-ti-kỳ-sự.

— Đ. x. Củ-sát tế-vật.

- Đông xướng : Hiến-tể giữ Bồi-tể các tỵ vị.
- Đông xướng : Thượng hương.
- Đông xướng : Nghinh-thần-lễ các cung bái. (4 lạy)
- Tây xướng : Hưng
- Đông xướng : Bình-thân Hành Sơ-hiến-lễ nghệ tửu-lôn sở (1)
- Đông xướng : Ti tôn giả cử mịch.
- Đông xướng : Chúc tửu.
- Đông xướng : Nghệ Đại-vương thần-vị liên.
- Đông xướng : Giai quí.
- Đông xướng : Tiến-Tước.
- Đông xướng : Hiến-tước.
- Đông xướng : phủ phục.
- Tây xướng : hưng.
- Đông xướng : Bình-thân Phục-vị.
- Đông xướng : Nghệ độc-chúc vị.
- Đông xướng : Ti chúc-viên, phủ phục chúc nghệ độc-chúc vị
(Người đọc chúc mang bản chúc đến đứng
bên tả chủ-tể)
- Đông xướng : Giai quí.
- Đông xướng : Độc-chúc.
- Đông xướng : phủ-phục.
- Tây xướng : Hưng.
- Đông xướng : Bái (2 lạy)
- Tây xướng : Hưng.
- Đông xướng : Bình-thân, phục vị. Hành-á hiến-lễ, nghệ Tửu
lôn sở v. v. (như Sơ-Hiến).
- Đông xướng : Bình-thân, Phục vị. Hành-chung-hiến-lễ, nghệ
Tửu-lôn-sở. v. v. (Như Á-hiến)
- Đông xướng : Nghệ âm-phúc-vị. (2)
- Đông xướng : Âm-phúc.
- Đông xướng : Thụ-tộ.
- Đông xướng : Phủ-phục.
- Tây xướng : Hưng.
- Đông xướng : Bái (2 lạy)
- Tây xướng : Hưng.
- Đông xướng : Bình-thân phục vị.

- Đông xướng; Hành tạ lễ, cúc cung bái. (4 lạy)
- Tây xướng; Hưng.
- Đông xướng; Bình-thần phần chúc.
- Đông xướng; Lễ tất.

1) Chỗ này nếu muốn giản, thời xướng ngay: Hành-Sơ-Hiến Lễ nghê Đại-vương-thần vị tiền (hoặc Long án tiền). Rồi viên chủ tế lên ngay chiếu trên. Chấp-sự mang cả đài, hồ theo lên rồi xướng: Giai quí. Sướng; Cử- mịch v.v. Đến Á-hiến, Chúng hiễn cũng theo như thế.

2) Chỗ này, có nơi xướng nghê-âm-phúc vị song, thời dùng một người Chấp-sự tiếng lồi, đi vào qua trong Điện, ra đứng ở đầu Hương-án bên tả, mà xướng lên rằng, «Tứ, phúc- Tộ» tiếng xướng phải cho uy nghiêm, thay như nhời của thần phán-báo vậy. Lúc đó, viên chủ-tế sẽ «dạ» một tiếng, rồi nhận lấy phúc-tộ. Làm như thế cũng có vẻ uy-nghiêm lịch-sự. (phải dứt bỏ 2 câu xướng: Âm phúc. Thụ tộ.)

TẾ BÀI BAN

Nghi-thiết này, dùng để tế cáo, túc yết, hoặc cỗ thờ luôn. Chỉ phải dùng 1 Đông, 1 Tây thôi. Xau khi các lễ phẩm đã tiến lên song rồi. Viên chủ-tế và các hàng Ti-văn (người vào dự tế) đã mũ áo xong.

Đông xướng; Bài-Ban. (Viên chủ-tế lên đứng 1 chiếu trên. Rồi cử, 2 hoặc 3 Ti-văn đứng vào 1 chiếu giải làm 2 hàng, theo dưới chiếu chủ-tế.)

Đông xướng; Ban tế. (Lúc đó đã đều đứng ngay ngắn cả rồi)

Đông xướng; Hành nghinh-thần-lễ cúc cung bái. (4 lạy)

Tây xướng; Hưng.

Đông xướng; Nghê Đại vương Thần vị tiền (Một chủ-tế lên thôi)

Đông xướng; Quí. (chủ tế quí)

Đông xướng; Giai-quí (xuất cả đều quí)

—Đông xướng. Mật chúc (chủ tế khấn)

—Đông xướng. phủ phục

- Tây xướng. Hưng.
- Đông xướng. Bài (2 lay)
- Tây xướng. Hưng.
- Đông xướng. Bình thân, phục vị. (chủ tế xuống chiếu trước)
- Đông xướng. Hành tạ lễ, cút cung bài. (4 lay).
- Tây xướng. Hưng.
- Đông xướng. Phán Rán. (tức là lễ tất)

Nghi-tiết này, giản, mà có ý-vị bay (Tuy là tế mà tức là làm lễ thấp bài). Nếu lúc tế được đều, cũng đẹp.

PHỤ NHỮNG LỜI KHẨN

1

Lễ Cáo kỵ (kỵ ông Thành-Hoàng)

Duy... năm... Tháng..., ngày, Hiên-Tế (mỗ) cùng đồng dân, kính dâng lễ... Giám cần cáo chưng:... Thần vị tiền viết: Nay nhân gặp ngày kỵ-nhật, kính dâng cáo lễ. Cần cáo.

2

Lễ Mộc dục

..... Nay nhân sắp sửa mộc dục, kính dâng cáo-lễ. Cần cáo.

3

Lễ An-vị

..... Nay nhân mộc dục đã xong, kính xin an-vị. Cần cáo.

4

Lễ Túc yết

.... Nay nhân giờ đã về hôm, lễ dâng Túc-yết. Cần cáo.

5

Lễ tạ

..... Nay nhân dịp-lịch, kính dâng tạ-lễ. Cần cáo.

6

Tiết nguyên đán khấn Thánh-Sur

.....:Nay nhân gặp tiết nguyên-đán, kính dâng lễ bạc, gọi
tổ tể thành.
Cần cáo

7

Các nghề, lúc đi làm, khấn Thánh-Sur

.....Nay nhân tiêu-tử gặp việc...sắp làm, Lễ bạc kính dâng, giảm
mong phù hộ, tai không ý ngoại, tài được ngay-đúng, Cần cáo.

8

Các nghề đi làm về, tạ Thánh-Sur

.....Nay Tiêu-tử nhờ ơn phù-hộ, công việc song xuôi. Lễ bạc
kính dâng, tỏ lòng trần-tạ
Cần cáo

* *

Mấy nhờ! nên biết

Phạm việc tế lễ, chẳng qua là tỏ chút lòng thành kính đối với
quỉ thần, khỏi là một kẻ uống nước sông không nhớ đến nguồn
mà thôi. Chứ quỉ thần, có ham-hưởng gì những đồ « Thực-
Thực » của nhân-gia, mà ta phải bày vẽ cho lắm. Huống chi vì sự
bầy vẽ đó, mà lắm khi lại xảy ra lắm truyện lời thôi rắc-rối, thật
là « *kính chẳng bỏ phần* ». Quỉ thần có biết, tưởng cũng phải cho
mình là « *tiết-độc* » mà « *giáng-tai* » để trừng-trị, như thế có phải
là « *Cầu phúc mà được vạ* » không?... Ai nấy thử ngẫm mà xem.
thiết đừng có mượn việc tế lễ để làm việc ăn uống.

Vậy tế-phẩm ta nên dùng những gì? Xin nói quyết rằng: chỉ
hương cho thơm, đèn cho sáng, hoa quả rầu, rượu, cho
cực-kỳ tinh khiết, đó là đặc-nghị.

T. S.

THIÊN THƯ BA

PHỤ

HÔN LỄ

(LỄ CƯỚI)

*
* *

I

Lễ hôn là lễ gả chồng lấy vợ, cứ theo như luân-lý và văn-hóa riêng ở Á-đông ta, thì sự hôn-nhân là gốc rễ cho phong-hóa xã hội, cho nên cổ - nhân đã nói: «hôn nhân vi vạn hóa chi thủy» nghĩa là hôn nhân là đầu muôn hóa, cho là có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có vua tôi, có bè bạn, có anh em, một cái nền gốc rất có lễ-tiết, có lễ nghi, rất kỹ-càng trọng-đại, để khiến cho trăm nghìn muôn đời về sau đều theo một cái quy-phạm đó mà gây dựng nên cái trật-tự lương-hắc cho gia-đình xã-hội.

Cổ-nhân gọi là «lễ hôn», là có một cái ý nghĩa riêng. Vì đời xưa làm lễ cưới vợ cứ lấy buổi tối làm kỳ hạn (cổ-nhân dùng chữ hôn 昏 này, sau mới đổi thành ra chữ hôn 婚 này) nên mới gọi hôn — Sao lại lấy lúc tối làm kỳ hạn? Là lấy cái lúc đó dương qua âm lại, hai khí âm-dương dao-hoán với nhau, cho nên lấy lúc đó để kết hôn, tức là theo lễ âm dương vậy.

Theo cổ - lễ thời có sáu lễ

1. Nạp-thái
2. Vấn-danh.
3. Nạp-cát.
4. Nạp-chung (Hay là Nạp tễ)
5. Thỉnh-ký
6. Thân-nghinh.

— *Nạp thái* nghĩa là sau khi đã nghị hôn thì nhà trai đem một con nham đến nhà gái, đề tỏ ý sự kén chọn đã lấy nơi đó làm chuẩn đích vậy. Sở dĩ mang chim nham như vậy, là lấy chim nham là loài có nghĩa, không sánh đôi hai lần vậy.

— *Vấn-danh* là lễ hỏi tên người mẹ sinh ra người con gái và chính tên người con ấy gái là gì. Hỏi như vậy là vì cổ-nhân rất trọng về sự mẫu-giáo, con hay, hay-dở, phần nhiều là bởi người mẹ, hỏi thế thời biết được cái tính nết của người con gái ra làm sao.

— *Nạp-cát*, là sửa lễ đem sang nhà gái, tỏ là hỏi được tốt, hai người lấy nhau thực là xứng đôi.

— *Nạp-chưng*, (lệ) chưng nghĩa là «chưng» tệ nghĩa là «lụa» là lễ đem lụa vải hay là đồ quý vật gì để làm tang chưng về sự kết hôn.

— *Thỉnh kỳ*, là lễ xin cho định ngày giờ làm lễ hôn.

— *Thân-nghinh*, là đã được nhà gái nhận lời cho làm lễ hôn rồi, thì đến ngày giờ đã định, người con gái phải cùng với họ hàng thân thích mang lễ đến rước râu về.

...

Giờ lên là cổ-lễ, tiết thú tuy coi như phiền, mà thật có một cái ý nghĩa rất sâu-xa. Vì có làm như thế mới tỏ ra sự hôn-nhân là cố rễ của nền luân-lý vậy.

Thông-thường tục của ta thời

trước hết Lễ giạm, thứ hai đến Lễ-hỏi, thứ ba đến lễ cưới.

— Lễ giạm tức cũng như lễ vấn-danh, tục ta thường hay đem trè, cau, hoặc bánh trái, khi đem lễ đến thời gia-chủ vào làm lễ tỏ-tiên, rồi nhà gái hỏi xem bao giờ cho làm lễ hỏi.

— Lễ-hỏi cũ ư trè, cau, bánh trái, nhưng số trè cau bao nhiêu thời do nhà gái định. Cũng có nhiều nhà bảo nhà gái phải mang lợn, gạo, để mời họ hàng ăn uống, có nhà tốn kém mất đến hàng trăm, hơn một trăm...

— Lễ-cưới hời thế nào cũng phải có ăn uống. Khi đến nhà gái, chàng rể phải vào lễ gia-tiên, rồi vào lạy bố mẹ vợ, lại có nhà đưa đi lễ hết nhà thờ họ đến nhà thờ kia rồi mới đưa dâu. Đến lúc đưa râu về đến nhà gái cũng phải ăn uống; song đó cách ba ngày lại còn phải lễ lại mặt, đem đến nhà gái nhưng, lễ này chỉ hai vợ chồng và vài người nhà đi với thôi.

Xét lễ-hôn ở ta gần hay, thật là bông lông không có gì là chuẩn-dịch, có nhà thời theo cổ, có nhà thời theo tục, lại nhà thời nửa nọ nửa kia, chẳng hẳn là theo về đường nào. — Hôn-lễ là một lễ rất nhón, rất có quan hệ ảnh-hưởng đến nhân quần Xã-hội, nếu cứ dễ vu-vơ như thế thời ra làm sao? Vậy nay xin chân-chước cổ kim dự nghĩ như sau :

I I

NẠP--THÀI (1)

Nhà có con gái đến tuổi lấy vợ, định hỏi con gái nhà ai. Trước hết phải biết người con gái ấy là người thế nào?

1. Bao nhiêu tuổi?
2. Dung-mạo thế nào?
3. Tính nết thế nào?
4. Có nghề-ngiệp gì không?
5. Đã đính-hôn với ai chưa?
6. Có tai tiếng gì không?
7. Có tật bệnh gì không?

Biết đích được bấy nhiêu điều, cha mẹ người con gái cũng thật tình thuận lấy cho con; người con gái cũng thật tình thuận lấy làm vợ. Bấy giờ mới xem đích nhà gái có bằng lòng không? ... Biết đích rồi, sẽ mang lễ Vãn danh.

— Nhà gái chỉ phải biện một cân trè, hoặc trăm cau tươi đem đến nhà gái. Chủ nhà gái, tiến lên bàn thờ, rồi thắp đèn hương làm lễ cáo rằng:

«Nay nhân có con gái tên là...tuổi...có người ở...(dâu...tên...tuổi...) đến xin hỏi làm vợ. Vậy «có phỉ-nghi kính-dâng,cần-cáo»

Lễ xong nhà gái hỏi xem bao giờ cho làm lễ Nạp-tệ. Nhà gái bảo cho biết ngày nôm nào Rồi nhà gái cáo-từ về.

I I I

NẠP-TỆ (2)

Nhà gái đã hẹn đến ngày làm-lễ Nạp-tệ. Đúng ngày, nhà gái mấy người và trâng dễ đến nhà, Sau khi chủ nhân làm lễ

1) Đây là mượn tiếng Nạp-thái của cổ lễ, chứ không phải thật dùng con, nhận như trước. Sở dĩ dùng có lễ này là tỏ ra rằng; hai nhà đã gả con cho nhau, hai bên gái gái đã thuận tình lấy nhau vậy.

2) Nghĩa chữ Nạp-tệ đây cũng là mượn tiếng cũ, mà thực thời cũng không phải của-nả gì. Duy chỉ phải rầu, cau và trè để làm lễ Tổ-tiên và thiết anh em họ mà thôi.

xong thời chàng đề cử igit vào lễ. Lễ xong, nhà gái sai mời mấy người anh em họ hàng đến ăn rầu uống nước, nói rõ cho biết con gái mình đã gả chồng rồi. Và đề cho chàng đề chào biết những người thân thuộc nhà gái. Làm như thế là tỏ ra mỗi tình đã gần thân vậy.

III.

THÂN-NGHINH

Nhà gái đã hẹn cho ngày thân nghinh, thời hôm ấy, năm sáu người nhà gái, và chàng đề, đến nhà gái để đón dâu.

Đến nơi, chủ-nhân vào làm lễ gia-tiên, (lễ thập bát), mặt-cáo rằng:

... Nay có con gái tên là... gả cho... đã đến ngày thân nghinh, kính dâng lễ mọn, gọi tỏ tấc thành.

Cần cáo.

Chủ-nhân lễ xong, chàng đề vào lễ. Khi đó các bà cô đưa nàng dâu ra lễ tạ Tổ-tiên về nhà chồng. Lễ xong vào lạy tạ cha mẹ hai lạy, chàng đề cũng vào lạy tạ, rồi họ nhà gái sắp sửa đưa dâu về.

(Lúc nhà gái đến đón dâu, lễ phẩm lấy hương hoa làm trọng — Nhà gái khoản đãi họ nhà gái lấy rầu nước làm trọng).

Khi về đến nhà gái, trước hết người chủ-hôn vào làm lễ tổ-tiên đề cho nàng dâu vào làm lễ yết-tổ. Chủ-hôn làm lễ thời khẩn rằng:

... Nay nhân con gái là... lấy người con gái tên là... đã thân nghinh rồi, vậy kính dâng lễ mọn cho tân-hôn được vào yết-miếu.

Cần-cáo.

Người chủ-nhân lễ xong thời nàng dâu vào lễ. Rồi nàng dâu vào lễ mừng cha mẹ chồng 2 lễ. Người con gái trước vào lễ tạ Tổ-tiên 4 lễ rồi cũng vào lễ tạ cha mẹ mình 2 lễ.

Các lễ đã xong, nàng dâu ra chào anh em họ. Người bố chồng sẽ chỉ bảo cho biết những người nào là vai-vế thế nào...

« Lễ-phẩm tế Tổ-tiên lấy rầu rượu hương hoa làm trọng khoản-dãi họ hàng lấy rầu nước làm trọng ».

Mấy điều nên « trừ bỏ » thuộc về việc hôn nhân.

1. Nên trừ tuyệt tục tảo-hôn.

Cái hại tục tảo-hôn, bấy lâu dư luận nói đến đã nhiều. Vậy chỉ xin nói qua mấy điều :

1) Nếu tảo-hôn thời sau này đôi vợ chồng ấy quyết khó lòng thành toàn, vì chúng lấy nhau từ bé, lúc bấy giờ chưa biết gì, đến lúc chúng lớn mới sinh lòng kén chọn. Chán cũ chuồng mới, nhân tình chi thường, bởi thế chúng mới sinh ra chê-bai lẫn nhau mà không sao hoàn toàn được.

2) Nếu tảo-hôn thì con cái của chúng tất không ra gì, mà sẽ gây lên cái giống nói bèn yếu.

3) Nếu tảo-hôn thời người con gái vì ái-tình quyến luyến, khó lòng thành nên sự nghiệp gì được.

*
* *

2) Nên trừ tuyệt thói áp chế. — Vợ chồng lấy nhau cốt phải có thuận tình nhau thời mới ăn ở với nhau lâu dài được. Nếu vì bị áp-chế mà phải lấy nhau thì sau này phi sinh ra thế, này, sẽ phải hóa ra thế kia, thật khó lòng giữ cho được hoàn-toàn. Vậy người làm cha mẹ cũng không nên giữ thói áp-chế mà lấy đôi lứa thuận tình làm trọng.

*
* *

3) Nên bỏ thói kén môn-đương hộ đời. — Vợ chồng lấy nhau là cốt ở thuận tình, nếu đã thuận tình nhau thời bất luận con nhà giàu, nghèo, sang, hèn; sai khác nhau thế nào đều nên cho lấy nhau. Nếu cứ bó buộc về thói môn đương hộ-đối, thật không mấy khi hai bên đều được thuận tình. Đã không thật thuận tình, thời ăn ở với nhau còn ra làm sao ? Đó tức là một cái gốc họa trong gia-đình vậy.

4) Nên bỏ thói lấy nhau bằng tiền. — Cái tục lấy nhau mà phải rờng tiền, thật không khác gì một cách mua bán, cho nên người ta đã gọi là « mua vợ » (mãi-hôn); Ôi ! vợ mà đến mua, thời còn danh giá gì. Huống chi nhà gái thách tiền nhiều, thời nhà gái lại phải chạy-chợt lắm thời sau này cái gánh nặng

ấy lại đổ vào cho con gái mình. Thế có phải mình ham cái lợi một lúc, mà khiến cho con mình phải đeo cái vạ về sau không?

5. Nên bỏ thói đòi tuổi.— Vợ chồng lấy nhau, cốt bởi ái-tình, đã có ái-tình với nhau thời thế nào cũng nên vợ chồng hay! Ta không nên theo tục mà đòi tuổi làm gì. Nghĩa là sự hay dở cốt ở người, chứ không bởi đâu ở tuổi vậy.

6. Ở nhà quê lại còn nhiều nhà con giai hãy còn bé nhưng cũng cứ lấy con dâu về để lấy người làm. Cái ý-tưởng của họ: một là muốn cho chóng có cháu cho đẹp mặt với người ngoài. Hai là lấy con dâu về thời vừa được có con, lại vừa đỡ được cái món tiền mướn đưa ở hàng năm. Ấy cái ý tưởng của họ hẹp hòi và ngu-dốt đến thế! Sao không nghĩ: con dâu lớn, mà con giai bé, nhờ gặp phải đứa không kiên-trinh thời còn ra gì? . . . Lại hoặc đến khi đức con giai nó khôn lớn nó không thuận, thời còn ra gì? . . . Ta chả thường thấy lắm nhà con giai hãy còn bé, mà lấy con dâu khôn quá, được ít lâu thời con dâu chửa, còn cháu có con, mà cả cha mẹ cũng phải cảm ngậm tằm đấy ư? Ôi! về chi một chút lợi nhỏ, mà gây nên một cái mối cại-boại gia-phong đến thế! Vậy tục lấy vợ khôn con bé, nên trừ tuyệt bỏ.

7 Nên trừ tuyệt thói vì ham giàu mà lấy nhau.— Nếu ham giàu mà lấy nhau đến khi tiền hết, tắt ở với nhau không ra gì.

8 Nên trừ tuyệt thói vì ham quyền thế mà lấy nhau.— Nếu ham quyền thế mà lấy nhau, đến khi quyền thế hết, tắt ở với nhau không ra gì.

9 Nên trừ tuyệt tục chằng giầy.— Chằng giầy là một tục rất giả-man, nên trừ bỏ.

10 Nên trừ tuyệt thói đóng cửa nhà thờ.— Cách Đóng cửa nhà thờ để tiền 1 thật là dễ tiện nên trừ bỏ.

MỘT ĐIỀU NÊN CHÚ-Ý VỀ VIỆC HÔN-NHÂN

Con giai nên từ 20 trở lên; con gái nên từ 18 tuổi trở lên; và đã đều có chức-nghiệp, biết cách sinh nhai, sẽ nên dựng vợ gả chồng.

TẾ TÔ - HỒNG

Xét trong cổ-lễ, thuộc về việc hôn, không có lễ nào gọi là lễ Tô-Hồng, mà cũng không thấy nói có vị tiên nào gọi là ông Nguyệt-lão.

Đấy ở trong Thuyết-bộ có một truyện rằng :

« Vi-Cổ một bữa đi chơi giăng, gặp một ông già đương xe các sợi dây đỏ ở dưới bóng giăng. Hỏi thì ông ấy nói rằng : Ta là Nguyệt-Lão, coi về việc xe duyên cho vợ chồng nhân-dân. Ta đã buộc sợi này vào chân người nào thì dù thế nào cũng phải lấy nhau . . . »

Vì một truyện trên này mà sau sinh-xuất ra những chữ : « Xích-thắng hệ-túc. — Nghĩa là : dây đỏ buộc chân. » và « Thiên lý nhân - duyên nhất-duyên - khiên. — Nghĩa là : nhân-duyên nghìn dặm một sợi dây v. v. » — Nhưng đó chỉ là đề làm một món thi-liệu cho các nhà tao-nhân mặc khách, chứ kỳ thực ở trong lễ không có lễ nào gọi là lễ ông Ti-Hồng Nguyệt-Lão thiên-tiên vậy .

Tuy nhiên, hôn-thú là một việc rất vui mừng, cũng bất-phương tùy tục đặt thêm ra cho có nghi-tiết văn vẻ, vậy xin dịch bài văn tế Tô-Hồng ở Thọ-mai gia-lễ ra như sau :

VĂN TẾ TÔ - HỒNG

« Duy .. năm... tháng.... ngày... phủ... huyện... xã .. Mô
 « vì việc lấy ... làm vợ. Nay nhân hôn sự đã xong, cần dâng.
 « mọi lễ, kính cáo lên đức Ti-Hồng-Nguyệt-Lão-Thiên-Tiên : rất
 « công, rất chính, chẳng lệch, chẳng thiên. Gương ngọc thấu soi
 « thế-sự ; Tô-Hồng buộc chặt nhân-duyên. Mọi ngày nào cầm
 « sắt kén duyên, đưa tin cá nhận; đến nay đã thất gia nên lửa,
 « vui thú phượng loan. Mấy dịp cầu Ô, phải lặng đã nhờ yên
 « sóng gió ; tắc thành lòng kiến, nhạt xuống xin thấu dạ ngu
 « hèn. Giám mong đức nhơn phù-chì, nghĩa Tần, Tấn trọn niềm
 « chung-thủy ; cho được ơn sáu lăm gọi, mộng hùng-bi nổi dãi
 « tổ tiên.

Cẩn-cáo »

MỘT CÁI TƯ-TƯỚNG MỚI VỀ VIỆC KẾT-HÔN

Tư-tướng mới về việc kết-hôn là gì ? — Tức là cái tư-tướng kết hôn tự-do vậy. Cái nghĩa kết-hôn tự-do thế nào, dư-luận bấy lâu đã bàn đến nhiều, đây không cần phải nói đến nữa. Duy có một điều, nước ta giờ đã có thể thực-hành được cái tư-tướng ấy hay chưa ?... Vấn đề ấy thật khó lấy một nhời nói mà giải-quyết ngay được. Về phần Bỉ-nhân thời tự nghĩ rằng :

Cái tư-tướng kết-hôn tự do phát sinh ra từ bên Âu-mỹ ; mà thực-hành cái tư-tướng ấy cũng chỉ Âu-Mỹ nhiều nhất. Nhưng xét cho kỹ thời bên Âu-mỹ vì cái việc kết-hôn tự-do mà sinh ra tai-hại thật cũng rất nhiều. Bởi sao ? Bởi đã tự-do kết-hôn được, thời tự-do ly-hôn cũng được, pháp - luật cũng không thể cấm-cố, cho nên lại thành ra một cái dịch hại rất gớm-ghe vậy !

Trông người mà ngắm đến ta, học thuật tư-tướng ta đã bằng người Âu-Mỹ chưa ? nhân - cách hoàn-toàn ta đã bằng người Âu-Mỹ chưa ? Chắc hẳn đưa tự-kiêu tự-đắc cũng phải chấp tay mà chịu là mười phần không bằng một vậy.

Nếu vậy mà ta cũng muốn bắt chước, tôi không dám nói quá rằng: «Thấy người ăn mầu»... Nhưng tôi thật e rằng lại giống như câu: «họa hổ bắt thành phần loại câu» mà thôi vậy.

MỘT CÁI HẠI SA-SỈ VỀ VIỆC KẾT-HÔN

Ở XÃ-HỘI TA NGÀY NAY

Cái phong-trào kết-hôn sa-sỉ ở xã-hội ta ngày nay, phạm người hơi có kiến thức, ai cũng phải công-nhận là một cái hại rất lớn :

Tiền đây Bỉ-nhân xin thuật một đoạn văn diễn-thuyết ở hội Khai-Tri của ông Hồ-Ihân, nói về cái hại kết-hôn sa-sỉ, đề công đồng lãm:

«... Không kể những kẻ bĩ lậu vô-tri, theo cái ác-tập mãi «mãi; đem con cái là món hàng để bán lấy tiền, cò kẻ bớt một, «thêm hai, không còn có ý nghĩa gì là hôn thê nữa, cái thói giả «thủ luận tài ấy, xưa nay ta cũng vẫn cho là Di-lồ chỉ đạo mà chỉ «ngại chế cười. Nay chỉ nói riêng về những nhà có kiến-thức đôi «chút, biết cái sự mua con bán cái ấy là một điều chái với nhân «đạo mà không bán đến tiền-tài, như vậy thì tưởng sư hôn-nhân «còn có điều gì đáng nên chỉ-ngại nữa ; nhưng than ôi ! không «lấy tiền mà cái hại lại gấp trăm gấp nghìn mới dộc chữ ! là «bầy ra hết cách sa-sỉ để mua chuộc lấy tiếng khen với đời.

« Cái hại sa-sỉ, nhất là ở các tỉnh thành ngày nay thì thực là
 « hết cách không còn biết sao mà nói cho cùng. Thường thường
 « đám cưới một nhà trung-lưu dờ lên, nói rằng không lấy tiền
 « nhưng nghi-liết lại bày cho mọi vẻ long-trọng, không kể những
 « đồ trang-sắc dâu rề, nào hoa, hột, xuyến, nhẫn, gấm vóc, đoạn,
 « xa phi tầu kê có mấy trăm mấy nghìn chẳng hạn; kể đến
 « những cái phi vô ích như ăn uống linh-dinh, hát xướng rộn-
 « rịp, lúc đưa dâu đón rề đua nhau mà dờ cách dềnh-dàng, xe
 « cao-xu chưa đẹp chưa sang. Lại tấp-tỉnh xe xong xe độc, kẻ
 « kẻ này có một, kẻ kia muốn mười, nỏ nức nhau, đua đòi
 « nhau chẳng ai chịu kém ai; nên có nhà lo xong một cái lễ
 « cưới cha con, tính có đến một món chi tiêu khá lớn. Nhà phú
 « quý thì tiền bao nhiêu cũng không quản, chứ nhà thường thường
 « bực trang mà cũng nhắm mắt lo xong được dâu được vợ, là kẻ
 « «vai mà chịu ngay mang nợ mang công. Ôi thôi cái trái-dãi trồng
 « «chất như non, có lẽ phải cố đất cầm nhà mà bồi-dắp, cơ hồ cũng
 « «chưa đủ; cái sự thêm người cho thêm vui cảnh đoàn viên trong
 « «chốn gia-đình chưa thấy đâu, mà cái nỗi lo buồn «nhất tội nhĩ
 « «nợ», nó đã cắn dứt trong lòng, làm cho mất ngủ mất ăn, gia-
 « «đạo vì đó mà lâm cơ suy-bại; có nhà vợ chồng cũng vì thế mà
 « «Chưa vui xum họp đã sầu chia phôi», luân-lý gia-đình theo đó
 « «mà đi» nên nhiều cái quái tượng nữa. Hôn-thú như thế nghĩ
 « «đã đáng ngao-ngán chưa? Vậy mà người đời vẫn như không
 « «biết thế là hại thì thực lạ quá! Ta lại nên biết rằng: cái sự hại
 « «chẳng những chỉ trong một nhà một người mà thôi, nó lại có
 « «cái ảnh-hưởng rất lớn và rất rộng. Vì sao vậy? — Hẳn ai cũng
 « «tự biết hiện nay là cái thời-đại cạnh-tranh, đường kinh-tế của
 « «xã-hội mình còn sút kém, phương sinh-hoạt của quốc-dân mình
 « «còn hẹp hòi, đã sút kém, đã hẹp-hòi, mà lại còn sa-sỉ thì có
 « «nguy không? Nguy nữa là hết thấy những cái sa-sỉ phạm, mà
 « «người mình nỏ-nức đua đòi nhau ấy, lại là thủ-dụng ở ngoài
 « «hóa cả. Người ngoại họ cứ hết sức làm mới làm đẹp, hết lối
 « «này dờ lối khác, người mình cứ việc khuôn vác, đem cái mẫu-
 « «tài huyết-mạch mà sắm mà mua, đem về lại hãnh-diện với nhau
 « «cho là sang-trọng, kỳ thật! mà ngộ thật! trách nào mà bảo
 « «cái tài-nguyên trong nước không tháo mà cạn, không tát mà
 « «vơi chẳng là bởi cái lậu chi rất lớn đó ru? !... »

Ông Đỗ-Thận nói một đoạn trên này. thật phải thật sắc, mong

Phụ-Lục

Nói về gia-phả và cách chép gia-phả

Nhà thời phải có Gia - Phả, cũng như nước phải có Quốc-sử. Nước không có Quốc-sử thì quốc-dân không biết ai là tổ nước sẽ sao-những hết công-cuộc sáng - nghiệp thù - thống của tiên-nhân, mà cái tư-tưởng quốc-gia, cũng ngày một hao - mòn, dần đến người có nước cũng không biết là có nước, khiến cho kẻ ngoài khinh bỉ, thừa thế rôm róm, rồi có lúc phải lâm đến cái thảm - họa giết - vong thôn-tính. Người có tri-thức, ai nghĩ đến mà chẳng sồn lòng !

Nhà mà không có gia-phả, thời cái nỗi thê-lương thực cũng không khác. Ta chẳng thấy lắm kẻ vì không biết đến cha ông mà sinh ra nghĩ bậy làm sằng, vì không biết đến cha ông mà sinh ra bỏ liêm quên sỉ, vì không biết đến cha ông mà giai tứ chiếng gái giang - hồ, vì không biết đến cha ông mà kẻ loạn thường, quân thất-nghiệp !... Đó là nói về phần quan-hệ lớn, nhỏ ra thời như tên tuổi tổ-tiên không rõ, giỗ chạp tổ-tiên không hay, mồ mả tổ-tiên không biết ký-táng tại phương sở nào, ngành nhánh họ hàng chẳng biết phân chia từ ông nào trước anh em trong một họ mà đối với nhau chẳng khác kẻ Việt người Tàu, máu mủ cùng một giòng, mà đối với nhau chẳng khác ao bèo nước lã !... Gây nên những cái tệ-doan đó, là bởi tại dân ? Tại không biết có tổ-tiên vậy. — Vì sao mà không biết có tổ-tiên ? — Vì không biết chép Gia-Phả vậy.

Nay muốn tránh khỏi cái tệ-doan ấy, nên tôi xin hiến quốc-dân một cách chép Gia-Phả, si nấy đều cứ y theo kiểu-mẫu mà chép, thời dù trải bao nhiêu thế đại, mà công đức của tổ tiên vẫn còn bày ở trước mắt, tên tuổi của tổ tiên vẫn còn ghi ở trong lòng. Rồi sau sẽ do sự quan-cảm mà phân-phát tiên-tu, vừa khỏi là người vọng-bán, vừa được là kẻ toàn-nhân, Thân đã lu, thì nhà sẽ tề, lại nhân đó mà càng suy càng rộng, thời một cuốn Phả-Ký này tuy là việc riêng của một nhà, mà thực thời không ợi riêng gì một nhà vậy.

T. S. CHÀNG CHỊ

Nhời dặt

1—Cách chép gia-phả xưa nay vẫn cứ lấy Cáo, Tăng, Tồ, Khảo làm thế-thứ, nhưng xét như thế thật là chật hẹp. Nay xin đòi làm: Đời thứ nhất, đời thứ hai... Cứ như thế mà chép mãi xuống cho được rộng. (Nghĩa này đã nói ở trên Taog-Lễ).

2—Chép Phả ký có 2 lối, một là Tộc-phả, chép từ ông Tồ sinh ra họ ấy làm đời thứ nhất. Rồi cứ lấy giòng trưởng mà chép tiếp mãi xuống. Còn các chi nhánh thời chỉ chép phụ ngay vào đời chia ra ấy mà thôi. — Hai là chi - phả, chép ngay từ ông tổ mới bắt đầu sinh ra chi ấy làm đời thứ nhất, còn các ông về đời trước thời không phải chép, (vì đã có Tộc-phả rồi).

3—Tộc-phả phần nhiều không nhà nào biết được ông tổ sinh ra họ ấy là ai. Vậy xin hãy nhớ được đến ông nào thời chép ông ấy làm đời thứ nhất.

4—Về phần các bà, ta hay chép là chánh-thất, thứ-thất, nhưng chép như thế tưởng cũng hẹp, vì nếu là bà thứ 5, thứ 6, thời chép bằng chữ gì? Vậy xin đòi làm: Đệ-nhất-phòng, đệ - nhị - phòng cho rộng và tiện.

5—Cuối gia-phả xin phụ thêm một mục nhan là Phụ-Biên, để chép những các Ông, các Bà không có người kế-tự, hoặc ông bà ngoại không có người kế-tự mà mình được thừa-nhận hương-hỏa. Trong khi chép, cũng phải ghi rõ ông bà ấy, hoặc ông bà ngoại ấy thuộc về đời thứ mấy, để cho khỏi nhầm.

6—Dưới tập chép gia-phả, tôi đề đủ 32 trang, tính vừa chép được trong khoảng 6 đời. Còn cách biên chép thời cứ theo như ở những trang kiểu-mẫu sau đây.

7—Trên kiểu-mẫu và dưới tập đề chép, đều có chia ra làm hai phần, chữ Hán và Quốc-ngữ, ai chép được cả hai thời càng hay, không thời chép một phần thôi cũng được.

8—Cứ mỗi một đời, cả phần chữ nho và quốc-ngữ, chép vào mấy trang giấy, dưới lại có đề thêm hai trang trắng. Để biên thêm những lời di-huấn của ông tổ đời ấy. Hoặc có chúc-phó lại vật gì, như tiền của, ruộng nương v. v. cũng biên cả vào cho được cẩn thận.

T. S. Cần-chí

Phụ - Biên

附

編

代 一 第

墓在碧雲處

卒於甲辰年七月十三日

生於己亥年八月十五日

十九歲生二子五女

第三房姓裴諱蓮號順和河南省里仁府合安社裴善弘公之第四女享壽五

墓在青雲處

卒於丁未年四月初五日

生於庚寅年三月初四日

十八歲生下一男一女

第二房姓枚諱玉號貞順河東省丹鳳縣無根社枚春生公之第一女享壽七

墓在紅雲處

卒於癸巳年三月十九日

生於壬寅年二月二十五日

五十九歲生下二子一女

第一房室姓李諱和號慈愛山西省石室縣萍蓬社李烏有公之第二女享壽

墓在白雲處

卒於乙卯年三月十二日

生於辛酉年正月初三日

公諱仙號佛謚敏何有公之第三子享壽六十三歲三房五子七女

子女總叙

第七女名花
第六女名芳
第五女名芬
第四女名草
第三女名菊
第二女名慧
第一女名蘭
第五子名紹
第四子名嗣
第三子名承
第二子名繼
第一子名述
第一房李氏所出
第二房李氏所出
第三房李氏所出
第四房裴氏所出
第五房裴氏所出
第六房裴氏所出
第七房裴氏所出
第八房裴氏所出
第九房裴氏所出
第十房裴氏所出
第十一房裴氏所出
第十二房裴氏所出
第十三房裴氏所出
第十四房裴氏所出
第十五房裴氏所出
第十六房裴氏所出
第十七房裴氏所出
第十八房裴氏所出
第十九房裴氏所出
第二十房裴氏所出
第二十一房裴氏所出
第二十二房裴氏所出
第二十三房裴氏所出
第二十四房裴氏所出
第二十五房裴氏所出
第二十六房裴氏所出
第二十七房裴氏所出
第二十八房裴氏所出
第二十九房裴氏所出
第三十房裴氏所出
第三十一房裴氏所出
第三十二房裴氏所出
第三十三房裴氏所出
第三十四房裴氏所出
第三十五房裴氏所出
第三十六房裴氏所出
第三十七房裴氏所出
第三十八房裴氏所出
第三十九房裴氏所出
第四十房裴氏所出
第四十一房裴氏所出
第四十二房裴氏所出
第四十三房裴氏所出
第四十四房裴氏所出
第四十五房裴氏所出
第四十六房裴氏所出
第四十七房裴氏所出
第四十八房裴氏所出
第四十九房裴氏所出
第五十房裴氏所出
第五十一房裴氏所出
第五十二房裴氏所出
第五十三房裴氏所出
第五十四房裴氏所出
第五十五房裴氏所出
第五十六房裴氏所出
第五十七房裴氏所出
第五十八房裴氏所出
第五十九房裴氏所出
第六十房裴氏所出
第六十一房裴氏所出
第六十二房裴氏所出
第六十三房裴氏所出
第六十四房裴氏所出
第六十五房裴氏所出
第六十六房裴氏所出
第六十七房裴氏所出
第六十八房裴氏所出
第六十九房裴氏所出
第七十房裴氏所出
第七十一房裴氏所出
第七十二房裴氏所出
第七十三房裴氏所出
第七十四房裴氏所出
第七十五房裴氏所出
第七十六房裴氏所出
第七十七房裴氏所出
第七十八房裴氏所出
第七十九房裴氏所出
第八十房裴氏所出
第八十一房裴氏所出
第八十二房裴氏所出
第八十三房裴氏所出
第八十四房裴氏所出
第八十五房裴氏所出
第八十六房裴氏所出
第八十七房裴氏所出
第八十八房裴氏所出
第八十九房裴氏所出
第九十房裴氏所出
第九十一房裴氏所出
第九十二房裴氏所出
第九十三房裴氏所出
第九十四房裴氏所出
第九十五房裴氏所出
第九十六房裴氏所出
第九十七房裴氏所出
第九十八房裴氏所出
第九十九房裴氏所出
第一百房裴氏所出

述 總 行 言 集 事

食慎言語屏絕祈禳留心善事人咸稱爲得胎教之意云

勃變茅茨而无屋方貧賤而素豐者氏之力居多至於居胎之時尤能節飲
第三房裴氏雖兒女而有經濟之才平日尤專勤於商務故家業之所以蓬
學識稱焉

第二房枚氏性本溫和言多謙讓事上接下惟禮是從故雖不學而人多以
所優而得顯名於辰者氏之力居多焉

第一房李氏順以相夫寬以御下勤儉持家慈祥接物 公所以不爲內顧
而濟之以忍故家庭之中常雍雍然一太平景象雖有三房而人無間言焉
能脫鴉片之鳩毒者公之力焉 公處家庭一以孝弟誠信慈愛勤儉爲本
心所事曾上書政府請禁止鴉片言詞懇切政府爲動得俞所請我民所以
公少年英俊讀書之暇尤留心寔業乙未年應舉本處人民代表中選之後及

Đời thứ nhất

Ông húy Tiên, hiệu Phật, thụy là Mẫn.

Con thứ ba cụ Hà-hữu-Công.

Hưởng thọ 63 tuổi. Ba vợ. Năm trai. Bảy gái.

Sinh ngày mùng 3, tháng Giêng, năm Tân-dậu.

Mất ngày 12, tháng 3, năm Ất-mão.

Mộ táng ở xứ Bạch-Vân.

—Bà thứ nhất. Họ Lý, húy Hòa, hiệu Từ ái. Con gái thứ hai cụ Lý ô-Hữu, quán xã Bình-Bồng, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn-tây. Hưởng thọ 59 tuổi. Hai trai, một gái.

Sinh ngày 25, tháng 2, năm Nhân-dân.

Mất ngày 19, tháng 3, năm Quý-tị.

Mộ táng tại xứ Thanh vân.

—Bà thứ hai. Họ Mai, húy Ngọc, hiệu Trinh-thuật. Con gái thứ nhất cụ Mai xuân-Sinh, quán xã Vô-căn, huyện Đan-phương tỉnh Hà đông. Hưởng thọ 78 tuổi. Một trai, một gái.

—Bà thứ ba. Họ Bùi, húy Huệ, hiệu Thuận-hòa. Con gái thứ tư cụ Bùi-thiện-Hoảng quán làng Hợp-an, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà-Nam. Hưởng thọ 59 tuổi. Hai trai, Năm gái.

Sinh ngày rằm tháng 8, năm Kỷ Hợi.

Mất ngày 13, tháng 7, năm Giáp-Thìn.

Mộ táng tại xứ Bích-Vân.

CÁC CON

— Trai thứ nhất, tên là Thuật. Bà Lý-thị sinh ra.

— Trai thứ hai, tên là Kế Bà Lý-thị sinh ra.

— Trai thứ ba, tên là Thừa Bà Mai-thị sinh ra.

— Trai thứ tư, tên là Tự. Bà Bùi-thị sinh ra.

— Trai thứ năm, tên là Thiệu Bà Bùi-thị sinh ra.

— Gái thứ nhất, tên là Lan. Bà Lý-thị sinh ra. Gả cho Nguyễn-Tấn-Khanh, làng Vào-Hương, làm vợ (cả bảy là thứ hai).

— Gái thứ hai, tên là Huệ. Bà Mai-thị sinh ra, gả cho Đinh-Khắc-Địch, xã Hòa-Bình làm vợ thứ hai.

- Gái thứ ba, tên là Cúc
- Gái thứ tư, tên là Thảo.
- Gái thứ năm, tên là Phần.
- Gái thứ sáu, tên là Phương
- Gái thứ bảy, tên là Hoa

Tổng thuật và Sự-nghệp và Ngôn-bạnh.

— Ông lúc thiếu-niên rất là anh-tuấn. Những khi rảnh về việc đọc sách, càng lưu-tâm về thực-nghệp. Năm Ất-vị, ứng cử làm Nhân-dân Đại-biểu ở bán-sứ. Sau khi trúng tuyển, rất chăm về chức-vụ. Từng gửi thư lên Chánh-phủ, xin cấm chỉ thuốc phiện, nhờ nhẽ rất khẩn-thiết khiến cho Chánh-phủ cũng phải động lòng, chuẩn cho lời xin. Dân ta sở dĩ được thoát cái hại Nha phiến ấy là sức của ông vậy.

Ông ở chốn gia-đình, nhất-thiết lấy Hiếu, Đễ, Thành, Tín, Từ, Ái, Cần, Kiệm, làm gốc. Mà giúp thêm bằng tinh Kiên-Nhẫn. Cho nên trong nhà lúc nào cũng êm ái, hoạt-biến ra một cảnh-tượng thái bình. Tuy 3 phòng (vợ), mà không ai nói xen vào được nhờ nào.

— Bà thứ nhất, thuận dễ giúp chồng, khoan dễ dãi dưới. Cần kiệm coi nhà, từ-tường tiếp vật. Ông sở dĩ không vương về việc nội-cổ, mà được hiền-danh ở đời, thực phần nhiều bởi sức Bà vậy.

— Bà thứ hai, tinh nết ôn hòa; nói năng khiêm-nhượng, thờ trên tiếp dưới; đúng theo với lễ. Cho nên Bà hầu không học, mà người thường khen là có học-thức vậy.

— Bà thứ ba, tuy là đàn bà mà có tài kinh-tế. Bình-nhật rất chuyên cần về nghề buôn. Cho nên nghiệp nhà sở dĩ phát-dạt, đổi nhà tranh làm nhà ngói, đương kể khó nên kể giàu, do sức Bà thực nhiều.

Đến như những khi có thai, lại càng hay dè-dặt ăn uống, giữ-dìu nói năng; sa hẳn sự cùng cầu, lưu-lâm làm việc thiện. Người ngoài đều khen là Bà theo được cái ý “Thai Giáo” (1) của cổ-nhân vậy.

1. — Thai-giáo là dạy con từ trong thai.

子女總叙

子女總叙

事業言行錄述

Đời Thứ

— Ông, húy., hiệu thụy

Con thứ Cù

Hưởng-thọ tuổi. Vợ, Trai, Gái.

Sinh ngày , tháng , , năm

Mất ngày, , tháng , năm

Mộ táng ở xứ

— Bà thứ nhất, Họ . Húy . hiệu . Con gái

Thứ... Cù , quán . huyện

Tỉnh . Hưởng thọ tuổi. Trai Gái

Sinh ngày , tháng , năm

Mất ngày , tháng , năm

Mộ táng ở xứ

CÁC CON

THI

THÊ PHẢ

氏

支世譜

代

第

公諱

第一房

墓在

卒於
生於

之第
室正
姓

墓在

卒於
生於

子
女

號

處

女享壽

諱號

處

日 日

日 日

之第

歲生下

子

子享壽

歲

房

TỔNG THUYẾT VỀ SỰ NGHIỆP VÀ NGÔN HÀNH

LỜI CHÚC PHỢ

các sách của NHAT-NAM đã xuất-bản

Bộ y Học (dạy làm thầy thuốc ống lang)

Y-học từng-thứ trọn bộ Op00. Sách thuốc kinh nghiệm I—Op80. II—Op80. Sách thuốc dân bà 1p60. Sách thuốc trẻ con 1p60. Sách dạy xem mạch 1p50. Tĩnh dục 1p80. Sách thuốc Nhật bản Trung hoa Op80. Chữa Đau Sỏi (lên trái ban, trái mùa) 1p50. tục Y-học Op80. Sách thuốc chuyên chữa bệnh lương Hàn 3p00 v. v.

Bộ thể thao (dạy võ Tàu môn Thiếu lâm võ Nhật võ Ta võ Tây)

Tập võ Tàu I Op26 II Op30 III Op50 IV Op30 V (đánh Giản) Op50 VI đánh kiếm Op80 VII đánh côn Op80 VIII Op80 IX Op80 võ Nhật Op50 võ Ta Op50 võ Tây Op60. Đá bóng Op30 đấu trung bình tiên Op80 Thiếu lâm Quyền pháp chính tông Op30. Môn võ bí truyền song luyện Op80 Lối võ thường dùng Op80 vũ thuật Tiểu thuyết từng thứ I (Cần-long Du G. NAM) 1p50 II Thập bát hiệu lâm Đại kiếm hiệp Op80 III Danh trấn G. hồ Op30 IV Kiếm thanh Hoa ảnh-Lục Op80. Học đấu võ Tàu Op80 v. v.

Bộ công nghệ (dạy làm các nghề)

Dạy làm 30 nghề dễ làm 1p50. Dạy làm 40 nghề ít vốn 2p00 Dạy làm Kim khí và Cơ khí Op80. Dạy làm ảnh chụp hình 1p00 Điện học 1p50 v. v.

Bộ thần học (dạy các Khoa bí mật của tạo hóa)

Dạy thôi miên I Op25 II Op35 III Op40 IV Op50 V Op50 thôi miên Nhật-bản Op50. Trường sinh thuật Op50. Dạy lấy số tử-vi 1p20. Địa lý chỉ nam (dạy làm địa lý) 2p00 Dạy xem tướng bàn tay 1p50. Thần bí thực hành Op50 xem Tiền định 1p00 v. v.

Bộ mỹ thuật (dạy làm cách đẹp hay)

Sách dạy đàn Huê và Cải lương Op50. Sách dạy vẽ 1p50. Dạy làm văn thơ 1p50 dạy làm ảnh (chụp bóng) 1p00

Bộ doanh nghiệp kinh tế (dạy làm kế toán nhà buôn đánh máy v. v)

Những điều nhà buôn cần biết và dạy buôn bán 1p00 Thương mại kế toán cũ mới 2p00

Bộ tiểu thuyết (chuyện lịch sử nghĩa hiệp kiếm hiệp v. v)

Cổ bàng Loa Op20 Ba giai tử xuất cị oại ngông Op50 Lịch sử Đề hám Op50. Đốt cháy chùa Hồng liên 2p50. Gươm cứu khổ (Minh sử d'ieu v. Op60) Tiên-Hán d'ieu nghĩa 1p50. Cải tạo văn chương Op30. Người trả thù (cách mệnh) trình tham Op30) Bề tình nổi sóng từ T. Á) Op30. Nước hồ gương (Lan khai) Op20. Hải dương hồn Op30 Đông chu l'et quốc 1p50. Thắt kiếm diễn nghĩa 1p00 tục Op40. Gai anh hùng Op35. Tự giải anh hùng Op35. 24 người anh-hùng cứu quốc 1p20. Quán Bải sậy (Tán-thuật Hưng yên) Op35. Phong trần thám sử Op65. Bạo đời xưa Op10. Trần Nguyên chiến kỷ Op50. Việt thanh chiến sử Op40. Vợ ba Đề thám Op10 Hai bà họ Trưng đánh giặc Op80 Lê đại hành Op35 Vua Bô cái Op35 Hùng vương diễn nghĩa Op50. Đinh tiên hoàng Op45 Vua bà Triệu Âu Op50 Sư hổ mang Op25... Tiểu lục (Tiểu thuyết lối mới) của Nữ Sĩ soạn Op50

Bộ Luân lý Lễ nghi (dạy làm người hay)

Phổ thông giáo dục Op50. Gia-Lễ chỉ nam (in lần thứ ba) có dạy làm gia phả 1p20 Âm thực chỉ nam dương in lại 1p20. Nam nữ bí mật (in lần thứ sáu) Op50. Học đánh châu và binh pháp Op50. Sách nói về Hanoi có nhiều hình Op30. Tinh thần phong tục Nhật bản Op20 Ái tình cầm cương Op30. Học chữ Tây và tiếng Tây có dạy cả mẹo in lần thứ tư Op30. Sách dạy đánh cờ Op60. Nhân nuôi theo khoa học Op30, còn nhiều nữa dương in ra mãi. Gửi l'inh. (trao ngán), gửi lem thơ trước làm cước Thư hoặc mandat chỉ để như vậy:

các sách dạy

Võ Tàu, Nhật, Tây, Ta.

Võ Tàu I 0p26 II 0p30. III 0p50. IV 0p30. V (đánh Giã) 0p50.
VI (đánh Cờ) 0p80. VII (đánh kiếm) 0p80. VIII dạy Đạo pháp 0p80.
IX Thương pháp 0p80. X Đẩu Song binh Tiên) 0p80. Thiếu lâm
Quyền pháp Cái th long 0p30. Lối võ Thường dùng 0p30. v.v...

Các sách võ kể dạy đầy đủ các bài võ như : Mai hoa, Lân
hoa, Hầu quyền, Tẩu Nội công, Thiếu lâm lục lộ v. v. và các bài
Kiếm, Cờ, Giã, Đạo, Thương, đẩu Roi, đánh vật, cùng như g
miếng dòn, bị hiểm độc thủ và các lối thể thao, Cách đấu võ
có giá trị.

LỐI VÕ THƯỜNG DÙNG

Hình vẽ rõ

rệt ai học

tây cũng

gỏi ngay.

Chả cần

các sách

này đã là

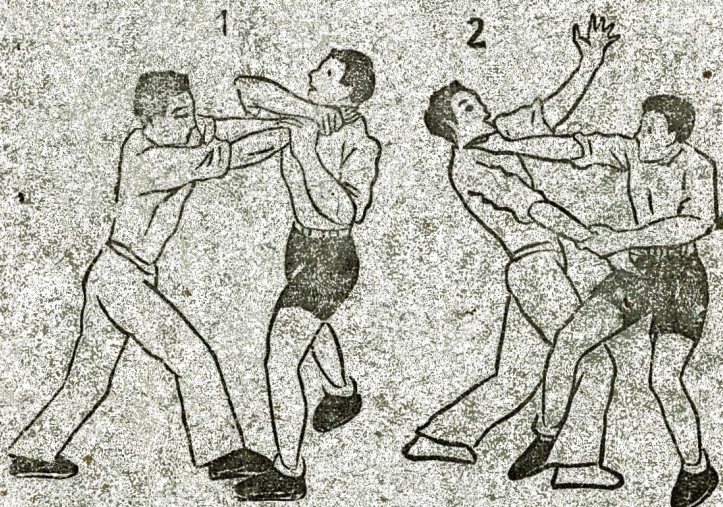
lại đến 4 5

lần!

đó SƠ V

NRÁ V

SOAN



1 - Hô bộp cổ, mình gở ra... 2 - Mình bộp cổ lại và làm ngựa...
(Tay nắm thể nào cho họ bị đau mà buông ra, dạy kỹ ở trong sách)
Có 64 hình vẽ và thể võ ai đủ 1g cũng được gỏi ngay. Giá có 0p30

mới xuất bản “**Sư-Tử Cồn-Cầu**” 2 bài võ đặc biệt
Có 90 hình vẽ vừa dạy đấu võ lâu, vừa dạy 2 bài võ (Sư-tử Cồn-
cầu) rất quý. 0p60 (gỏi mua nhiều thứ sách một lượt cho rẻ cươ.)

Xin nhớ : Nếu không kèm tem thơ, bản quán sẽ không
trả lời ai hỏi.

Ở xa gỏi mua thêm liền cước, thơ, mandal để cho nhà xuất-
bản như vầy : «**Nhật Nam Thư Quán 19 Hàng Điều Hanoi**»